

là để giải-quyết điều nghi ngờ, thế mà đã chẳng có nghi gì thì bói làm chi ? Ý nghĩa là : « Đối với pháp tu ». Trì danh niệm Phật có hai nghĩa quyết-định rằng : 1.- Với tâm ta, ta niệm Phật là để kêu thúc-tấn Phật của tự-tánh Di-Đà của ta thường được tỉnh giác. 2.- Với cảnh Phật, ta niệm Phật là để kêu van Đức Phật A-Di-Đà đã có đại nguyện hứa hẹn giúp ta. Vậy tu pháp Trì-danh vừa là tự Phật, vừa là tha Phật, đủ sức, sức nào cũng toàn là Phật, tu hơn là Phật, kết quả cũng Phật, tỷ như trồng hơn là lúa, kết trái cũng lúa, chắc chắn như vậy, còn ngờ gì mà lưỡng-lự ? Cũng như, không nghi gì mà bói làm chi ?

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THỂ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỀN THỨ HAI

Đất Cờ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-Môn Chu-Hoàng thuật.

TÔNG-THÍCH DANH ĐỀ (phân ra làm hai phần)

1. **Đề nghĩa** : nghĩa của kinh này.
2. **Dịch nhơn** : người dịch ra chữ Tàu.

1.- ĐỀ NGHĨA :

Như nghĩa tám môn trước đã kê bày, được biết đại-ý trong một kinh rồi. Bây giờ muốn giải thích lời văn, trước phải nói tông-đề, làm cho mạch văn có lẽ liếp ; nên kê đây tông thích danh-đề.

PHẬT-THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

SỚ : Đề nghĩa có bốn : 1.- Phật năng thuyết ; 2. Chính đương thuyết ; 3. Phật bị thuyết ; 4.- Tông-kết tên ai thuyết.

Nghĩa là đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni ở cõi này nói kinh này kê y-báo chánh-báo trang-nghiêm tín, nguyện được vãng-sanh về nước Phật A-Di-Đà ở cõi kia. Tông-quát đại-ý, lần lượt sẽ chia ra giải như sau đây :

SAO : « Tông quát » là : Trước lược nêu toàn văn, đề cho mạch văn thông-suốt, ý-nghĩa đầy đủ, sau tuần tự mỗi mỗi giải riêng. Đầu đề chỉ nói tên Phật, mà sau đây lại nói cả y-báo chánh-báo.v.v... là gì ? Trong Quán-kinh dạy : Nói Phật là đủ, cho nên nói Phật là gồm thâu tất cả.

SỐ : Lần lượt chia ra giải : Chữ «Phật» nói đủ theo tiếng Phạn là : Phật-Đà (bực đã giác-ngộ), Tàu dịch là : Giác-giả vì đủ ba nghĩa Giác ; lại dịch : Trí-Giả. Bởi vì không chỗ nào mà Ngài chẳng biết. Lại chữ Phật là một hiệu trong mười hiệu (từ Như-Lai, Ứng-cúng v.v... cho đến Thế-Tôn).

Lại trong kinh Thập-Địa nói : Chữ Phật có mười nghĩa. Tò Thiên-Thai Trí-giả nói : Chữ Phật có sáu nghĩa ; còn kinh Hoa-Nghiêm nói : Phật có đủ mười thân. Cho nên nói đức Phật là Trời trên các hàng trời ; Thánh trên các bực Thánh. Phạm chỗ nào nói riêng một chữ Phật tức là chỉ ngay đức Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni vậy.

SAO : Chữ Phạn : nghĩa trong sạch. Đối với chữ Tàu nói Phạn là nghĩa văn chất đều có đủ.

Chữ «Cụ» là Cu-Túc. Nói đủ theo tiếng Phạn (Brahma) thì nói Phật-đà (Buddha). Nay không nói chữ «Đà» là bớt văn. Nếu dịch theo tiếng nước Tàu thì ta đọc là bực Giác, vì đối với chúng-sanh mê mà nói Ngài là Giác.

Song Giác có ba nghĩa : 1.- Tự-giác khác với phàm-phu. 2.- Giác-tha khác với Nhị-thừa. 3.- Giác-mãn khác với Bồ-tát.

Ba giác đầy đủ nên nói Ngài là : Tự, Tha, Giác-mãn.

Lại ly vọng-tâm là Tự-giác ; ly sắc-trần là Giác-tha ; ly cả hai : vọng-tâm, sắc-trần, gọi là Giác-mãn cũng là nghĩa tam-giác. Lại nói là Trí-giả ; Trí tức là nghĩa Giác.

Câu « không chỗ nào mà Ngài chẳng biết » là : Trong Luận Trí-Độ nói : Ngài biết tất cả chúng-sanh và chẳng phải số chúng-sanh, thường và vô-thường (1), vì cái trí của Ngài không chỗ nào mà Ngài chẳng biết, nên xưng tụng Ngài là ông : « Đắc Nhứt-Thể chủng-trí » tức là nghĩa Giác-mãn...

Câu « Mười hiệu » là đức Thế-Tôn đủ cả muôn đức, không thể nói cho hết. Nay chỉ lược nói từ hiệu Như-Lai cho đến hiệu Phật cộng có mười hiệu, mà Phật chính là một hiệu trong mười hiệu. Vì có đủ mười đức đầy, là chỗ tôn-chủ của cả thế gian và xuất thế-gian, nên gọi là Thế-Tôn.

Nói Phật có mười nghĩa là : Đủ hai trí : căn-bản trí (2) và hậu-đắc trí (3), đoạn hai chướng : phiền-não chướng (4) và sở tri-chướng (5). Giác chơn-đế (6) và tục-đế (7), đẳng hai lợi : tự-lợi và lợi-tha. Và hai ví-dụ : Mộng-giác và Hoa-khai, hiệp làm mười nghĩa.

Chữ « Phật » có sáu nghĩa : Đầu tiên là lý-tức Phật (nói tắt cả chúng-sanh sẵn có Phật tánh) rồi sau là cứu-cánh tức Phật. (Nói quả vị Diệu-giác). Số là ban đầu thì toàn-giác bị toàn-mê chằng giũa. Giác mà chưa thiết Giác, rồi sau mới thiết hoàn-toàn không chỗ nào mà không giác. Nay nói chữ Phật đây là chỉ ngay ông Phật cứu cánh toàn-giác vậy (8).

Phật có mười thân là : Thứ nhất Chánh-Giác Phật đến thứ mười Tùy-nhạo Phật, rõ đủ trong phẩm Ly-thế-gian. Mười thân Phật đây, duy trong kinh Hoa-Nghiêm có nói (9).

Song tóm chỗ đại-yếu, dầu mấy thân cũng chẳng ra ngoài nghĩa Giác-mãn, cho nên nói mười thân được viên-mãn, ngôi Chánh-giác mới thành-tựu, gọi là Viên-Mãn Phật.

« Trời trên các hàng trời » là : Trời có bốn cảnh giới
1.- Trời thế-gian : Các vị vua trong nước. 2.- Trời sanh Thiên : Các Trời trong ba cõi : Dục-giới, Sắc-giới, và Vô-sắc-giới.
3.- Trời Tịnh-Thiên : Các thánh Tứ-quả : Bích-chi Phật. 4.- Trời nghĩa Thiên : Các thánh Thập trụ Bồ-tát.

Với bốn trời nói trên đây, Phật đều siêu vượt hơn cả, nên nói Phật là Trời trên các hàng Trời.

Thánh trên các hàng Thánh là : Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát, tuy đã chứng quả Thánh mà chưa hơn. Duy có Phật là quả cực-điểm nên nói : Phật là Thánh trên các hàng Thánh.

Tức đức Thích-Ca là : Với đời quá-khứ, đời vị-lai, hãy nêu lên ông Phật chi ? Tức đức Thích-Ca hiện ngồi chốn đạo-tràng, nên chỉ xưng một mình Ngài vì trong một cõi không hai vị Phật, dụ như : Đế-vương triều-đại thời xưa, phải xưng gọi có một Quốc-hiệu, còn với nhà cầm quyền thời nay thì chỉ xưng gọi ngay là đảng Chí-Tôn : Cũng bởi có trong một nước không có hai vua, hay hai ông Quốc-chủ.

Như vậy thì đủ hiểu : Phạm chỗ nào nói một chữ Phật tức chỉ ngay cho Thái-tử Tất-Đạt-Đa tu thành Phật hiệu Thích-Ca là Phật thứ tư trong hiền-kiếp (kiếp hiện-tại) này vậy.

SỐ : Chữ (Thuyết) là đẹp, là vui đẹp trong lòng, vì bốn biện tài tuyên diễn từ 12 bộ kinh luôn đến bốn món Tất-Đàn đều là nghĩa thuyết cả.

SAO : Vui đẹp trong lòng là gì ? Bản-nguyên độ-sanh của Phật nhằm cơ thuyết-pháp vui đẹp trong lòng. Như trong kinh Đại-Bồ-nhĩ nói : Đức Thế-Tôn muốn thuyết kinh này, trước khi nói, các căn đã ửng đỏ, gương mặt vui tươi khác thường. Huống chi nay pháp tri-danh niệm Phật đầy đủ nhằm cơ mà thuyết, sự vui thích biết chừng nào.

Bốn pháp biện tài là : Nghĩa-biện, Pháp-biện, Từ-biện và Nhạo-thuyết biện tài, Cả 4 món đều không ngần-ngại nên nói là thuyết.

Bộ Trung-Luận nói : Các đức Phật y hai Đế (Chơn-đế và Tục-đế) để vì chúng-sanh thuyết-pháp. Có trí : Từ (lời) không ngại, vì lấy trí thế-gian để nói về sự sai biệt, có trí nhạo thuyết (thích nói) không ngại vì lấy trí đệ nhứt nghĩa để nói về sự hay khéo.

Trong đây không nói hai điều : Nghĩa-biện và Pháp-biện, là vì nói hai pháp sau này gồm luôn cả hai pháp trước. Bởi Từ-biện và Nhạo-thuyết-biện đã gồm nhiếp Nghĩa-biện và Pháp-biện rồi.

Mười hai bộ kinh, (phần giáo) v.v... là pháp bị thuyết.

Chữ « Tất-Đàn » hiệp cả tiếng Hoa và tiếng Phạm là : Biến thí. Đã dùng bốn môn : Thế-giới ; Vị-Nhơn ; Đối-trị ; và Đệ-nhứt-nghĩa làm bốn điều lợi ích chúng-sanh là : Hoan-hỉ, Sanh thiện, Diệt ác và vào Đạo.

Mười hai bộ kinh với tất cả các pháp, tùy trường hợp mà thuyết có vô-lượng phương-tiện. Song tóm tắt cũng chẳng ngoài : Thế-giới, luôn bốn thuyết Tất-Đàn làm cho người đặng hoan-hỉ ; luôn... bốn điều lợi ích mà thôi. Xem cơ trao pháp, văn kia nhiều và rộng, lược nói không hết.

SỐ : Phật thuyết là : Vì lựa riêng giữa năm người thuyết.

SAO : Năm người là Phật (1), Bồ-Tát (2), Trời (3), Tiên (4), Hóa-nhơn (5). Năm người đây đều thuyết kinh được. Nhưng nay nói rõ kinh này là vị chỉ Thánh lập lời, chính lời kim khẩu của Ngài thuyết, chẳng đồng với các hàng Bồ-Tát còn ở khoản tu-nhơn. Trời thuộc loại phàm, Tiên xen với ngoại đạo, Hóa-nhơn chẳng phải thiết người.

Dụ như Lời chiếu của vị Thiên-tử đầu có đồng với hàng bá quan Tề-tướng cùng lời các ông vua trong các nước nho-nhỏ.

SỐ : A-Di-Đà là : Nêu rõ đức Phật ở cõi kia. Tiếng Phạm « A » dịch « Vô ». Tiếng Phạm : Di-Đà dịch : « lượng ». Nghĩa là, công đức của Ngài không thể cùng tột. Cho nên nói rằng : Vô-lượng. Như trong kinh nói : Thọ-mạng vô-lượng. Quang-minh vô-lượng, là trong những vô-lượng, chỉ nói vài việc, gồm các công đức kia vậy.

SAO : Vô-lượng có hai nghĩa :

- 1) Đồng nhiều không có số lượng.
- 2) Rộng lớn không có hạn lượng.

Lại có hai nghĩa :

- 1) Vô-lượng là một trong 10 con số lớn (kinh Hoa-Nghiêm có đủ).
- 2) Vô-lượng là lại vô cùng tận.

Chỉ nói có vài việc là : Với vô-lượng chẳng những : Thọ-mạng và quang-minh mà thôi. Rõ như trong văn sau có Biện.

SỐ : Chữ kinh. Tiếng Phạm nói : (Sutra) Tu-Đa-La. Tàu dịch : Khế kinh có Thông và Biệt hai nghĩa. Chữ khế cũng có hai nghĩa. Chữ kinh lại có nhiều nghĩa. Kinh tuy có nhiều nghĩa, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa là : Quán, Nhiếp, Thường và Pháp.

SAO : Thông, Biệt là : Những giáo-pháp bị Phật-thuyết chung kêu là : Tu-Đa-La đó là nghĩa-Thông. Nếu chia ra thời : Kinh là Tu-Đa-La, Luật là Tỷ-Nại-Da, Luận là A-Tỳ-Đàm ; đó là nghĩa Biệt.

Chữ «Khế», có hai nghĩa là : 1) Khế-lý : Lời nói hợp với đạo-lý. 2) Khế-cơ : Giáo-pháp hợp với căn-cơ. Nay bỏ chữ Khế chỉ nói chữ Kinh là bớt văn vậy.

Chữ «Kinh», lại có nhiều nghĩa là : Kinh Hoa-Nghiêm, lời sớ-dẫn tạp-tám có năm nghĩa : 1) Xuất-sanh ; 2) Hiền-thị ; 3) Dũng-tuyền ; 4) Thắng-mặc ; 5) Kiết-mang.

Luận Phật-Địa nói có 2 nghĩa : 1) Quán-xuyến ; 2) Nhiếp trì.

Phương đây (Tàu) có bốn nghĩa : 1) Thường ; 2) Pháp ; 3) Cảnh ; 4) Điền, cho nên nói có nhiều nghĩa.

Câu : Không ngoài bốn nghĩa là, chỉ cho bốn chữ : Quán, Nhiếp, Thường và Pháp. Bởi vì chữ kinh, bên Tây-Vực dịch là Tuyến (sợi chỉ). Tuyến có nghĩa là Quán-trì.

Quán là : Xâu-xỏ, những giáo-lý bị thuyết. Trì là : Thâu giữ những chúng-sanh được giáo-hóa khỏi đọa. Hai nghĩa đây gồm đủ năm nghĩa : Xuất-sanh, Hiền-thị v.v... nói trên. Nhưng kinh-diễn phương này (Tàu) cũng kêu là kinh. Kinh là nghĩa Tuyến : Song nước Tàu không quý chữ Tuyến nên chỉ nhận chữ Kinh lại thêm chữ Khế. Xưa cho vậy là đúng-dẫn. Lại chữ «Thường» là : Xưa nay không đổi. Chữ Pháp là : Gần xa đồng tôn. Chữ «Thường» là : Lâu mà vẫn tuân-hành theo, có nghĩa chung nói, tức là cảnh (con đường).

Chữ «Pháp» là : Pháp-tắc chơn-chánh có nghĩa như định, tức kêu là Điền (khuôn mẫu). Cũng có hai nghĩa : Thường và Pháp đây, gồm đủ hết bốn nghĩa kia (Thường, Pháp, Cảnh, Điền). Thế thời cõi kia (Ấn-Độ) nói : Quán và Nhiếp cũng như phương này (Tàu) gọi Thường và Pháp ; hiệp chung lại mà nói : Ở trong bốn chữ, đều đủ nghĩa kinh vậy.

SỐ : Lại chữ « kinh » còn có hai nghĩa Thông và Biệt. Một chữ « kinh » gọi là Thông (chung). Còn năm chữ « Phật Thuyết A-Di-Đà » gọi là Biệt (riêng) Chỉ như : Giáo, Hành, và Lý, Thông và Biệt cũng thế. Ba chữ đây (Giáo, Hành, Lý) tức phối với ba đức : (Pháp-thân, Bát-nhã, Giải-thoát) viên-đưng cụ-túc. Như Ngài Thiên-Thai nói : Vừa nghe đầu đề tên kinh, công-đức đã vô-lượng. Bằng phối với ba đại, thời Phật là thê-đại, Vô-lượng-Thọ là tướng-đại. Vô-lượng-Quang là dụng-đại như trong phần giáo đã nói.

SAO : Giáo, Hành, Lý là gốc do nơi Lý mà Lập-Giáo : Y nơi Giáo để tu-hành nhờ tu-hành mà rõ được Lý. Các kinh đều đủ cả ba : Giáo, Hành, Lý, nên gọi là « thông » (chung). Bằng chuyên chỉ riêng kinh này, thì hai chữ : « Phật-thuyết là Giáo ». Bốn chữ « chấp-trì danh-hiệu » là Hành. Ba chữ : « A-Di-Đà » là Lý. Theo đây khác với trên nên gọi kinh này là « Biệt » (riêng).

Phối với ba đức là 1.- Lý tức là Pháp-thân ; 2.- Giáo tức là Bát-Nhã ; 3.- Hành tức là Giải-thoát.

Lại Lý thông cả Hành và Giáo, thì Pháp-thân tức là Bát-nhã và giải-thoát cho đến hành-thông cả Lý và Giáo hay theo Giáo thông cả Lý và Hành chẳng hạn, nói một tức là ba ; so trên nên biết.

Thê, Tướng và Dụng : Chữ Thê là Tổng Thê, nghĩa là nói Phật thì đủ hết, cho nên lấy chữ « Phật » làm thê.

Chữ Tướng là trong Thê sẵn đủ các Tướng. Thê vô tận, Tướng cũng vô tận, cho nên lấy ba chữ « Vô-lượng-Thọ » làm Tướng.

Chữ Dụng là trong Thê phát sanh Dụng. Thê chiếu tới đầu Dụng cũng chiếu tới đó, cho nên lấy ba chữ « Vô-lượng-Quang » làm Dụng, hoặc Thông hoặc Biệt cũng so như trên.

SỐ : Các kinh lập danh-đề, phần nhiều lấy cả ba món Nhân, Pháp và Dụ. Hoặc có kinh dùng một, hoặc có kinh dùng hai. Kinh này riêng dùng một Nhân (người). Người lại có hai, vì người chứng-quả trong hai cõi, thiết ra thời cả ba : Nhân, Pháp và Dụ đều dung-thông.

SAO : Một hai là như kinh « Đại-phương-Quảng Phật Hoa-Nghiêm » đầy đủ cả ba : Nhân, Pháp và Dụ. Kinh Đại-phương-tiện Phật-Báo-Ân, có Nhân và Pháp không Dụ. Kinh « Diệu-Pháp Liên-Hoa » có Pháp, Dụ mà không Nhân. Kinh « Bồ-Tát Anh-Lạc » có Nhân, Dụ mà không Pháp. Kinh Đại « Bát-Nhã » có Pháp mà không Nhân, Dụ. Kinh « Phạm-Võng » có Dụ mà không Nhân và Pháp. Nay kinh này đây chỉ có Nhân mà không Pháp và Dụ. Các kinh khác đều so theo đây, sẽ rõ.

Người chứng-quả trong hai cõi là Bồ-Tát tại Nhân, Như-Lai tại quả, nên Phật gọi là quả-nhân. Nay đức Phật Thích-Ca ở phương này (Ta-bà) giới-thiệu Phật A-Di-Đà ở nước kia (Cực-lạc).

Dung Thông, là vì nói một tức ba. Như kinh Di-Đà này mặc dầu riêng thuộc một nhân. Nhưng có nhân mới nói Pháp, có nhân mới lập dụ. Tuy rằng lời thiên, nhưng nghĩa viên, chung đồng lẫn suốt lý cố nhiên như vậy.

SỞ : Nguyên kinh này tên là : « Xưng-Tán Bất-khả Tư-Nghì Công-Đức Nhứt-Thế Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm ». Nay, ngài La-Thập cải đính lại có hai nghĩa : 1) Phật-Nhiếp vô-tận nghĩa cổ ; 2) Bi Phật nhưn sở-nhạo văn-cổ.

SAO : Nhiếp vô-tận là như văn trước nói Phật là đủ, thời tất cả công-đức đều từ Phật mà ra, vì Phật là Bất-khả tư-nghì. Lại Di-Đà là vạn-đức hồng-danh, tất cả chúng-sanh trong mười phương ba đời đều ưa thích. Trên từ Chư-Phật đều tán-thán, dưới đến nga-qui súc-sanh cũng đều ham-mộ quy-y ; chính là Bất-tư-nghì công-đức.

SỞ : Sở Sao là gì ? Lời sở đề giải nghĩa kinh ; lời sao đề giải lại nghĩa của lời sở cho dễ hiểu.

SAO : « Sở » : Xưa nói có hai nghĩa : Riêng bày và ghi nhớ. Nay nói nghĩa kinh đây được rõ bày mà khuất-ẩn, ghi nhớ mà chẳng sót, và quên.

« Sao » xưa nói có hai : Tóm lấy và biên chép. Tóm lấy thời riêng bày chỗ thiết-yếu. Biên chép tức ghi nhớ cho rõ ràng. Chữ « ký » là trông mong. Phàm nghĩa kinh khó hiểu, nhờ lời sớ giải thông. Lời sớ khó hiểu, nhờ lời sao nói ra rành mạch, trông mong mỗi người hiểu rõ nghĩa kinh !

SỞ : Xứng lý thời tự-tánh Giác là nghĩa chữ (Phật). Tự-tánh-giác vô-lượng là nghĩa «A-Di-Đà». Tự-bồn-thỉ đều giác là nghĩa hai người chứng quả trong hai cõi. Tự-tánh thề-giác khắp-soi là nghĩa thuyết kinh, sau cũng lệ theo đây.

SAO : Xứng-lý là do tức sự tức lý, chỗ gọi rằng gồm thâu muôn loài, tức là nhứt-tâm, thời y-báo, chánh-báo đầu chẳng phải tự-tánh ? Lại tức lý là sự y nơi lý mà thành. Như kinh « Tịnh-danh » nói : « Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh ». Nay kinh này nói : Nhứt-tâm bất-loạn, tức tự-tánh Di-Đà, duy-tâm Tịnh-Độ. Là tông-chỉ trong bộ kinh này, nói tóm hiệp với lý, nên gọi là xứng-lý.

Chữ giác là nghĩa tổng. Trong thề chữ Giác rộng lớn thénh-thang vô-cùng-tận là nghĩa biết Bồn, Thỉ có hai nghĩa. Luận theo trước sau mà nói : Thời Phật A-Di-Đà là cổ Phật, đức Thích-Ca là Phật mới thành, thế thì Phật kia là Bồn, Phật đây là Thỉ ; tức tự-tánh bản-lai sẵn có Phật là « Bồn », bị vô-minh che lấp nay mới phá hoặc chứng-tri là « Thỉ ». Luận về nhơn-quả mà nói : Thời Phật đây (Thích-Ca) dạy bảo vãng-sanh mới được thấy Phật A-Di-Đà, là đây Bồn kia Thỉ, tức là tự-tánh sẵn có trí thành Phật là Bồn. Y nơi Bồn-trí mà tìm Phật trí mới dựng thành Phật là « Thỉ » Bồn, Thỉ lẫn Thông thường-giác bắt muội, sáng cả trời, chói soi cả đất, xưa suốt nay, thường nói kinh trăm ngàn muôn ức pháp hội, như vậy.

HỎI : Lời sớ-sao kinh này chính là phát-huy công-đức tri danh, khắp khuyên mỗi người cầu sanh về cõi kia, thế sao cứ mỗi mỗi tiêu-qui về tự tánh, thế là phương-pháp tri-danh trở thành lời cực tặc (quá cao), rõ ràng Tịnh-độ là tâm, hà tất bỏ đây nguyền về kia làm gì ?

ĐÁP : Đây chính là trùm cả hai căn, phá cả hai hoặc như : trong bài tự trước đã rõ. Bởi do độn căn chấp nơi sự-tướng mà cho là đủ. Xem kinh này khiến cho họ biết « sự » còn có « lý », chớ chấp sự mà bỏ lý. Người lợi căn chuộng lý-tánh mà chấp không, xem kinh này khiến cho họ biết lý còn ở trong sự, chớ nên bỏ sự chỉ tìm lý.

Lại kinh này vốn vì mượn hai chữ danh-hiệu của Phật kia để chỉ rõ tự tâm của mình, cũng đồng ý với kinh Thập-lục Quán. Thời những người muốn ngộ tâm mình, chính phải niệm Phật cầu vắng-sanh.

Lại, vị Bồ-Tát còn phải gần Phật như trong Khoa Giáo-khởi trước đã nói. Thế thời người đã ngộ tâm mình, cũng chính phải niệm Phật cầu sanh, có chi phải nghi vậy ? !

Lại, kinh « Duy-Ma » nói : Tuy biết cõi nước của chư Phật cùng với chúng-sanh là không, vì nhơn-duyên giả có, nhưng thường tu Tịnh-Độ và giáo-hóa chúng-sanh cho nên lo là lo với tâm mình mà mình chẳng ngộ vậy thôi. Nếu tâm mình mà mình đã tỏ ngộ rồi, thời không có một Pháp nào ra ngoài tự-tâm. Bây giờ tức tâm là cảnh, tức cảnh là tâm, vắng-sanh về Tịnh-Độ, ra mắt Phật Di-Đà, đã chẳng ngại chi với duy-tâm, mà cũng không hệ gì với tự-tánh !

Lại hỏi : Người xưa nói kinh Hoa-Nghiêm là kinh cực-giáo tối-thượng-thừa đều có thể tu theo phép Quán-hạnh để rõ các pháp-môn thì chẳng nói chi ; Còn từ kinh Phương-đẳng sắp xuống (trong tiểu-thừa) cũng bảo tu Pháp Quán-hạnh làm sao được ?

Cồ-đức đáp : Các kinh liễu-nghĩa (Đại-thừa) cùng kinh bất liễu-nghĩa (Tiểu-thừa) cũng đều là liễu-nghĩa cả ; vì chỉ có một cái tâm mà thôi.

Căn cứ theo đây, thời bậc viên-cơ đối với các kinh-giáo, kinh-giáo nào mà chẳng viên ; Những bậc đã nhận được lý-tâm khi gặp sự, thì sự gì chẳng đúng lý ?

2.- DỊCH NHƠN

ĐỜI DAO-TẦN NGÀI TAM-TẠNG PHÁP-SƯ CƯU-MA-LA-THẬP DỊCH

SỚ : Dao-Tần là nêu cái đời. Tam-Tạng là rõ cái đức, La-Thập là tên Ngài. Một chữ « dịch » là kết thành người năng dịch.

SAO : Chỗ xuất-sư : từ đầu chí cuối đã đủ ở văn trước, đây không chép lại nữa. Xưa nói ngài La-Thập đã làm Pháp-sư dịch kinh từ bảy đức Phật đến nay.

Song đây cũng nói lược, và lấy bảy đức Phật mà nói tóm thôi. Nếu luận cho đúng, thời từ Phật Tỳ-Bà-Thi cho đến Phật Thích-Ca, trước sau chỉ trải có hai đại-kiếp, mà Phật Di-Đà thành Phật đã mười kiếp. Thế thời trước kiếp Trang-Nghiêm (quá-khứ) còn trên chín kiếp, đã trải biết mấy muôn vị Phật, và chư Phật trong 6 phương không vị nào mà chẳng tán-thán kinh này. Thế thì từ một muôn vị Phật trở lại đây, chắc cũng đều có nói kinh này và chắc cũng đều có người dịch (?)

Mà trong kinh nói : « Mẹ Phật » là nói mỗi đời vị Phật nào giảng-sanh, Ta (bà Ma-Gia) đều làm mẹ đấy. Con Phật thì nói : mỗi đức Phật ra đời, Ta (La-Hầu-La) đều làm con đấy. So đó, thời biết ngài La-Thập làm Pháp-sư dịch kinh, chẳng những bảy lớp Phật ! Mà kinh này lưu-thông lâu xa, đối với đây càng thêm tin.

SỚ : Xứng-lý thời tự-tánh dung-thông rõ rõ, là nghĩa tiếng Trung-Hoa dịch nơi tiếng Phạn

SAO : Tức Phạn dùng thành Trung-Hoa, thời Hiền chẳng ngoài Mật. Chính Hoa chưa từng chẳng phải Phạn, là nghĩa Mật vẫn ở bên Hiền. Ngay trong tối có sáng, ngay trong sáng có tối, tối sáng, lẫn nhau lớp lớp, xen vào thề mẫu dung thông, không đồng và chẳng khác. (Bất nhưt bất dị).

RIÊNG GIẢI VĂN NGHĨA (phân ra làm ba phần)

- 1.- Tự-phần (phần tựa của kinh).**
- 2.- Chánh-tông-phần (phần chánh của kinh).**
- 3.- Lưu-thông-phần (phần lưu thông).**

1.- TỰ-PHẦN (phân ra làm hai phần)

- A.- Ngũ-cú chứng (5 câu làm chứng tin).
B.- Liệt-chúng chứng (kề chúng làm chứng).

A.- NGŨ-CÚ CHỨNG :

(Lời ông A-NAN thuật giữa chúng hội)

Chính ta nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ngự tại nước Xá-Vệ, nơi rừng cây Thái-Tử Kỳ-Đà, và vườn ông Cấp-Cô-Độc.

SỞ : Riêng giải văn-nghĩa : Đã biết cái ý chung của đề rồi, nhưng chưa biết trong đó từ đầu chí cuối, lối văn như thế nào? Nay mới phân từng bài, giải từng câu khiến nghĩa văn-tự Bát-Nhã thông-thấu lý thật-tướng Bát-Nhã. Bởi vì tạm dùng lời hữu-tận lược bày lý vô-tận. Ở trong ba phần, nay thuộc về Tự-phần nghĩa-phần của kinh này.

Chữ Tự là : Kề bày, và mối mang vậy. Nghĩa là : Chưa vào chánh văn, trước kề bày cái mối mang của kinh này. Có hai lời tự : Chứng-tín, và Phát-khởi. Nay duy có lời tự chứng-tín. Phạm chứng-tín, đều đủ sáu món thành-tự. Nay thuận theo văn, cân chỗ nhiều và ít, lại phân làm hai trước nói Ngũ-cú-chứng, sau nói Liệt-chúng-chứng, hiệp lại thành sáu. Đây lại lệ theo trước tổng-quát đại ý ; sau mới chia ra đề giải.

Nghĩa là : Với pháp như thị (như vậy) ta theo Phật đề nghe. Một thuở kia, đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật thuyết-pháp nơi Kỳ-viên tại nước Xá-Vệ. Vì lời đây là Phật dạy ông A-Nan nói như vậy.

Câu « Như thị ngã văn » có 3 nghĩa : 1.- Nghĩa đoạn-nghi. 2.- Nghĩa tức tránh (dứt sự tranh cãi). 3.- Nghĩa giản-tà (đề hiền chánh).

SAO : Văn-tự Bát-Nhã, nghĩa là đối với thật-lý Bát-Nhã, không thể nói được, nhưng nay nhờ lời nói mà rõ rệt ; nên đức Phật dùng văn-tự nói kinh. Nay mượn văn-tự mà giải-thích. Song văn-tự tánh nó vốn không ; tức là chơn-như thật-tướng. Cho nên ba món Bát-Nhã văn tự, quán chiếu, thật-tướng đều là dung-thông lẫn nhau không ngại gì với văn-tự vậy.

Lược bày là : Lời nói không hết ý, nên nói rằng : lược sáu món thành-tựu, phân-phối hai khoa là Lệ như : Ngũ-uẩn và lục-căn, hoặc hiệp sắc khai tâm, hoặc hiệp tâm khai sắc, tùy theo chỗ hợp không nhứt-định một Pháp nào. Phật dạy là : Trong bộ luận Trí-Độ nói : Khi Phật sắp nhập Niết-Bàn, Ngài có dạy ông A-Nan rằng : Tất cả đầu kinh đều đề câu : « Như thị ngã văn, nhứt thời Phật tại ». Nước nào xứ nào. Đó là do ông A-Nan vì vâng theo lời trời dạy của Phật.

Đoạn nghi là : Khi ông A-Nan kiết-tập, trong chúng khởi ba điều nghi : 1.- Nghi Phật sống trở lại. 2.- Nghi ông A-Nan thánh Phật. 3.- Nghi Phật ở phương khác đến nhập cho ông. Nay nghe nói câu : « Như thị ngã văn » ba điều nghi liền dứt hết.

Tức tránh là : Nói chữ ngã-văn là không phải tự A-Nan bịa nói ra.

Giản-tà là : Nói chữ như thị là đề khác với chữ A-Uu của ngoại-đạo. Như trong Luận Phật-địa nói pháp như thị. Ta trước từng nghe ý lánh sự lỗi lầm, tăng giảm, riêng khác, cũng là nghĩa ngăn dứt việc tranh cãi với nhau.

SỞ : Chữ Như-thị là Tín-thành-tựu. Như trong Luận-Trí-Độ nói : Hai chữ « Như-thị » lại làm hai nghĩa. Có nhiều cách giải : Nếu cứ theo tôn lựa nghĩa nhứt định ; luận đứng về tôn đây (Tịnh-độ tôn) như : Nhứt-tâm bất-loạn là như ; cứ thế mãi không sai là Thị.

SAO : Luận-trí-Độ nói : Biền cả Phật-pháp, tin là vào được. Với việc tin thì nói việc ấy như thế (Như thị) với điều không thể tin thì nói ; việc ấy không phải như thế (Bất như-thị).

Ngài Triệu-Công-Giản nói : Như-thị là : Lời tín-thuận vậy. Cho nên người đời tin chịu, cũng nói rằng Như-thị. Lại có hai nghĩa là chia hai chữ như-thị ra đều có giải-thích riêng. Có nhiều cách giải : Có chỗ nói Vị thánh-nhơn thuyết-pháp rõ bày lý-chơn là Như, duy lý chơn-như là Thị, như ngài Lưu-Cầu đã nói : Có chỗ nói chữ Như là lời đúng lý, chữ Thị là lời không quấy, như ngài Sanh-Công đã nói : Có chỗ nói đức Như-lai thuận theo căn-cơ mà ứng hiện là Như, tất cả chúng-sanh đều cảm mến là Thị. Như ngài Dung-Công đã nói : Có chỗ nói lý-thật-tướng, trước-sau chẳng khác là Như, đúng như lý mà thuyết là Thị. Như ngài Thiên-Thai đã nói : Có chỗ nói chữ Như là lý-chơn-không, chữ Thị là lý-diệu-hữu, để chống phá hai lối chấp Thường và Đoạn của Ngoại-đạo. Như ngài Thanh-Lương Chiết-Trung và lời của các nhà giải đã nói. Còn các thuyết nữa sợ phiền không dẫn. Hai chữ « Như thị » giải như trên, đều có ý-nghĩa, đại-khái thì đồng, tiểu-tiết có khác hẳn, nhưng không trái nhau.

Do theo Tôn đề định nghĩa của hai chữ « Như-thị » là tùy Tôn mà định. Nay kinh này, lấy chữ nhứt-tâm làm tôn.

Bởi do chấp-tri danh-hiệu nhứt-tâm bất-loạn. Nhứt-tâm thời không sanh, không diệt, không tới không lui, vắng lặng trong trống thường còn, nên gọi là Như, Lại nhứt-tâm ấy, là bốn lối (10) diệt trăm điều quấy (11) nên gọi là Thị. Nếu nói khác với đây, không được gọi là Thị.

SỐ : Chữ Ngã-văn là : Văn-thành-tự vậy, chữ Ngã là Tự-Ngã, chữ Văn là Thân-Văn. Tự-Ngã Thân-Văn, vì chẳng phải riêng lãnh với người khác, và chẳng phải đọc suông lời của người xưa (12).

SAO : Tự-Ngã Thân-văn : Chữ Tự là đề lựa riêng không phải mình, chữ Thân là không phải vắng mặt. Nghĩa là chính thân mình hiện diện đề vắng lãnh lời vắng của đức Thế-Tôn truyền dạy.

Chỉ riêng là ông Mạnh-Tử nói : Ta chưa được cái hân hạnh làm học trò Đức Khổng-Tử. Ta chỉ riêng học đạo lành với các người khác thôi.

Giải rằng : Vì ông Mạnh-Tử chẳng phải là thiệt thấy Đức Khổng-Tử. Ông thọ học với người cháu nội của Đức Khổng-Tử thầy Tử-Tư, mà riêng vắng lãnh đạo kia, đề tu thân ấy vậy.

Đọc suông lời của người xưa là : Chúa Tề-Hoàn-Công đọc sách ở nhà trên. Người thợ dẻo bánh xe bình-phẩm rằng chỗ chúa đọc đó bất quá nhai bã xác của cỗ-nhơn thôi.

Giải rằng : Vì chúa Hoàn-Công chẳng phải chính mình đối trước mắt cỗ-nhơn. Cỗ-nhơn đã chết lâu rồi, bây giờ chỉ đọc suông lời đề lại kia vậy thôi.

Nay ông A-Nan chính thân gặp mặt vị Chí-Thánh, không phải riêng lãnh với ai hết. Đây là hiệp với hai chữ Tự-Ngã ở đoạn trên.

Chính tai ông A-Nan nghe lời chỉ-giáo, *chỗ* chẳng phải ông đọc suông lời cỗ-nhơn, hiệp với hai chữ « Thân-văn » ở đoạn trên. Nay ở giữa chúng hội bảo « tự-ngã thân-văn » ai cũng phải tin thọ không ai dám nói gì nữa (vì A-Nan được trực-tiếp với Phật).

SỐ : Thánh-nhơn là vô-ngã, sao nay lại xưng ngã ? Luận-Trí-Độ nói có ba nghĩa : 1) Vì tùy-thuận theo thế-gian. 2) Vì phá tâm tà-kiến. 3) Vì không chấp là vô-ngã.

Do ba nghĩa đây, đều có nói ngã cũng chẳng ngại gì. Lại pháp-thân Phật là chơn ngã, cũng có thể xưng ngã được.

SAO : Sau đây lại phân hai chữ « ngã văn » ra làm hai. Giải riêng như trước :

1.- Tùy-thuận theo thế-gian, nghĩa là trong phương-diện thế-gian pháp nói ngã đó, chẳng phải nói cái chơn-ngã trong đệ-nhứt-nghĩa. Nay tùy-thuận theo thế-gian, mà nói, vốn không có thật-thề, thời chẳng trái với cái ngã của đệ-nhứt-nghĩa.

2.- Phá tâm tà-kiến, nghĩa là : Tà-ngã và danh-tự-ngã. Người thế-tục đủ hai ngã trước. Kẻ học đạo có hai ngã sau. Thánh nhơn chỉ còn một ngã chót. Vì thuận theo thế-tục mà xưng ngã (ta) chỉ là cái ngã bằng danh-tự, thật không phải tà và mạn, nên không lỗi lầm gì !

3.- Không chấp là vô-ngã. Vì các vị Thánh-nhơn biết tất cả pháp đều không, lý thật-tướng là vô-ngã, nhưng chẳng chấp không, chẳng chấp vô-ngã.

Lại trong luận Du-Già có bốn nghĩa ; chỗ đại-khái đồng như đây. Nghĩa thứ ba nói : Nếu quyết-định là vô-ngã, thời còn có ai tu, học, và người ắt sạch tâm sợ, cho nên không chấp là vô-ngã, mà cứ nói ngã.

Lại trong Quán-Kinh lời sơ nói : Vô-ngã thời vô-văn ; vô-văn thời việc hóa-đạo phải tuyệt. Vì muốn truyền-hóa bất-tuyệt, nên mượn cái danh giả mà tạm nói rằng ngã (ta).

Pháp thân Phật chơn-ngã. Đứng theo phương-diện Bản-Giác mà luận, thời ông A-Nan cũng thông với cái ngã pháp-thân vậy. Bởi vì trong pháp vô-ngã có cái chơn-ngã, tức là cái ngã của pháp-thân. Như cái ngã trong bốn đức : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của kinh Niết-Bàn ; thì đối với hai chữ vô-ngã có ngại chi ? !

SỐ : Chữ văn là Nhĩ-căn phát ra nhĩ-thức, bỏ biệt theo tông, nên nói là : Ngã văn (ta nghe).

Trong kinh Đại-Thừa có ba nghĩa : 1.- Nghĩa Thi-giáo thì không nghe ; 2.- Nghĩa Chung-giáo nghe mà không chấp là nghe ; 3.- Nghĩa Đốn-giáo không nghe mà không chỗ nào là không nghe.

Nếu luận theo đúng tôn-chỉ, thời vị Thánh-nhơn truyền-pháp dùng cái chơn-ngã và vô-ngã không hai. Cái Diệu-nhĩ, bằng chẳng phải đồng hay khác giữa căn và cảnh đề nghe pháp-môn vô-chương-ngại giữa Ta-bà và Cực-lạc vậy thôi.

SAO : Bỏ biệt theo tông đó là : Do không nói nhĩ-văn (lỗ tai nghe) mà lại nói là ngã văn (ta nghe). Bởi do nói « ta » thời tông thấu hết các căn, các thức, v.v... lấy tông gồm biệt, cho nên nói : Ngã văn.

Câu : Thi-giáo v.v... là như nói Ta đã không phải là ta, thì đầu nghe cũng chẳng ai nghe ; Đây là đại ý của Thi-giáo về Đại-Thừa sơ môn.

Như nói : Từ các nhơn-duyên giả hợp, cho nên không. Không hoại các giả-danh ; tức không nghe mà nghe, nghe mà không chấp là nghe. Đây là đại ý của chung-giáo về Đại-thừa.

Như nói : Năng, sở đều yên lặng người nghe và pháp bị nghe, đều vắng lặng. Không nghe mà không chỗ nào là chẳng nghe, lia nghĩ tưởng, mà tự rõ bày Đại-ý của Đại-thừa Đốn-giáo.

Câu : « Ngã vô ngã » là Sanh mà chẳng tính nơi sanh, chẳng tính sanh mà có sanh cùng khắp, ấy tức là pháp-thân.

« Căn và cảnh » là nghe nói Phật A-Di-Đà, năng-văn (người nghe) và sở-văn (Phật bị nghe). Không hai và cũng chẳng phải đồng và khác.

« Ta-bà và Cực-lạc » là nói y-báo và chánh-báo cõi Ta-bà toàn là ở tự-tâm của nước Cực-lạc vì do kinh này có phần thuộc về Viên-giáo, nên phải qui về pháp tánh.

SỞ : Có người hỏi : Phật thành-đạo đã lâu, Ông A-Nan mới xuất-gia, đâuặng nói ngã văn ?

Xưa đáp có bốn nghĩa ; cho nên nói « Văn » cũng không ngại. Lại A-Nan có ba ông. Nếu ông này không nghe, thì ông kia nghe cũng chẳng ngại chi.

SAO : Người nghi rằng : Phật thành-đạo nói pháp trước đã trải qua hai mươi năm, thì ông A-Nan mới xuất-gia, lại mười năm sau, Phật mới dạy làm thị-giả (hầu Phật). Mặc dầu được hầu gần Phật, nhưng mà những kinh Phật thuyết ba mươi năm về trước, ông làm sao nghe đặng, mà đều gọi Ngã-Văn ?

Xưa đáp có bốn nghĩa là : 1.- Lần lựa nghe ; như : Kinh Báo-Ẩn nói : Với những kinh ông chưa nghe, thời ông theo bên các Thầy Tỷ-Kheo đề nghe lại hoặc các vị Thiên-tử nói lại, như lời lưu-thông cho hàng Hoảng-Quảng Bồ-Tát mà Phật đã dẫn trong kinh Niết-Bán. 2.- Phật nói lại ; như : Kinh Báo-Ẩn chép : ông A-Nan như Phật dạy làm thị-giả, ông yêu cầu ba việc ; mà việc thứ ba là kinh nào ông chưa nghe, ông thỉnh Phật nói lại...

3.- Ông A-Nan tự-thông, như : Kinh Kim-Cang-Huệ nói : Ông A-Nan đã chứng pháp-tánh-giác tự-tại tam-muội, cho nên những kinh ông chưa nghe có thể tự ông nhớ thuộc. Như kinh Niết-bàn cũng nói. Hoặc có khi ông ở trong pháp-hội, hoặc có khi ông không ở trong pháp-hội, tự nhiên, ông cũng hiểu rõ được cả.

4.- Ngài Thanh-Lương chiết trung phê-bình ba thuyết trên, nói : Ông A-Nan chính là bậc Đại-quyền Bồ-tát ảnh-hưởng hoằng-truyền. Như kinh Bất-Tư-Nghì Cảnh-giới nói : Ông Xá-Lợi-Phất, ông Mục-Kiền-Liên nhấn đến ông A-Nan v.v... đều là bậc Đại-quyền Bồ-tát hiện thân Thịnh-Văn. Chấp chỉ danh tích nhỏ, mà nói không nghe!

Ba ông A-Nan là :

- 1.- Tên Hoan-Hỷ. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Thịnh-văn.
- 2.- Tên Hỷ-Hiền. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Duyên-giác.
- 3.- Tên Hỷ-Hải. Ông này kiết-tập Tạng-kinh Bồ-tát.

Thế thời ông A-Nan dùng sức đại thần-diệu để tùy cơ dạy bảo chúng-sanh. Vậy nên biết nhứt-đại thời-giáo của đức Như-Lai, ông A-Nan này không nghe, thời ông A-Nan kia nghe, có chỉ mà phải chấp rằng nghe, cùng không nghe mà làm chướng ngại ?

SỞ : Chữ « Nhứt-thời » là thời-thành-tự. Thầy trò hợp nhau, đương khi kẻ nói, người nghe xong rồi, tức gọi là một thời. Do vì kẻ nói, người nghe không nhứt-định nên không nói năm, tháng, ngày, giờ nào, bởi mười phương thời giờ bất-nhứt, hai cõi (Ấn-Độ và Trung-Hoa) ngày tháng giêng chẳng đồng nhau. Luận đúng tôn-chỉ kinh này, thời trong khi kẻ nói, người nghe, tâm cảnh bất dứt Thánh và phàm hợp nhau, y-báo chánh-báo dung-thông, một và nhiều bằng bậc ; đây là cái thời mà các pháp còn đối-đãi đi đôi, như thế đều thông nhứt làm Một, thì gọi là nhứt thời vậy.

SAO : « Kẻ nói người nghe không nhứt định » là : Hoặc người nói là người đã chứng pháp « Đa-La-Ni » (pháp đồng-tri) thời trong một phút, thông một chữ, có thể nói hết tất cả pháp-môn. Hoặc người nghe là người đã đăng nhĩ-căn thanh-tĩnh, ở trong 1 phút, nghe một chữ, có thể nghe suốt hết cả, bao nhiêu cũng chẳng chướng-ngại. Hoặc kẻ nói chỉ ít thời người nghe thành nhiều thời. Hoặc kẻ nói nhiều thời, người nghe ít thời. Kẻ nói thần-lực dài ngắn tùy chỗ thích hợp ; người nghe căn-khi lợi độn chẳng phải một. Người xưa nói : Đối với 3 thừa, 6 phàm, 4 thánh chỗ thấy biết : pháp-thân, báo-thân và hóa-thân cùng năm, tuổi dài, vẫn, thành Phật đã lâu hay mau mỗi mỗi chẳng đồng, cho nên nay chỉ lấy trong khi Phật và đệ-tử, Thầy trò cơ-cảm gặp nhau, kẻ nói người nghe xong rồi, thì gọi đó là « nhứt-thời » thôi.

« Mười phương thời giờ » : Hễ nói mười phương là khắp cùng ngang dọc. Dọc thời thấu đến cõi trời, (cõi Tứ-Thiên một ngày bằng dưới cõi người người năm mươi tuổi). Ngang thời rộng khắp cả bốn châu, (canh ba của châu Nam-thiệm Bộ, bằng khi giờ ngọ của châu Bắc-Cu-Lô) nên không nhứt định là thế.

Hai cõi ngày chánh sóc là : Ngày đầu năm kêu là ngày chánh-sóc, nước Chấn-Đán (nước Tàu), cõi Ngũ-Thiên (Ấn-Độ) không thống thuộc nhau. Nhà Châu lập tháng giêng vào tháng Tý, (tháng 11 âm-lịch). Nhà Hạ lập tháng giêng vào tháng Dần (tháng giêng ta).

Hồi đó nước Chấn-Đán thuộc nhà Châu (1134 — 247 trước Tây-Lịch) mà Phật ở nước Xá-Vệ (Ấn-Độ). Xá-Vệ lập tháng giêng vào tháng Dần, lại nhằm tháng giêng Nhà Hạ (2205 — 1786 trước T.L) thì ra tháng giêng cõi ngũ-thiên thành ra tháng ba nước Chấn-Đán ; tháng hai của Ấn-Độ nhằm tháng tư của nhà Châu. Nước Tàu thuở đó cũng không thể nhứt định được, cho nên chỉ nói nhứt thời thôi.

Y và chánh là : Vì Phật cùng tâm và cảnh là nhứt-tâm bất-loan, vì không tâm năng-niệm, sở niệm Phạm-Thánh là : Cùng những bậc Thượng-Thiên Nhơn đồng hội về một chỗ nước chim cây rừng đồng thuyết diệu-pháp.

Một và nhiều là : Vì một Phật thuyết kinh, thì sáu phương Phật đồng khen ngợi (tán-thán).

Như trên, mỗi món bằng hai pháp đối-dãi đều hiệp thành một mùi thanh-tịnh, tức lấy thời ấy làm nhứt-thời.

SỞ : Chữ Phật là chủ-thành-tự. Nghĩa chữ Phật giải thấy rõ ở văn trước.

Do vì một thời kỳ đó chúng-sanh cùng nhau sùng bái, nên gọi là ông chủ. Lại làm chủ trên địa vị trọng yếu giữa sáu món thành-tự.

SAO : Cùng nhau sùng-bái là : Phật ra đời là một thời kỳ. Trong một thời kỳ đó, sáu cõi phàm, ba bậc Thánh và tất cả chúng-sanh, cùng nhau sùng-bái tôn Phật làm ông Pháp-Chủ ; cũng như vạn dân, bá quan, qui đầu về một ông quốc-chủ trong nước.

Ông chủ trong sáu món thành-tự : Trông về trước, thì trong buổi dự-hội của ông chủ là « Thời thành-tự ». Nghe lời của ông chủ là « Văn thành-tự » ; lãnh lời dạy của ông chủ là « Tín thành-tự ». Trông về sau : Chỗ ở của ông chủ là « Xứ-thành-tự ». Những người do ông chủ giáo-hóa là « Chúng thành tự », là sáu món thành-tự, nhưng cũng qui trọng về nơi Phật, cũng là cái ý nói Phật là đủ hết.

SỞ : Câu Tại Xá-Vệ Quốc Kỳ-thọ Cấp-Cô-Độc Viên là : « Xứ thành-tự ». Chữ « Tại » là Ngài Thiên-Thai. Giải chữ « Tại » cũng như ý chữ trụ, phân ra có bốn : 1.- Thiên-trụ, 2.- Phạm-trụ, 3.- Thánh-trụ, 4. - Phật-trụ. Tùy chỗ hợp, chỗ Phật ở là trụ, nhấn đến Thiên-Trụ (ở trên cõi trời) thiết thời thân Phật không nhứt định ở một chỗ nào mà không chỗ nào là không ở.

SAO : Tại, tức ý Trụ : Trong luận Đại-Phàm nói : Phật ở chỗ nào đầu tạm hay ở lâu, đều thành ý tại. Nay không luận ở lâu hay ở tạm, cứ ngay chỗ đức Phật thuyết kinh tức gọi là tại.

Dụ như trong đời, vị quốc-chủ đi tới đâu, tức gọi là tại chỗ đó vậy.

Có bốn trụ là : « Phật độ chúng-sanh, tùy theo chỗ thích-hợp mà trụ, hoặc hiện-thân trụ trên cõi Trời. Nghĩa là : Cái nhơn về cõi Trời Lục Dục, tức là đem dạy Pháp bố-thí tri-giới thiện-tâm mà trụ. Hoặc hiện thánh trụ cõi Phạm-Thiên. Nghĩa là : Cái nhơn về cõi Sơ-thiên đến cõi Phi-tướng, tức là đem dạy Pháp tứ vô-lượng-tâm (13) mà trụ. Hoặc hiện thân trụ ở cõi Thánh. Nghĩa là : Cái nhơn về hàng Tam-thừa, thì đem dạy ba Pháp Tam-muội mà trụ. Hoặc hiện thân trụ ở cõi Phật, thì dùng Định-thủ Lăng-nghiêm, 100 pháp « Tam-muội » mà dạy bảo pháp : Thập-lực, Tứ-vô-úy, Thập bát bất cộng đề mà trụ.

Với ba cõi trên là tùy theo ý người khác cảm mà Ngài trụ (ứng) còn mỗi cõi sau, tùy ý Phật Ngài tự trụ.

HỎI : Phật sao còn trụ cõi trời ?

ĐÁP : Ân thân cao quý ở chỗ thấp hèn, là vì có độn-sanh. Không ở, mà không chỗ nào không ở là ; vì bản thể vắng-lặng cho nên không ở ; vì bản thể viên-thông nên không chỗ nào là không ở. Kinh Hoa-Nghiêm nói : Thân Phật không đến, nhưng không chỗ nào mà không đến. Vì sao ? Bởi vì hư-không không có thân. Đức Như-Lai cũng thế. Khắp tất cả các pháp, khắp tất cả các cõi nước của tất cả chúng-sanh, chẳng đến, nhưng không chỗ nào mà không đến. Vì thể cũng như tâm thanh-tịnh, vắng lặng, dù như hư-không, nên chỗ nào cũng đều có đầy đủ. Song mặc dầu Phật ở nước Xá-Vệ mà hiện thân liệt-ứng đề độ hàng liệt-cơ, nên nói thiên-trụ (ở cõi trời). Nhưng đúng như thật mà luận, tức ngay nước Xá-Vệ cũng có thể gọi là Phạm-trụ, Thánh-trụ hay Phật-trụ, nào lại chẳng được ?

SỞ : Tiếng Phạm (Sravasti) cũng nói : «Thất-La-Phiệt-Tát-Đề», dịch theo tiếng Trung-Hoa là : Văn-vật. Vì lấy đức đặt tên nước. Hoặc nói là Văn : nghe, đồn, vì dùng tên người đề đặt tên nước.

SAO : Đức, là : Do nước giàu đủ bốn đức : 1.- Trần đức : Vì cảnh ngũ-trần có nhiều món mỹ-lệ. 2.- Tài đức : Vì thất bảo, trân-kỳ, không món nào mà chẳng có. 3.- Thánh đức : Vì ba tạng thánh-pháp đều đầy đủ. 4.- Giải-thoát đức : Vì nhiều người được giải-thoát, không nhiễm ngũ-dục. Do đầy tiếng khen ngợi rung động khắp cùng 5 cõi Thiên-Trúc, nên gọi là nước Văn-vật.

Lấy tên người đặt tên nước là gì ? Vì nhiều người hiền-
đức cho nên trong nước lấy tên người làm trọng.

SỐ : Kỳ Cáp-Cô-Độc-Viên là : Tiếng Phạm (Jeti hay Jeta) Kỳ-Đà cũng nói Thệ-Đa. Nói Kỳ không nói chữ Đà là bớt văn. Hai chữ Kỳ-Đà. Tàu dịch : Chiến-Thắng. Chữ Cáp-cô là : Nêu cái đức ; tức là ông Tu-Đạt-Đa. Chữ Viên : dịch âm theo tiếng Phạm : Tăng già Lam-ma. Tàu dịch là : Chúng-viên cũng như tiếng Việt, chỗ chúng-tăng ở.

Số là Thái-tử Kỳ-Đà cúng rừng cây, ông Cáp-Cô mua miếng vườn, gồm cả hai tên người, nên nói : Kỳ-Thọ Cáp-Cô-Độc-Viên.

SAO : Chiến-thắng là Vua Ba-Tư-Nặc, khi sanh Thái-tử, vua cùng ngoại-quốc giao-chiến được thắng trận, vui mừng nên đặt tên (Chiến-thắng) đó cho con.

Tu-Đạt-La đa tiếng Phạm. Tàu dịch là : Nhạo-Thí quan đại thần của vua thắng quân (quân đánh giặc được thắng trận) vì ông ưa làm việc bố-thí nên được thành tên tốt (Nhạo-Thí).

Chữ Cáp-Cô-Độc là : Kẻ nhỏ không cha mẹ « cô » (mồ côi), người già không con cái là « độc » (trơ-trọi). Nay những người không có chỗ nương, không ai nuôi, tức gọi là Cô-Độc. — Riêng luận hai chữ Cô-Độc.

Đức Khổng-Tử nói : Người quân-tử ra ơn khắp giúp là cần cấp. Thầy Mạnh thuật : Vua Văn-Vương làm việc chánh-trị ở ấp-kỳ, giúp kẻ mồ-côi trước hết ; thế đâu chẳng phải lòng tự nhờ-rập. Nhưng với kẻ gấp thì giúp trước, hoãn thì giúp sau vậy.

Chỗ chúng ở mà nói rằng « vườn » là vì rừng rậm mát-mẻ, những người học đạo nên nương chỗ nơi đó.

Kẻ cúng cây, người mua vườn là : Kinh Niết-Bàn nói : Ông Trưởng-giả tên Tu-Đạt, gốc người ở nước Xá-Vệ, ban đầu chưa biết Phật. Nhon dịp đi cưới dâu, vào thành Vương-Xá ghé nhà ông San-Đà-Na thấy Phật sanh lòng tin, mới thỉnh Phật về nước Xá-Vệ. Phật sai ngài Thân-Tử (Xá-lợi-Phất) đi lựa chỗ

chúng ở. Lừa dặng vườn cây của Thái-tử Kỳ-Đà. Ông Trưởng-giả hỏi giá, Thái-tử nói chơi rằng : Ông đem vàng trái giáp đất, tôi sẽ bán cho. Ông Trưởng-giả y lời, chở vàng đến lót. Thái-tử cảm mến và khen ngợi, liền bán đất, còn cây trong vườn là vật sở-hữu của Thái-tử cúng luôn cho Phật để lập Tịnh-Xá. Trưởng giả và Thái-tử đua nhau phát-tâm, lập-thành việc tốt ấy, cho nên đồng nêu tên của hai ông.

SỞ : Bằng nói rõ theo giáo-lý của kinh này đều có chỗ nên, lệ thường như lối thích kinh Pháp-Hoa và Hoa-Nghiêm.

SAO : Nói rõ theo kinh này là : Như nước Xá-Vệ là nước rất tốt, là nêu pháp-môn Tịnh-Độ này rộng-rãi thênh-thang. Vì pháp rất tối-thượng. Chính ngài Từ-Ấn nói : Thành-Vương-Xá là thành rất tốt, thành này vì tốt hơn các thành kia, vì kia nêu kinh Pháp-Hoa là pháp thù-thắng hơn các pháp. Sau cùng lệ (so) theo đây.

Kỳ-Thọ là : Cây rất đẹp, để tiêu-biểu cõi Tịnh-Độ bóng mát, che chúng-sanh thường khỏi nóng nực.

Vườn ông Cấp-Cô là vườn rất xinh, để tiêu-biểu cõi Tịnh-Độ an ổn chúng sanh, hằng hưởng những sự vui. Thái-tử Kỳ-Đà là dòng giống tốt, để tiêu-biểu cõi Tịnh-độ hể người sanh về đó rốt-ráo thành Phật, nối thành dòng Phật.

Ông Trưởng-giả Tu-Đạt là người rất tốt, để tiêu biểu cõi Tịnh-độ, ai sanh về đó, được vào nhóm người chánh-định, cu hội với một hạng người thượng-thiện. Như kinh Hoa-Nghiêm món món nêu pháp có nhiều cách rõ lý nhứt-tâm đều là ý đây vậy.

SỞ : Xứng-lý : thời tự-tánh rỗng suốt 10 phương là nghĩa ông A-Nan nghe Phật thuyết-pháp.

Tự-tánh không lìa tự-tánh, là nghĩa Phật trụ tại rừng Thái-tử Kỳ-Đà, vườn Cấp-Cô-Độc.

SAO : Tâm nghe suốt mười phương, là ông Khánh-Hỷ, (A-Nan) hiện nay đương kết-tập.

Chơn Phật ngồi trong nhà (trong tâm), là đức Thích-Ca vốn chẳng chỉ ở cõi Tây-Cang (Ấn-Độ) quày sự nghe để nghe lại tánh mình, quày Ông Phật lại để thành Ông Phật của mình, mới biết : Một hội Kỳ-Viên nghiêm-nhiên chưa giải-tân, đâu những hội Linh Sơn ! ?

B. - LIỆT-CHÚNG CHỪNG (phân ra làm ba phần).

1. - *Thanh-Văn-Chúng* : các thánh Thanh-văn.

2. - *Bồ-Tát-Chúng* : các thánh Bồ-Tát.

3. - *Nhơn-Thiên-Chúng* : các hạng người trời.

1. - **THANH-VĂN-CHỪNG** (phân ra làm ba phần).

a) *Minh-loại số nói* : ngành và số.

b) *Biểu-vị đức* : nêu ngời và đức.

c) *Xuất-danh-hiệu* : nói danh-hiệu ra.

a - MINH LOẠI SỐ

**CÙNG BỰC ĐẠI TỖ - KHEO TĂNG MỘT NGÀN HAI TRĂM
NĂM MƯƠI NGƯỜI CU HỘI**

SỞ : Từ câu này sắp xuống đến câu : « Chư-Thiên đại chúng-cu » ; là chúng thành-tựu.

Chữ « Dữ » cũng như nghĩa chữ « Cộng ».

Chữ « Đại » là lựa khác với chữ « Tiểu » có đủ ba nghĩa : Đại, Đa, Thắng, vì khác với Tỳ-Kheo kia, Luận Phật-địa cũng có đủ ba nghĩa.

Chữ Tỳ-Kheo là tiếng Phạn, đây giải-thích có ba nghĩa : 1.- Khất-Sĩ, 2.- Bồ-Ma, 3.- Phá-Ác.

Chữ « Tăng » nói đủ theo tiếng Phạn là (Samgha) Tăng-già, không nói « Già » là bớt văn. Tàu dịch Tăng-Già là : Chúng hòa-hiệp.

Một ngàn hai trăm năm mươi người là : Ba ông Ca-Điếp, thêm ông Mục-Kiền-Liên, ông Xá-Lợi-Phất là năm ông, tất cả đệ-tử của năm ông này cộng chung lại thành ra số đó (1.250). Trước thì nói bực thuộc hàng Thanh-Văn, sau thì nói số có bao nhiêu.

Chữ « Cu » là hiệp với nghĩa chữ « Cộng » ở văn trên.

SAO : Chữ « cộng » nghĩa là : Ngài Thiên-Thai giải-nghĩa chữ « cộng », bằng bảy chữ « nhứt » gọi rằng : Xứ-nhứt, Thời-nhứt, Tâm-nhứt, Giới-nhứt, Đạo-nhứt, Kiến-nhứt, và Giải-thoát nhứt, (dù bảy chữ cũng một).

Phật và đại-chúng cùng ở nơi Kỳ-Viên là ý chánh của kinh này rộng nói như trên.

Lựa khác với chữ tiêu là : Chẳng phải nói hàng sơ-tâm Tỷ-Kheo tức văn sau chỗ gọi là bực trưởng lão v.v...

Đại, Đa, Thắng là : Trời, Vua, và bực Đại-nhơn cả đồng kính-ngưỡng, chẳng phải đức nhỏ, nên gọi là đại.

Nội-diễn, ngoại-diễn không bộ nào mà chẳng suốt thông, chẳng phải ít hiểu dẫu, nên mới gọi là đa.

Vượt khỏi trên 96 phái ngoại-đạo, chẳng phải căn-cơ kém hèn nên gọi là Thắng. Đây đều là bực cao tốt trong hàng Tiều-thừa.

Luật Phật-Địa có ba nghĩa là : 1.- Bực tối-cực lợi-căn chủng-tánh Ba-la-mật nên gọi là Đại ; 2.- Đều đặn quả vị Vô học (14) nên gọi là Đại ; 3.- Trước đặn quả nhỏ, nay đã lên quả vị Đại bồ-đề nên gọi là Đại. Đây đều là nói chung cả bực Đại-Thừa.

Tỷ-Kheo có ba nghĩa là :

1.- Khất-sĩ ; nghĩa là Khất-thực và Khất-pháp. Khất-thực là xin ăn, thời tránh xa bốn việc tà-mạng, hiệp với bốn việc chánh-mạng. Không kinh-dinh sự-nghiệp, chẳng cần chứa đồ, Vạn-duyên dứt sạch, nhứt-chỉ chuyên-tu. Nhà Tăng phải sống theo đây để nuôi giới-thân huệ-mạng, cho nên nói Khất-thực để nuôi thân.

Khất-pháp : là xin Pháp, tức là cầu thầy hỏi bạn, cần khổ hết lòng thành, học tìm diệu-pháp, trông thành quả Thánh, cho nên nói khất-pháp để nuôi tâm.

2.- Bồ-ma là : Như người phát-tâm xuất-gia, bỏn ma-vương nghề sanh lòng sợ-sệt ; bởi vì lũ ma nó ưa đắm-nhiễm đường sanh-tử, mà người xuất-gia là người ly-dục, quyết tới quả vô-sanh, bỏn ma sợ mất bà con của nó nên sanh tâm sợ sệt.

3.- Phá-ác là : Vì hay phá tâm phiền-não luôn 98 sử thấy đều đoạn-tuyệt.

Hoặc thêm hai nghĩa Tịnh-giới, Tịnh-mạng thời thành ra năm nghĩa của Tỳ-kheo. Nay nói ba nghĩa là vì nghĩa Khất-thực đã gồm nghĩa Tịnh-mạng, do vì nghĩa phá-ác thì đã gồm nghĩa Tịnh-giới.

Chúng hòa-hiệp là : Từ bốn người sắp lên, nhiều đến vô-lượng đều đồng một pháp yết-ma, không tranh cãi với nhau, như sữa với nước nên gọi là hòa-hiệp chúng.

Ba ông Ca-Diếp là : 1.- Ưu-Lâu-Tần-Loa Ca-Diếp. Ông này tu ở trong hang Hỏa-Long có 500 người đệ-tử. 2.- Già-Gia Ca-Diếp. Ông này tu ở trên núi Tượng-Đầu có 300 người đệ-tử. 3.- Na-Đề Ca-Diếp. Ông này tu ở bên sông Hy-Liên có 200 người đệ-tử.

Sau tất cả thầy trò đều quy-y theo Phật, cho nên có số 1.000 chúng.

Lại ông Mục-Kiền-Liên và ông Xá-Lợi-Phất, hai ông có 250 người đệ-tử cũng quy-y với Phật, thành ra số 1.250 người.

Một thuyết khác nói : Phật độ ông Da-Xá, thầy trò cả 50 người và năm anh em ông Kiều-Trần-Như, cộng lại thành số đấy.

SỞ : Tại sao chỉ nói có 1.250 người ? Là vì số chúng này thường thường tùy-tùng, ở chung với Phật.

SAO : Thường-tùy là : đức Phật xuất-hiện trong thế-gian, Độ các vị Tỳ-kheo chứng quả A-La-Hán rất nhiều đến vô-lượng, mà sao riêng nói có mấy ông đây ? Bởi vì 1.250 ông đây quy-y với Phật trước hết, lại thường không lìa Phật, mãi đến lúc Phật diệt-độ, cho nên đặc biệt nói 1.250 người. Còn bao nhiêu vị khác đi hoảng-pháp rải rác ở bốn phương, tuy là « thiên-lý diện-đàm », nhưng cứ theo sự tích viết thành văn, phép thường phải như vậy ?

Kia như môn-đồ của đức Trọng-Nê : Những trang hiền-đạt kể có 3.000 người, mà tại sao riêng kể có 72 ông ? Là cũng bởi vì mấy ông đây, thường ở mãi với Ngài nơi mé sông Tứ, rồi cùng với Ngài đi qua nước Trần, nước Thái. Đây cũng là chúng thường tùy vậy.

B - BIỂU VỊ ĐỨC

ĐỀU LÀ BỰC ĐẠI A-LA-HÁN, CHÚNG SỞ TRI-THỨC
(CHÚNG ĐỀU QUEN BIẾT)

SỞ : Câu trên nêu vị ; câu dưới nêu đức.

Chữ đại là : Lựa khác với hàng tiền-quả Thanh-Văn. Tiếng Phạn (arhàn) A-La-Hán đây dịch có ba nghĩa : 1.- Ứng-cung, 2.- Sát-tặc, 3.- Vô-sanh. Tức là ba quả của : Khất-sĩ, Bồ-ma, và Phá-ác, như văn trước.

Chữ tri-thức là : Nghe danh trọng đức là « Tri », thấy hình kính phụng là « Thức ».

Một thuyết khác nói : Thấy hình là « Tri », thấy tâm là « Thức ». Một thuyết nữa nói : « Tri » tức là « Thức » vì cũng có thể làm tri thức trong chúng mà cũng là bực dịu-dắt chúng.

SAO : Lựa khác là : Quả-thánh ban đầu đến quả-thánh thứ tư đều là quả-vị của hàng Thanh-Văn : Nay nói đại A-la-hán là nêu quả thứ tư của hàng Thanh-Văn.

Ứng-cung là : Kẻ phạm-phu không giới-đức, ba quả-thánh trước có giới đức, nhưng còn nhỏ, chưa đáng kêu là « Ứng-cung ». Nay hạnh tốt đã thành, vượt ngoài ba cõi, đáng hưởng sự cúng dường ở cõi nhơn-thiên ; cho nên luận Cu-Xá nói : Cúng-dường cho vị A-La-Hán, dặng phước-báo hiện-tai. Vị này làm ruộng tốt cho cõi nhơn-thiên trồng quả phước, hưởng của cúng-dường không hổ, nên gọi là Ứng-cung.

Nhắc lại trước khi bùng binh-bát đã hẹn làm cho chúng-sanh được phước nay đã chứng-đạo, lý phải thọ của cúng, nên gọi là quả khất-sĩ.

Song Phật cũng gọi là Ứng-cúng. Nhưng vị A-La-Hán chỉ thuộc về ứng-cúng cõi nhơn-thiên. Còn Phật thời chẳng những ứng-cúng ở cõi nhơn-thiên, mà còn ứng-cúng ở cõi Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát cùng-dường nữa.

Sát-tặc là : Giặc phiền-não cướp giật của công-đức và hại mạng trí-huệ.

Ba quả-thánh trước, tuy đoạn Kiến-hoặc (hiểu biết sai) nhưng Tư-hoặc (nghĩ lầm) vẫn còn. Nay quả thứ tư này, chẳng những đoạn Tư-hoặc mà bảy mươi hai phàm cũng đều đoạn hết, thân-tâm được yên-tĩnh. Như dẹp hết giặc rồi thì thiên-hạ được thái-bình, nên gọi là Sát-tặc.

Nhắc lại, trước kia do ác làm giặc, bây giờ ác diệt được rồi, nên gọi là quả phá-ác.

Vô-sanh là : Kẻ phạm-phu không biết bao lần sanh-tử. Bực sơ-quả (tu-đà-hoàn) còn bảy lần sanh-tử. Bực nhị-quả (Tu-đà-hàm) còn một lần sanh lại cõi Dục-giới. Bực tam-quả (A-na-hàm) không sanh lại cõi Dục-giới, nhưng mà còn sanh ở cõi Sắc-giới. Nay quả thứ tư (A-la-hán) này, duyên-sanh đã hết, chẳng thọ thân hậu-hữu nên gọi là « Vô-sanh ».

Nhắc lại trước kia nguyện ra khỏi sanh-tử, khiến ma khởi tâm sợ. Nay chứng-quả Vô-sanh nên gọi là quả Bối-ma.

Nghe danh thấy hình là Thân, sơ một đối-đãi. Chữ « tri » là đối với bực La-hán người ta tai nghe, thời tâm mến muốn thấy. Chữ « thức » là người ta mắt thấy thời phụng-sự chẳng trái nghịch.

Thấy hình thấy tâm là : Cao, thấp một đối-đãi chữ tri đây, thời mắt đối trước hình-dung. Chữ thức là thần hiểu lẫn trong ý (tha-tâm-thông). Như hai ông thầy đến ra mắt Phật. Một ông chết giữa đường. Phật nói ông chết đó là thấy Ngài trước, ấy là nghĩa thấy tâm vậy.

Tri tức là thức đó cũng như nói : Tương-tri, tương-thức (hiều nhau, biết nhau). Giới-đức cao, danh-vọng trọng, tiếng-tâm lừng-lẫy trong thiên-hạ, người người đều nghe biết, ai ai cũng đều hay, nên nói : Chúng sở tri-thức.

Một thuyết khác nói : Ở trong cả chúng, bậc này được nhiều người hay nhiều người biết, đáng làm tai mắt cho cõi người, cõi trời gọi là bậc dlu-dắt trong chúng. Nay người ta gọi thiện-tri-thức cũng có nghĩa : 1.- Đối với ác mà nói, do vì chỗ ta hiểu biết có thiện, có ác. Mà nay đây chỉ là ông tri-thức thiện. 2.- Ông này có cái biết rõ-ràng cái hay đặc-biệt, người khác chẳng bì kịp, nên gọi ông là bậc rất thiện giữa tri thức.

SỞ : Xứng-lý-thời tự-tánh không nhiễm là nghĩa A-La-Hán ; tự-tánh không mê, là nghĩa tri-thức.

SAO : Nguồn tâm vốn vắng lặng, thời các nhiễm toàn không ; tâm thể vẫn sáng tỏ ; thời các mê đầu có. Kinh Pháp-Hoa bảo đó là chơn A-La-Hán. Luận Khởi-Tín gọi là ông Chơn-thật thức-tri.

Những hạng người (Tiểu-thừa) đắm nơi không làm vắng-lặng, mong niệm mới biết, gọi là : Danh tự A-La-Hán và Hư-vọng tri-thức. Thế cho nên tà-kiến cùng chánh-kiến đồng một thể, thiện, ác đồng một môn. Dứt tâm-vọng mới thấu nguồn-chơn, họa may mới làm Sa-môn được.

c- XUẤT DANH HIỆU (phân ra làm hai phần)

- 1.- Chúng danh : Tên riêng của chúng.
- 2.- Tổng kết : Lời chung kết.

1.- CHÚNG DANH

Bậc trưởng-lão là : Ông Xá-Lợi-Phất, ông Ma-ha Mục-Kiền-Liên, ông Ma-ha Ca-Diếp, ông Ma-ha Ca-Chiên-Diên, ông Ma-ha Câu-Si-La, ông Ly-Bà-Đa, ông Châu-Lợi Bàn-Đà-Dà, ông A-Nan-Đà, ông La-Hầu-La, ông Kiều-Phạm Ba-Đề, ông Tân-Đầu-Lô Phả-La-Đọa, ông Ca-Lưu Đà-Di, ông Ma-ha Kiếp-Tân-Na, ông Bạc-Câu-La, ông A-Nâu Lâu-Đà.

SỞ : Trưởng lão là : Đức người hạnh lớn, giới lập cao. Lại đức với lập, chỉ đủ có một cũng chung gọi là Trưởng-lão ; luôn sau 16 vị tôn-túc...

SAO : Lạp : là thọ-giới cụ-túc, một năm gọi là một lạp ; vì giáp một năm, chỉ đáng một lạp, cũng nói là một hạ, chính đồng một ý-nghĩa đây. Chung gọi là trên nói đức và lạp đều trọng, nên được tôn xưng Trưởng-lão đã đành. Đây nói một đức trùm chúng, hay một lạp trước người, cũng được kêu là Trưởng-lão.

Như trong luận Tỳ-Bà-Sa phân về loại : Thượng-tọa pháp-tánh (tuổi đạo), thượng-tọa sanh-niên (tuổi đời). Lại bản kinh nhà Đường dịch Cụ-thọ ; là đủ cả đức và lạp. Bản kinh nhà Ngụy dịch : Huệ-mạng, là chuyên nói về đức.

Dẫu rằng chỉ có đức, hay chỉ có lạp, cũng có thể được xưng Trưởng-lão mà ắt hơn lấy đức làm trọng. Nay kinh này kê bày, thì chỉ những người có đức mà không lạp, chớ chưa có ai chỉ có lạp mà không đức bao giờ !

Luôn sau này là nói bậc Trưởng-lão, chẳng những một mình ông Xá-Lợi-Phất, mà cả đến ông A-Nâu-Lâu-Đà cũng đều gọi là bậc Trưởng-lão, đều là bậc thượng-thủ giữa đệ-tử của Phật.

SỐ : Ông Xá Lợi Phất (Sariputra) là : Tiếng Phạn nói (Sàri) Xá Lợi, tiếng Tàu dịch là Thu Lộ; Tiếng Phạn nói putra ta đọc Phất, Tàu dịch là : Tử. Cho nên nói Thu tử cũng nói Thân tử, cũng nói là Châu tử Trong các đệ tử Phật, ông này trí huệ đệ nhất. Xung đệ nhất là chỉ bày một đức mà thôi.

Sách Luận-Ngũ nói : Người quân-tử chẳng phải như một món đồ, hưởng hồ là bậc La-Hán (có nhiều biệt-tài vì 6 thần thông biến hóa).

SAO : Thu-tử : Mẹ ông, là người thân-hình đoan-chánh, mắt trong như mắt chim thu ; vì đặt tên theo mẹ nên nói ông là con của bà Thu-Lộ hay là con của bà Xá-Lợi...

Thân-tử là ý nói ông là người có cái thân đoan-chánh.

Châu-tử là ý nói ông là người mắt trong sáng. Còn bao nhiêu hiệu nữa nay đây chẳng kịp nên không dẫn nhiều. Mấy ông sau cũng đều lệ theo (là mỗi ông đều có nhiều danh đức riêng, đây dẫn một vài ông thôi).

Trí-huệ : Khi ông ở trong thai mẹ là đã giúp cho bà mẹ biện-tài giỏi hơn người cậu. Lúc được tám tuổi, ông lên tòa cãi lẽ 16 đại-quốc nghị luận không hơn. Ông học Phật, pháp trong bảy ngày đã thông suốt, cho nên nói ông là trí-huệ đệ nhất.

Chỉ bày một đức là : Nói chẳng phải ngoài ông Thân-Tử ra mà trí-huệ các vị A-La-Hán kia đều kém đâu. Chẳng riêng một mình ông Thân-tử đủ trí-huệ mà các vị kia không đủ ! ?

Bởi vì mỗi một vị, chỉ nói một đức để nêu pháp môn của Phật là vô-lượng. Lại cũng chỉ dẫn những cái tài đặc-biệt của mấy ông ấy.

Như kinh nói ông Xá-Lợi-Phất ngồi thiền yên lặng, Ngài Mục-Liên muốn phá phép định của ông, đứng dậy rống hết thần-lực mà chẳng lay động được một cái chéo áo của ông.

Xưa nay ai cũng thường tán-thán ngài Mục-Kiền-Liên là thần thông đệ-nhất, ai dè ông Xá-Lợi-Phất thần-thông đến thế này !

Người quân-tử chẳng phải như món đồ là : Đức Không-Tử nói : Như chiếc ghe không thể đi trên bờ, cái xe không thể chạy dưới nước ; đây là món đồ vậy. Người quân-tử có đủ tài-năng, chẳng tẻ như một món đồ. Đầu đảng nói : Thầy Nhan-Hồi, thầy Mãn-tử-Khiên không văn-chương, thầy Tử-Du thầy Tử-Hạ là người thiếu đức-hạnh. Người quân-tử còn thế, huống bực đã siêu-phàm nhập-thánh, pháp « Tam-Minh » (15) tỏ rạng, pháp « Lục-thông » (16) rỗng suốt gọi là bực Lậu-Tận, A-La-Hán ư ? Nên chỉ nói : Chỉ tỏ bày một đức.

SỞ : Bắt đầu nói ông Xá-Lợi-Phất, bởi vì kinh này duy có bực trí mới hiểu và tin nổi.

SAO : Trong kinh nói : Phật vì chúng-sanh thuyết-pháp khó tin đây. Khó tin thời duy có bực trí-huệ sâu xa mới tin, không nghi, cho nên trước nhất nói ông.

Hoặc người hỏi nạn : Trong « Bát-nhã Tâm-kinh », Phật bảo một mình ông Thân-tử thời biết cái trí của ông ấy rõ lại lý-không, chớ không tại pháp Tịnh-Độ ? Ôi ! Sắc, tức là không, không, tức là sắc, đâu chẳng nói cõi Tịnh-Độ tức là không, không, tức là Tịnh-Độ hay sao ? Nếu bác cõi Tịnh-Độ thời chẳng phải là chơn-không ; chẳng rõ lý chơn-không, thời chẳng phải là người chánh-trí. Huống chi trí ông Thân-tử quyết chẳng như thế.

SỚ : Ông Ma-ha Mục-Kiền-Liên là : Chữ « Ma-ha » đây dịch là Đại. « Mục-Kiền-Liên », dịch là Thái-thúc thị. Một thuyết nữa nói ; Lai-Bặc, ông này có thần thông đệ nhất.

SAO : Mục-Kiền-Liên là họ. Câu-Luật-Đà là tên ; Câu-Luật-Đà là tên của một thứ cây. Theo tục lệ cầu vị Thần ở nơi cây này mà được kết-quả sanh ra ông, như đó lấy tên cây đặt tên ông là Câu-Luật-Đà. Lại họ này trùng họ nhiều lắm, nên thêm chữ Đại để cho riêng biệt.

Thần thông là : Như Phật lên cõi Trời Đạo-Lợi thuyết-pháp, bị con Độc-long phà hơi độc để ngăn Phật. Các vị Tỷ-kheo kia xin dẹp con Độc-long. Phật không cho. Ông Mục-Kiền-Liên hóa thân lớn, nhỏ... con Độc-long kia sợ hoảng bèn chịu thua (17). Lại như bọn ngoại-đạo luyện phép để dời núi, ông kiểm-chế không cho núi lay-động (18). Cả dòng họ Thích đây trong một thành, ông thâu vào trong bình bát, đem để trên cõi trời Phạm-Thiên (19) và việc nắm xe ông Kỳ-Bà cùng đốt nhà trời Đế-Thích (20) v.v... các việc đều dùng phép thần-thông cả, cho nên nói ông là thần-thông đệ-nhất.

SỚ : Ông Ma-ha Ca-Diếp : Đây (Tàu) dịch : Đại-qui-Thị. Một thuyết khác nói là : Âm-Quang. Ông này tu-hạnh Đầu-Đà đệ-nhất.

SAO : Đại-qui-Thị là : Đời trước ông đi học đạo gặp con Linh-qui đội bản-đồ ra sông, như lấy đó đặt họ. Tên Tất-bát-La, cũng là tên cây, vì cầu tự nơi cây ấy. Nói thêm chữ Đại cho khác với mấy ông trùng tên, như ba ông Ca-Diếp kia v.v...

Âm-Quang là do đời trước ông là người thợ làm đồ vàng, bạc cùng với một người nữ thanh-tĩnh đồng phát-tâm lấy vàng quang phết tượng Phật bèn cảm được quả báo đời đời thân ông như sắc vàng. Sắc vàng chói ngời loáng phủ các sắc khác, cho nên tên ông là Âm-Quang (ánh sáng nuốt các ánh sáng kia).

Tiếng Phạn : Đầu-Đà, Tàu-dịch : Đầu-Tầu, hoặc nói Đào-Thải. Đầu-Đà có 12 hạnh : 1.- A-lan-nhã : Ở nơi vắng vẻ ; 2.- Thường đi khát-thực, cho đến hạnh thứ 12 chỉ có ba ý. Do khổ-hạnh đây, quét hết việc trần-lụy, lông sạch thân-tâm.

Ca-Điếp tuổi già mà không bỏ hạnh Đầu-Đà, Phật thương ông yếu đuối, khuyên ông nghỉ, thế mà ông cũng vẫn giữ hạnh Đầu-Đà mãi như cũ. Đức Phật ngài rất khen : « Có hạnh Đầu-Đà, pháp ta mới còn lâu », cho nên nói ông là Đầu-Đà đệ-nhứt.

SỞ : Ông Ma-ha Ca-Chiên-Diên là họ, Tàu dịch là : Văn-Sức. Một thuyết nữa nói là Bất-Định ; một thuyết nữa nói là Phiến-Thắng và một thuyết nữa nói là Ly-Hữu-Vô v.v..., là người ở nước Nam-Thiên-Trúc, họ Bà-La-Môn. Ông này nghị-luận đệ nhứt.

SAO : Văn-Sức là : Lời lẽ có vẻ văn-chương trôi chảy. Phàm người nghị-luận, tâm tuy hiểu lý đó, song cứ nói tầm thường chẳng có văn-chương, hay câu lối rời-rạc không chải chuốt, thời lời không đạt được ý. Như vậy không phải là người nghị-luận giỏi !

Bất-Định là : Ý lanh lẹ của người giỏi nghị-luận, dầu nói xuôi nghe cũng được, hay luận ngược lời lẽ cũng nghe xuôi, khéo cả.

Phiến-Thắng là : vì mẹ muốn đi cải-giá, bị con còn bé (là ông) buộc ràng, tỷ như cây quạt có dây đai máng nứa lại khỏi bị gió bay. Lại chữ Phiến-Thắng có nghĩa là : Phá những cái nóng nực ; kéo ngay những cái cong vạy. Cũng là ý nói không mắc về bên đoạn (chấp không) và không lạc về bên thường (chấp có), mở bày lý trung-đạo, vì để thoát-ly hai bệnh chấp có và chấp không.

Như bọn ngoại-đạo hỏi : Xét vì người chết đi rồi không thấy trở về, nên cho rằng không có đời khác. Nghĩa là người chết chịu khổ, lẽ phải trở về cho hay ! Cái này đành ở đó chịu, không trở về, cho nên quyết chắc là không có đời khác.

Ông đáp : Kia như người tội bị giam trong lao-ngục, vậy có về được không !

Lại hỏi : Còn người sanh lên cõi trời sao cũng không về ?

Đáp : Giả sử người rớt dưới cầu xi, bấy giờ đã lên được rồi vậy thử hỏi, người kia có chịu trở xuống chỗ dơ đó nữa không ? !

Như vậy, món món tất cả nghĩa mầu đều nói được hết. Trong kinh Tăng-Nhứt A-Hàm, Phật khen ông là người khéo phân biệt các nghĩa, để diễn bày đạo-giáo, cho nên nói ông là bậc nghị-luận đệ-nhứt.

SỞ : Ông Ma-ha Câu-Si-La, Tàu dịch : Đại-Tất, là câu ông Xá-Lợi-Phất.

Ông này đáp, vấn đệ nhứt.

SAO : Đại-Tất là theo hình-trạng đặt tên. Người cậu ai ? Là em ruột của mẹ ông Thân-Tử ; ngày trước nghị-luận giỏi hơn chị. Lúc chị mang thai ông Thân-Tử, thì cơ biện-luận lanh chóng, ông không thể bì kịp. Ông (Đại-Tất) nổi giận đi học, đến đổi không rảnh để cắt móng tay. Đọc thuộc 18 món kinh sử...

Đáp vấn là : Do vì ông quá siêng-năng nên được bốn pháp biện-tài. Hễ gặp ai hỏi thời đáp được liền, cho nên nói ông là bậc đáp-vấn đệ-nhứt.

SỞ : Ông Ly-Bà-Đa, Tàu dịch : Tinh-Tú. Một thuyết nữa nói là Thất-Tú.

Ông này « vô-đảo-loạn » đệ nhất.

SAO : Tinh-Tú là : Theo tục cầu con nơi ngôi sao này mà được sanh, như vậy lấy đấy đặt tên ông.

Thất-Tú là : Trong hai mươi tám ngôi sao, ngôi sao « thất » này thuộc về ngôi sao thứ 13. Hoặc vì lẽ cầu nơi ngôi sao này « Vô-đảo-loạn » là vì tám chánh nên không điên-đảo, tám định nên không tán-loạn, cho nên nói : « Vô-đảo-loạn đệ-nhứt ».

SỐ : Ông Châu-Lợi Bàn-đà-Dà : Tàu dịch : Kế-Đạo. Một thuyết khác nói là : Tiều-lộ-Biên. Ông này chỉ thuộc có nửa bài kệ mà được tổ-ngộ chứng quả La-Hán.

SAO : Kế-Đạo là : Khi mẹ ông mang thai ông, theo phong tục Ấn-Độ phải về nhà cha mẹ ruột đẻ sanh đẻ, đi nửa đường sanh ông, vì lằng-nhằng trong khoản giữa đường, nên đặt tên ông là Kế-Đạo.

Tiều-lộ-Biên là : Mẹ ông sanh hai người con, mà người nào cũng sanh ở giữa đường cả, nên nói ông là Tiều-lộ-Biên, cho khác với anh ông là Đại-lộ-Biên.

Nửa bài kệ là : Ông xuất-gia mà căn-tánh ngu-ám, ở chùa quá lâu, nhưng không biết chi hết. Người anh vào đạo trước, quở ông là vô-tri, đuổi ông hườn-tục. Ông dựa cửa chùa khóc than rơi lụy. Đức Phật thấy vậy thương, thấu dùng lại cho học hai chữ : Tảo-Chử (21). Mỗi ngày ông đọc hai chữ, nhưng nhớ một chữ này, lại quên một chữ kia. Đọc mãi lâu rồi thoát ngộ, cầu sạch, hoặc trừ, ông chứng được quả A-La-Hán.

SỐ : Nan-Đà, Tàu dịch là : Thiện-Hoan-Hỷ, là ông Phóng-Ngru Nan-Đà.

SAO : Phóng-Ngru (22) Nan-Đà là : Có đến 3 ông Nan-Đà : 1.- A-Nan-Đà ; 2.- Tôn-đà-la Nan-Đà ; và ông này nữa là 3 ông. Do dùng chữ Phóng-Ngru để cho khác với hai ông kia.

SỐ : A-Nan-Đà, Tàu dịch : Khánh-Hỉ. Lại dịch : Vô-nhiễm. Ông này là em con nhà chú của Phật. Ông có tài đa văn đệ nhứt.

Chính kinh này, thời ông A-Nan cùng trong đại chúng đồng nghe giáo pháp môn Tịnh-Độ nhưng chỉ một mình ông đủ sức tổng-tri, nhớ dai không quên, ông kiết-tập thành « Tạng kinh ».

SAO : Khánh-Hỉ là ngày sanh ông nhằm ngày Phật thành đạo. Vua, bá quan và nhân-dân một mặt nghe Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta con là nhà bác thành Phật, một mặt lại nghe trong cung, nhà chú sanh ra Hoàng-tử, cả hai đều tốt, cả hai điều khó được, mà nay đồng thời đều được, cả nước vui mừng nên đặt tên ông là Khánh-Hỉ.

Lại người thấy tướng ông, người nghe tiếng nói của ông, người trông oai-nghi của ông, không một ai là chẳng hoan-hỉ.

Vô-nhiễm : Là ông theo Phật lên cung Trời, xuống cung rồng, tâm không vui đắm, cũng là một việc đặc-sắc.

Em con nhà chú của Phật: Phật là con vua Tịnh-Phan, ông A-Nan là con vua Bạch-Phan ; vì hai vua là anh em ruột.

Đa-văn : Là ông A-Nan làm « Thị-giả » cho Phật ba mươi năm, với những pháp Phật nói, ông chẳng quên một chữ. Kinh Niết-Bàn khen ông là bậc Đa-văn đệ-nhứt. Lại ngài Ca-Điếp khen rằng : Pháp của Phật như nước biển cả mà đều chảy dồn về trong tâm ông A-Nan !

Đồng nghe riêng nhớ : Chính nêu ông là người « cường-ký » (nhớ dai) hơn các bậc kia, cho nên nói ông là bậc Đa-văn đệ-nhứt.

SỚ : Ông La-Hầu-La, Tàu dịch : Phú-Chương, cũng dịch : Cháp-Nhứt. Ông này « mặt-hạnh đệ nhứt ».

SAO : Phú-Chương là tên thần A-Tu-La. Vì khi sanh ông nhằm lúc thần A-Tu-La đang lấy tay che ánh-sáng mặt nhứt, mặt nguyệt, nên đặt tên ông là Phú-Chương, và cũng tên là Cháp-Nhứt. Song, Chương có 2 nghĩa : 1.- Phật bị ông làm chương, không xuất-gia được sớm, do vì Thái-tử (Phật) chưa có con (là ông), nên xin đi tu, đức phụ-vương chẳng cho. Thái tử phải chỉ vào bụng vợ để giới-thiệu, vua mới biết đã có thai, mới toại hôn-chỉ ; thế thì đức Phật bị ông làm chương. 2.- Do đời trước ông lấp hang chuột sáu ngày, nên nay mắc quả-báo, phải ở trong thai mẹ 6 năm. Thế là ông tự làm chương lấy ông.

Mật-hạnh là : Trong kinh nói : **Mật-hạnh** của ông **La-Hầu-La** duy có **Ta (Phật)** biết được thôi. Duy có **Phật** biết được thì đủ rõ các hàng **Thinh-Văn** bậc **Bồ-Tát** còn không thể biết, huống chi chúng phàm-phu làm gì biết được. Bởi nhiều hạnh tốt mà người chẳng biết nên chỉ nói ông là bậc **Mật-hạnh** đệ-nhứt.

SỐ : Ông Kiền-Phạm-Ba-Đề, Tào dịch : Ngưu-Thi : (Trâu nhoi). Ông này thọ của Chư-Thiên cúng-dường đệ-nhứt.

SAO : Ngưu-Thi là : Trong đời quá-khứ ông khinh nhái một thầy **Sa-môn** già móm nhai mấp-mấp, nay mắc quả báo cái miệng ông nhai mấp mấp như mồm trâu nhoi. Lại vì mắc quả báo làm trâu năm trăm đời. Loại trâu ăn rồi ; san lại thường nhoi, cái dư-báo đó ông chưa hết, cho nên đặt tên là **Ngưu-thi : (Trâu nhoi).**

Chư-Thiên cúng-dường là : Thời kỳ **Phật** và chúng-tăng chịu quả báo ăn lúa ngựa (23) chỉ một mình ông riêng ở trên cõi trời, nơi vườn **Thi-lợi-Sa** hưởng-thọ của trời cúng. Lại kẻ phàm-phu không biết xem kính đức-hạnh, chỉ thấy tướng nhoi của ông, phần nhiều khinh dễ, sợ họ chê cười mắc tội, **Phật** dạy ông thường ở trên cõi trời, **Chư-thiên** kính-phụng, nên chỉ nói ông là người thọ hưởng của **Chư-thiên** cúng-dường đệ-nhứt.

SỐ : Ông Tân-đầu-Lô, Phả-la-đọa, ba chữ trước Tào dịch Bất-động (là tên) ; ba chữ sau dịch : Lợi-Căn, (là họ).

SAO : Tên trước họ sau là : Vì họ kia tới 18 phái, nên ông này kêu tên trước họ sau, là để cho khác với mấy ông trong các phái kia. **Luật-nại-Da** nói : Ông **Trường-giả** tên **Thọ-Đề** lấy cái bát bằng gỗ chiên-đàn để trên đầu cây cột phước, rồi giao hứa với **Tăng-chúng** rằng : **Vị** nào có thể dùng thần-lực lấy được, tôi xin hiến cái bát ấy. **Tôn-Giả** hiện thần-thông bay lên lấy bát. **Phật** nghe quả trách rồi bắt buộc không cho ông nhập-diệt, để kéo dài thân sống lâu mãi ở qua đời **mạt-pháp**, đặng chứng làm ruộng phước lớn cho trai-chủ, chúng-sanh cúng-dường gọi là gieo giống lành vậy.

SỞ : Ông Ca-Lưu-Đà-Di, Tàu dịch là : Hắc-Quang (da đen láng ngời).

SAO : Hắc-Quang là : Vì nhan-sắc ông xấu và đen. Lại sắc đen chói bóng, khác với sắc đen thường thành thử ông đi khất-thực ban đêm, người thấy kinh hãi ! Do đó Phật mới chế giới cấm không cho đi đêm.

SỞ : Ông Ma-ha Kiếp-Tân-Na, Tàu dịch là Phòng-Tú (ông này biết việc tinh-tú đệ-nhứt).

SAO : Phòng-Tú là ngôi sao thứ tư trong 28 ngôi sao. Cha mẹ cầu khẩn nơi ngôi sao này mà được kết-quả sanh ra ông. Một thuyết khác nói : Khi ông mới đi xuất-gia, muốn đến ra mắt Phật, nhưng đi nửa đường lại bị mưa, ghé ăn và ngủ nhờ trong nhà anh thợ đồ gốm, tình cờ có một thầy Tỳ-kheo cũng đến ngủ chung trong nhà ấy. (Tỳ-kheo kia là Phật hóa hiện). Đêm ấy ông nghe Ngài thuyết-pháp, ông liền đắc đạo. Thế thời chữ Phòng-Tú cũng là một nghĩa ngủ đậu trong nhà người thợ làm đồ gốm.

Tri-tinh-tú : Là không cần mượn cái « Triền cơ ngọc hoành » mà thông hiểu « Thiên-văn tinh-tượng », cho nên nói Tri-tinh-tú đệ-nhứt.

SỞ : Bạc-Câu-La, Tàu dịch là Thiện-Dung, (ông này thọ mạng đệ-nhứt).

SAO : Thiện-Dung là vì nhan mạo ông đoan-chánh và Thọ-mạng : Vì ông sống lâu đến 160 tuổi, cho nên nói ông là thọ-mạng đệ nhất. Do đời trước ông giữ giới bất-sát, được sống lâu, không chết yểu, 91 kiếp đều thọ như thế. Lại đời trước ông từng cúng trái A-lê-Lặc cho một ông tăng có bệnh, do đó cảm được năm món bất-tử.

Khi mới sanh, ông hiện những tướng lạ. Bà mẹ tưởng là yêu quái, đem để trên cái bàn ram nướng cho chết, mà ông cũng không chết. Lại để trong cái chảo nấu cho chết, mà ông cũng không chết. Lại đem ông thả giữa sông cá lớn nuốt, rồi cá bị người đánh lưới bắt, thợ chài lấy dao mổ cá, bày ông ra

mà không tổn hại chi hết. Nói lại : 1.- Lửa không thề nướng ; 2.- Nước sôi không thề nấu ; 3.- Nước sông không thề chìm ; 4.- Cá nuốt không chết ; 5.- Dao cắt không hại, nên gọi là năm món bất tử.

Lại ông ưa chỗ vắng-vẻ, lòng ít ham muốn, thâu-nhiếp sáu-căn, nên sau khi ông diệt-độ, cái tháp của ông còn không chịu thọ tiền của vua cùng (24). Do lúc bình thường ông ưa chỗ vắng-vẻ, không chịu ở trong chỗ đông người, vì sợ nhiễm những tiếng thị-phi, đây cũng xưng là đệ-nhứt.

SỚ : Ông A-Nâu-Lâu-Đà, một tên nữa : A-Na-Luật-Đà, Tào dịch : Vô-Bần ; cũng dịch : Vô-Diệt ; cũng dịch : Như-Ý. Ông này có phép thiên-nhân-thông đệ-nhứt.

SAO : Vô-Bần là : Thuở trước nhằm thời có nạn đói-khát, ông đem cơm lúa tặc cùng cho một vị Bích-chi-Phật, nên được hưởng phước 91 kiếp, của-cải nhầy-dầy, hưởng-dụng đến nay không hết, cầu điều chi đều được như ý, cho nên có nghĩa Vô-Bần, Vô-Diệt, Như-Ý ; cả ba nghĩa đã dịch.

Phép « thiên-nhân-thông » đệ-nhứt, là ông đã xuất-gia mà tánh hay ưa ngủ, mỗi thời Phật thuyết pháp, ai nấy chăm nghe còn ông thì vẫn cứ gật-gù ngủ, không biết gì hết. Phật quở trách ông, và tỷ-du như loài ốc, sò. Ông tự giận lấy mình, liền phát-chí tinh-tấn trong bảy ngày đêm, mắt không nhắm mí, bị mù hai con mắt. Phật bèn dạy ông tu-tập phép : « Nhạo-Kiến-Chiêu-Minh Kim-Cang Tam-Muội », ông liền chứng pháp : Thiên-nhân-thông, thấy suốt cõi Đại-thiên Thế-giới, cũng như thấy trái đẽ trong lòng bàn tay, cho nên nói ông là : Thiên-nhân-thông đệ nhứt.

2.- TỔNG - KẾT

NHƯ THỊ ĐẲNG CHƯ-ĐẠI ĐỆ-TỬ :
(NHƯ THẾ HẾT THẤY CÁC ĐỆ-TỬ CỦA PHẬT)

SỚ : Như-thị : là kết văn trước. Chư Đẳng là chỉ các ông kia. Chư Đại là gồm nghĩa chư đại văn trước. Chư Đệ-tử là : học sau thầy là Đệ, sự hiểu biết do Thầy sanh ra là tử. Cái thẳng-hội như đây nên gọi : Nan-đệ, nan-huỳnh, khéo làm khéo thuật.

SAO : Kết văn trên là kê các ông khác. Đây trước kết 16 vị Tôn-giả ; sau kê một nghìn hai trăm năm mươi người.

Gồm nghĩa chữ đại văn trước là : Chữ đại đệ tử văn đây, tức là văn trước, chữ đại Tỳ-kheo, chữ đại A-la-Hán, lấy một chữ Đại văn đây gồm luôn nghĩa hai chữ Đại văn trước vậy.

Học sau Thầy là : Vì Thầy biết trước, trò biết sau, như anh trước em sau vậy. Sự hiểu do thầy sanh ra là : Vì nhờ thầy mở bày nuôi dưỡng mới thành pháp-khi ; chỗ gọi rằng : Từ miệng Phật sanh ra, sẽ nói thành giống Phật. Như cha mẹ sanh con, con sẽ thờ nối Tồ-Tiên.

Nan huynh, nan đệ là : Xưa nói ông Nguyễn-Phương khó làm anh, ông Quý-Phương khó làm em. Nghĩa là anh em đồng có tài trí hơn người, không ai hơn, thua. Nhưng ở đây không lấy ý đó, chỉ lược-dụ Phật là anh, các vị A-la-Hán là em, vì cả hai trong đời đều khóặng, mà nay đều đặng.

Khéo làm, khéo thuật là : Xưa nói ông vua Văn-Vương ông Vương-Quới làm cha, cha làm ra trước ; ông Võ-Vương làm con, mà con nối theo sau. Nhưng nay cũng chẳng dùng ý đó, chỉ lược dụ Phật là cha, các vị A-la-Hán là con, vì thầy trò đạo hiệp.

SỞ : Xứng-lý, thì tự-tánh, tâm-vương, tâm-sở, dung thông, là nghĩa Phật cùng đệ-tử cu-hội.

SAO : Ngài Thiên-Thai nói : Tâm-vương là Như-Lai, Tâm sở là đệ tử. Nay giải-nghĩa : Tâm-vương, là tám-thức tâm-vương. Tám thức tâm-vương đây, thiện-ác luân-chuyển do nó làm chủ-tề, vì như ông vua cai-trị dân chúng, ông thầy dạy dỗ học trò.

Tâm sở là 51 món tâm sở. Năm mươi một tâm-sở đây có 3 nghĩa :

- 1.- Thường y nơi tâm-vương để phát-khởi.
- 2.- Tương-ưng với tâm-vương.
- 3.- Huệ-thuộc với tâm-vương. Vì nó đối với tám thức tâm-vương kia, cũng như tôi châu vua, đệ-tử hầu thầy.

Lại Ngài Trí-Giác nói : Mười vị đại Thanh-Văn đều là số mười pháp thiện của tâm mình (10 vị : Từ 1 Đa văn đệ nhứt ; đến 10 : thiên-nhãn đệ nhứt).

Luận Tỳ-Đàm lời kệ nói : 1.- Tâm dục ; 2.- Tâm tưởng ; 3.- Tâm-cánh-nhạo ; 4.- Tâm-huệ ; 5.- Tâm-niệm ; 6.- Tâm-tư ; 7. - Tâm giải-thoát ; 8. - Tâm tác - ý cùng cảnh - giới (xúc) ; 9.- Tâm Tam-ma-đề (định) và 10.- Tâm-thống. Nên biết ông Đại-Ca-Điếp là « tâm số-dục » : Do vì chỉ còn giữ cái phép xuất ly, phát tâm thiện-dục xuất thế-gian, bỏ tâm ác-dục của thế-gian.

Ông Phú-Lâu-Na là « tâm số-tướng » : Do vì tướng thời mới phân biệt biện-tài, không ngăn ngại.

Ông Ca-Chiên-Diên là « tâm cánh-nhạo » : Do vì vấn-đáp lời lẽ qua lại nhiều lý do đáp đối lẹ làng, luận-nghị không cùng. Nhấn đến « tâm huệ » là ông Xá-Lợi-Phất, « tâm niệm » là ông Ưu-Ba-Ly, « tâm tư » là ông La-Hầu-La, « tâm giải thoát » là ông Thiện-Kiết, tức là ông Tu-Bồ-Đề, « tâm tác ý » là ông Na-La-Luật, « tâm tam-ma » là ông Mục-Kiền-Liên, « tâm thống » là ông A-Nan v.v...

Chữ Thống là thọ, có ý nghĩa lãnh nạp.

Phẩm tâm vương phải đủ tâm số ; Tâm số quyết phải qui tùng tâm vương. Cả hai giúp đỡ lẫn nhau mới được khai ngộ. Song dầu tâm vương dầu tâm số, cũng chẳng ra ngoài một cái tâm mình, miễn mình đừng nhứt tâm thời gồm cả tâm vương và tâm số.

2.- BỒ-TÁT CHÚNG (phân ra làm ba phần)

a) Minh-loại : Nói về loại.

b) Liệt-danh : Nói về tên.

c) Tổng-kết : Chung kết.

a. MINH LOẠI

TINH-CHƯ BỒ-TÁT MA-LA-TÁT

(Và các vị Bồ-tát lớn trong hàng Bồ-tát)

SỐ : Chữ **Tinh :** Nương theo văn trước, nói Phật thuyết kinh này, chẳng những hàng **Thịnh-Văn dự-hội**, mà cả đến **bực Đại-sĩ** cũng đồng nghe pháp « **trì-danh niệm Phật** » này.

Chữ Bồ-tát là tiếng **Phạm** nói đủ là : **Bồ-đề-tát-đỏa**. (Nay nói có hai chữ **Bồ-tát** là **bớt** văn). Tàu dịch là : **Giác-hữu-Tinh**. Chữ **Giác-Tinh** lại còn có 3 nghĩa : lại cũng có nghĩa là **Dũng-Mãnh** mà cầu. Chữ **Ma-ha-tát**. Tàu dịch : « **Đạo-đại tâm chúng-sanh** » ; do vì đủ bốn nghĩa **Đại**. Lại kinh **Pháp-Hoa** có 6 nghĩa **Đại**, **Luận Phật-Địa**, ba nghĩa **đại**, cũng không ngoài bốn nghĩa. Chữ : **Bồ-tát Ma-ha-tát**, cũng như nói : **Bực Đại Bồ-tát** trong hàng **Bồ-tát** vậy. Vì **lạ** khác với **bực Tiều-Bồ-tát**.

SAO : Chẳng những hàng **Thanh-Văn**, nghĩa là **bực Đại-thừa**, **Tiêu-thừa**, tất cả **hiền-thánh** đồng nghe kinh này, chớ làm tưởng rằng **cõi Tịnh-Độ**, là chỗ các **bực Bồ-tát** chẳng màng đâu !

Chữ Giác-hữu tinh là : **Đồng-chứng** chỗ **Phật** chứng, đó gọi là **Giác**. Nhưng **vô-minh** chưa hết gọi là **tinh**.

Lại có ba nghĩa là : 1.-Nghĩa **bi**, **trí sở-duyên** ; gọi rằng chữ **Giác** là chỗ **tu-đạo Phật**. Chữ **Tinh** là chỗ **độ** các **chúng-sanh**. Nghĩa là trên dùng **trí** mà cầu quả **Phật**, dưới dùng lòng **bi cứu-độ** **chúng-sanh**.

2.-Nghĩa **năng**, **sở hiệp nhưt**, gọi rằng chữ **Giác** là cái quả **sở-cầu** (**bị cầu**). Chữ **Hữu-tinh** là những người **năng-cầu**. Nghĩa là lấy tâm của mình mà cầu ngộ lý **Phật**.

3.-Nghĩa **lợi sanh** là **gấp** gọi rằng rộng **Giác-ngộ** cho tất cả loài **hữu tinh**. Nên có câu : Chưa hay **độ** mình, trước lo **độ** người là nghĩa đây vậy.

Dũng-mãnh cầu là : Hàng **Thịnh-Văn** cầu về nơi vắng lặng để an hưởng riêng phần mình, đức **Phật** gọi là **anh chàng dãi-dãi**. Còn **bực Đại-sĩ** (**Bồ-tát**) quyết chí chứng được quả **Bồ-đề**, nên nói ông là **tướng Đại-cường tinh tấn** và **dũng-mãnh**.

Chữ Đại có 4 nghĩa : Lời sớ của ngài Thanh-Tương nói :

- 1.- **Nguyện đại**, vì cầu cho được quả Bồ-đề.
- 2.- **Hạnh đại**, vì thành-tựu được hai lợi (tự-lợi và lợi-tha).
- 3.- **Thời đại**, vì trải qua 3 vô-số-kiếp, cũng cố-gắng tu cho thành.
- 4.- **Đức đại**, vì đầy-đủ các công-đức bậc nhứt thừa.

Kinh Pháp-Hoa nói sáu nghĩa đại là :

- 1.- **Tín đại-pháp** : (Tín pháp Đại-thừa)
- 2.- **Giải-đại-nghĩa** : (Hiểu nghĩa đại-thừa)
- 3.- **Phát-đại-tâm** : (Phát tâm đại-thừa)
- 4.- **Xu-đại-quả** : (Tới quả đại-thừa)
- 5.- **Tu-đại-hạnh** : (tu-hạnh đại-thừa)
- 6.- **Chứng-đại-đạo** : (chứng-đạo đại-thừa)

Nhưng mà Tín, Giải và Phát, ba đại đây gồm trong 1 nghĩa **Nguyện Đại** thứ nhứt. Xu gồm trong nghĩa **Thời-đại** thứ ba. Tu gồm trong nghĩa **Hạnh-đại** thứ hai. Chứng gồm trong nghĩa **Đức đại** thứ tư.

Trong luận **Phật-địa** có ba nghĩa đại là : 1.- **Số-đại** ; 2.- **Đức đại** ; 3.- **Nghiệp-đại**. Song **Đức-đại** thời dễ biết, còn **Số-đại**, tức là ý nghĩa **Nguyện-đại**, **Nghiệp đại** tức là ý nghĩa **Hạnh-đại**, cho nên nói không ngoài 4 ý là vậy.

Lựa ra chẳng phải bậc **Tiêu** là, như : **Đức Văn-Thù**, đức **Di-Lặc** v.v... đều bậc **Đại-thừa Bồ-tát** ở trong địa-vị **Thập-địa Bồ-tát**, **Đẳng-Giác Bồ-tát**, chớ chẳng phải **Bồ-tát** sơ tâm ở 5 phẩm ; là **Tín**, **Trụ**, **Hạnh**, **Hướng Bồ-tát**.

SỚ : Xứng-Íy, thời tự-tánh chơn vọng dung thông là nghĩa Bồ-tát.

SAO : Chơn-tánh thời chẳng biến, mà tùy-duyên tám-thức, là nghĩa **giác-ngộ** cho loài hữu-tính. **Vọng-thức**, thời làm thành các việc mà bản-thể vẫn không dính mắc, là nghĩa loài hữu tính có tánh-giác. Chơn và vọng chẳng lập riêng, chỉ là nhứt-tâm. Thành cái tâm đại-đạo đây, gọi là **Ma-ha-Tát**.

b- LIỆT DANH

**NGÀI VĂN-THÙ SƯ-LỢI PHÁP-VƯƠNG-TỬ, NGÀI A-DẬT-ĐA BỒ-TÁT
NGÀI CÀN-ĐÀ HA-ĐỀ BỒ-TÁT, NGÀI THƯỜNG-TINH-TẤN BỒ-TÁT.**

SỐ : Văn-Thù Sư-Lợi, Tà dịch : Diệu-Thủ, cũng dịch : Diệu-Cát-Tường cũng dịch Diệu-Đức.

Pháp-vương-tử là : Phật là ngôi Pháp-vương Bồ-tát vào ngôi chánh của Pháp, gọi là Pháp-vương-tử.

Lại hàng Bồ-tát : bắt đầu nói ngài Văn-Thù là so nghĩa như văn trước : Với hàng Thỉnh-văn, Phật kêu là ông Xá-Lợi-Phất.

SAO : Văn-Thù Sư-lợi, cũng dịch : Mạn-Thù Thất-Lợi, hay là Diệu-thủ v.v... Chuẩn theo tôn Hoa-nghiêm, nêu ba pháp môn : Tín, Hạnh và Trí. Diệu-thủ là pháp môn Tín, vì Tín là đầu muôn hạnh, muôn đức. Diệu-cát-Tường là pháp môn Hạnh vậy.

Luận Phật-địa nói : Được tất cả thế-gian thân-cận cùng-dường và tán-thán nên kêu Ngài là Diệu-cát-Tường.

Lại đức Chơn-để nói : Đối giữa kẻ oán, người thân, ngài luôn luôn làm việc lợi-ích, không làm việc tổn-não, cho nên gọi ngài là Diệu-cát-Tường.

Lại khi sanh ngài có mười điềm tốt : Từ món thứ nhất là Hào-quang sáng đầy nhà cho đến thứ 10 là voi mọc sáu ngà, (25) nên kêu ngài là Diệu-cát-Tường. Đó là tức « Giải » mà « Hạnh ».

Diệu-đức pháp-môn Trí vậy. Kinh nói : Trí, là mẹ chư Phật, là thầy đức Thích-Ca đầu chẳng phải Diệu-đức (đức mẫu nhiệm), đó là tức « Hạnh » mà « Giải ».

Vào ngôi chánh của pháp là : Đức Như-Lai nương theo lý trung-đạo nghĩa đệ-nhứt, mà những Bồ-tát vào được địa-vị đây, gọi là nổi thành dòng Phật được kế-vị làm Phật, cũng như đấng Đại-Quán thế theo đức ngươn ở ngôi chánh, đã sanh Thái-tử, nay ở Đông-cung rồi sẽ nối ngôi chánh (lên làm Quốc-chủ), nên gọi : Pháp-vương-tử, lại gọi là Phật-tử, ý đây cũng thế.

Phàm Bồ-tát đều là Pháp-vương-tử, sao gọi riêng một mình ông Văn-Thù ? Tổ Kinh-Khê nói : Đời trong hàng vương-tử, về đức thời nhường cho ngài Văn-Thù.

Lại các kinh cũng nói : Vì ngài Văn-Thù thường làm bậc thượng-thủ cho tất cả hàng Bồ-tát.

Lệ như Ngài Xá-Lợi-Phất là ông Thân-Tử trí-huệ đệ nhất. Ngài Văn-Thù bậc đại-trí độc-tôn, (như văn trước đã rõ). Vì kinh này duy có bậc trí mới tin lãnh nổi. Lại phân-biệt mà luận, thời ông Thân-Tử là bậc quyền-trí, Ngài Văn-Thù là bậc thật-trí.

Quyền-trí nói về sự có sanh Tịnh-Độ ; thật-trí nói về lý không sanh Tịnh-Độ. Kẻ độn-căn từ « quyền » vào « thật ». Người lợi-căn thì « quyền » « thật » đều đồng thời dung-thông.

Nếu suy cho tốt gốc rễ mà luận, Kinh Bất-tư-nghi cảnh-giới nói : Lại có trăm nghìn vạn ức vị Bồ-tát thị hiện làm thân Thịnh-Văn cũng đến ở trong pháp hội, tên các vị kia là Xá-Lợi-Phất, v.v... Thế thời ngài Văn-Thù, ông Thân-Tử, đồng một bậc trí-huệ thâm-thâm. Càng biết kinh này chẳng phải người thiên-trí mà có thể tin nổi.

SỞ : A-Dật-Đa, Tào dịch : Vô-năng-Thắng, (tức là ngài Di-Lặc Bồ-tát).

SAO : Di-Lặc, Tào-dịch : Từ-thị (là họ), A-Dật-Đa (là tên). Nói cho đủ thời phải nói : Từ-Vô-Năng-Thắng. Do vì khi ngài ở trong thai mẹ, đã có từ tâm cho nên lấy đó mà đặt là họ Từ. Lại về đời quá-khứ, ngài gặp đức Đại-Từ Như-Lai, ngài nguyện đồng hiệu đó, liền được pháp : Từ tâm tam-muội.

Lại đời trước ngài từng làm thầy Bà-la-môn, hiệu : Nhứt-thế-Trí tu tập hạnh-từ trong tám nghìn năm. Lại thời kỳ Phật Phất-Sa, Ngài với đức Thích-Ca Như-Lai, đồng phát tâm Bồ-Đề, thường tu tập pháp Từ-định. Lại kinh Từ-Ích nói : Chúng-sanh thấy ngài liền được pháp Từ-tâm tam-muội.

Lại kinh Bi-Hoa nói : Ngài phát-nguyện ủng-hộ chúng-sanh trong kiếp dao-binh. Thế là lòng từ chân-chứa đương đời, lòng bi tràn ngập đến đời sau. Vì lòng từ tốt bậc vượt khỏi kẻ

phàm-phu và Tiểu-thừa, nên gọi Ngài là Vô-Năng-Thắng (không ai hơn).

SỚ : Lại ngài Di-Lặc đã nghe kinh này, chắc hội Long-Hoa (26), ngài sẽ nói kinh này, nên biết kinh này lưu-thông vô-tận.

SAO : Hỏi : Sao biết chắc như thế ? — **Đáp :** Kinh Pháp-Hoa nói : Cồ-Phật đã phóng-quang ấy là vì nói kinh đây. Nay lại Phật cũng phóng-quang ấy nên biết chắc cũng nói kinh đây, thời mỗi đức Phật nào cũng nói kinh Pháp-Hoa vậy. Mà kinh này đây (kinh Di-Đà) là pháp độ-sanh cần kíp, chư Phật đồng tán-thán. Chư Phật đã đồng tán-thán, chắc là chư Phật cũng đồng tuyên nói kinh này, cho nên biết kinh này, hội Long-Hoa, chắc chắn sẽ nói, có nghi chi đâu ? !

SỚ : Càng Đà Ha-Đề : Tâu dịch là Bất-hư-Tức.

SAO : Bất-hư-Tức nghĩa là : Tu các hạnh tốt, nhiều kiếp như số cát sông Hằng, vậy sau mới được thọ kỳ. Vì trải nhiều kiếp như thế, mà không hề thôi, nghỉ.

SỚ : Thường Tinh-Tấn : Có hai nghĩa : 1.- Ngài Thiên-Thai nói : Vì thấy pháp-tánh thường-trú (còn hoài) nên tu pháp Vô-tác và Chánh-Cần. 2.- Kinh Bảo-Tích nói : Vị Bồ-tát này vì một chúng-sanh khó độ, trải vô-lượng kiếp, theo dõi chẳng thôi, chúng-sanh ấy càng-cường không chịn nghe lời giáo-hóa, thế mà ngài chẳng có một Tâm-niệm buông bỏ ; thật là tinh-tấn rất tột bậc.

SAO : Hai nghĩa là :

1.- *Tự loi* : Mình chưa sanh tâm thiện, làm sao cho thêm lớn tâm thiện, đã sanh thiện phải khéo giữ gìn. Chưa sanh tâm-ác, ngăn ngừa đừng sanh, đã sanh tâm-ác lỡ rồi, mau mau trừ diệt, gọi là tứ-chánh-cần (4 việc siêng năng). Mà nói thấy tánh là Vô-tác, thời rõ biết pháp-tánh vốn không phải thiện, không phải ác. Tuy nói rằng : Tu thiện, nhưng không tu mà tu. Tuy nói rằng : bỏ ác, nhưng không bỏ mà bỏ. Nghĩa là : Vì một vọng niệm không sanh, tức là chơn tinh-tấn.

2.- *Lợi-tha* : Vì độ nhiều chúng-sanh cũng chưa lấy làm khó ; nay nói chỉ vì một chúng-sanh, mới thiết là khó. Trong giây phút vì một chúng-sanh cũng chưa lấy gì làm khó, nay nói tới vô-lượng kiếp mới thiết là khó. Nhiều kiếp mà nhắm người dễ hóa-độ, cũng chưa lấy làm khó, nay nói còn một người không chịu sự hóa-độ ; mà không buông bỏ mới thiết là khó. Không buông bỏ, cũng chưa lấy gì làm khó ; nay nói rằng : Không một tâm niệm buông bỏ mới thiết là khó. Tinh tấn như thế mãi, không mấy may nào lui sụt, cho nên nói là thường.

Lại ngài Bất-Hưu-Tức, tức là ngài Thường-Tĩnh-Tấn ; ngài Thường-Tĩnh-Tấn, tức là ngài Bất-Hưu-Tức. Hai vị Bồ-tát đây, tuy rằng cái tên khác nhau, nhưng vẫn đồng một đức-tánh.

c- TÔNG-KẾT :

DŨ NHƯ THỊ ĐĂNG CHƯ ĐẠI BỒ-TÁT
(CÙNG CÁC VỊ ĐẠI BỒ-TÁT NHƯ THẾ NỮA)

SỞ : Kết văn trên chiếu lệ bao nhiêu nữa cũng đồng như trước. Vì chính ngay kinh này thì tiêu-biểu ba môn : Tín, Hạnh và Nguyện, làm thành cái nhơn cội Tịnh-Độ.

SAO : Đồng như trước là : Kết văn trên : Đức Văn-Thù, đức Di-Lặc v.v... chiếu lệ bao nhiêu nữa thời như, đức Phổ-Hiền, đức Quan-Âm, tất cả các hàng Bồ-tát nữa cũng như vậy.

Tín, Hạnh và Nguyện : Ngài Diệu-Thủ (Văn-Thù) là tiêu-biểu pháp môn : Tín. Bởi cầu sanh Tịnh-Độ ; do tâm Tín làm đầu tiên. Kinh nói : « Nhược hữu tín-giả, thị dã » (phải có lòng tin mới được).

Ngài Tĩnh-Tấn, là tiêu-biểu pháp-môn Nguyện và Hạnh. Tĩnh : Là bất tạp. Tấn : Là bất-thối. Bất-tạp là : Kinh nói : Nhứt tâm bất-loạn. Bất-thối là : Kinh nói : Bất thối-chuyển Bồ-đề. Ngài Bất-Hưu-Tức, Tức là nghĩa Bất-thối,

Lại ngài Di-Lặc là Từ-Hạnh. Ngài Càng-Đà là Phạm-Hạnh. Trong Quán-kinh nói : Từ tâm bất-sát, đủ các giới-hạnh. Vì thành cái chơn cội Tịnh-độ, thời kể bày các vị Bồ-tát, không có một vị nào mà chẳng trông như Tín, Hạnh, Nguyễn.

SỞ : Xứng-Lý thời tự-tánh không chỗ nào chẳng chiếu, ấy là nghĩa Văn-Thù đại-trí. Tự tánh không chỗ nào chẳng dung-tha, là nghĩa Di-Lặc đại-trí, Tự-tánh vô-cùng vô-tận, là nghĩa ngài Bất-Hưu-Tức, là Thường-Tinh-Tấn. Còn bao nhiêu nữa so theo đây nên biết.

SAO : So theo đây nên biết là : Tự-tánh quảng-đại, là nghĩa Phổ-Hiền. Tự-tánh viên-thông là nghĩa Quan-Âm v.v... Như văn trên, tùy nói một môn, để nêu danh-hiệu các ngài. Nếu mỗi ngài đều đủ hết, tức là danh-tự lẫn-thông, cho nên nói Tâm tức là danh-tự vậy. (Tâm chỉ có danh-tự, không có hình-tượng). Hiểu như thế, tức là ở trong một tâm chánh-quán, thấy đủ tất cả các vị Bồ-tát. Nay chúng ta thấy phạm-phu, không thấy các vị Bồ-tát, là do vì mất tâm chánh-quán. Cho nên nói : Bồ-tát như trăng mát, thường đạo khắp hư-không. Chúng-sanh lòng trần sạch, bóng Bồ-đề hiện ở trong.

3.- NHƠN-THIÊN-CHÚNG

CẬP THÍCH-ĐỀ HOÀN-NHƠN, ĐẲNG VÔ-LƯỢNG
CHỮ THIÊN ĐẠI-CHÚNG CU

(Và các trời Thích Đề-hoàn-nhơn, Thiên thần
nhiều đến vô-lượng đến cu-hội giữa đại-chúng)

SỞ : Chữ Cập là : Nối văn trước nói : Pháp-môn Tịnh-độ này chẳng những các bậc thánh dự hội ; mà tất cả chúng phạm-phu cũng đồng nghe nữa. Chữ Thích-Đề-Hoàn-Nhơn. Tầu dịch : Năng-Thiên-Chủ. Nói chữ Đẳng lại cũng nói Vô-lượng là vì nói chung hết tất cả các hàng Chư-Thiên vậy. Nói chữ Đại-chúng, là : Vì gồm hết tất cả các chúng-sanh vậy. Chữ Cu là : Chung kết luôn các vị Bồ-Tát cho đến các văn sau.

SAO : Văn trên nói chữ Tinh chư Bồ-tát là một đối đãi với nhau giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa. Văn đây nói chữ : Cặp chư-thiên đại-chúng là : Một đối-đãi với nhau giữa Thánh và Phàm, nghĩa là : Thánh, Phàm đồng nghe kinh này, chớ lầm rằng : Cõi Tịnh-độ là chỗ kẻ phàm-phu chẳng được nghe hay về ở !

Thích-Đề Hoàn-Nhơn là : Nếu nói cho đủ thì phải nói : Thích-Ca Đề-Bà Nhơn-Đề. Chữ Thích-Ca, Tàu dịch : Năng. Chữ Đề-Bà Nhơn-Đề, Tàu dịch : Thiên-Chủ, rõ có 5 tên, sợ nhiều không nói.

Nhắc lại : Thời kỳ Phật Ca-Điếp nhập-diệt, có một người Nữ phát-tâm làm tháp, lại có 32 người phụ giúp. Nay người Nữ đó được làm vua trên cõi Trời Đao-Lợi, thống nhiếp cả 4 phương 32 cõi trời. Lại trong kinh A-Hàm nói : Người Nữ đó khi còn làm người thật hành việc đốn-thí (hồ-thí triết-đề). Nay làm đặng ông chủ, cho nên nói là Thiên-Chủ.

Chữ Đẳng là : Luôn 32 trời bạn, nhần đến còn nhiều trời dân nữa vậy. Chữ Vô-lượng là : Nói thêm cho hết, thời gồm cả cõi trời Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới hết thấy các cõi trời.

Song, chữ Thiên là trời, mà tiếng trời có nhiều nghĩa : Trời là ngày, vì ngày rất dài ; Trời không buồn rầu, vì thường hưởng sự vui ; Trời là đèn sáng, vì chẳng có tối tăm.

Chữ Đại-chúng là : Trên chư-thiên, sắp xuống thì là Người và thần A-tu-la, chung hết tất cả chúng-sanh trong 6 đường vậy. Một thuyết nữa nói : Gồm văn trước, các hàng Bồ-tát và Thánh-Văn, đồng kêu là Đại-chúng.

Chung kết là : Văn trước nói : Cùng các chúng đại Tỳ-Kheo cu-hội. Văn đây chữ Cu là : Cũng nói cùng với các vị Bồ-tát, chư-thiên và đại-chúng đồng Cu-hội vậy.

Hoặc có người gạn hỏi : Chúng ở cõi trời Vô-Sắc, thời không tai, không thân, còn loài Nga-quì, Địa-ngục thời rất tối, rất khổ, đâu cho dự hội, mà nghe kinh này ? Song chúng-sanh ở cõi Trời Vô-Sắc là không sắc thân thô, chớ không phải là không sắc thân tế. Cho nên khi đức Phật, Ngài nhập Niết

Bàn, các người ở cõi trời Vô-Sắc, rơi nước mắt như mưa. Thời có thân đến, có tai nghe, cũng là vô-ngại. Đến như các nơi Địa-ngục, Nga-quỉ trừ những người nghiệp nặng, hoặc ngăn cách chẳng thông, còn như những kẻ nghiệp nhẹ, chưa chắc là mất phần.

Hưởng lại Hào-quang đức Phật soi vào đầu, dù là Địa-ngục hoặc Thiên-tử tức Diêm-la Vương cũng chứng đẳng pháp Đốn và Viên. Thế thì Phật thuyết kinh này, hào-quang chiếu khắp 10 phương, đầu biết loài Nga-quỉ, và Địa-ngục chẳng được nghe ư ? !

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh thấu trên, suốt dưới, là nghĩa La-hán, Bồ-tát chư-thiên, đại-chúng đồng cu-hội.

SAO : Pháp này là pháp bình-đẳng, không có phân-biệt cao thấp. Trên thời suốt đến chư Thánh, trên cũng được dự hội. Dưới thời suốt đến lục phàm, dưới cũng được dự hội. Bởi cả Pháp : Tứ-Đế, pháp Thập-nhị Nhơn-Duyên, pháp Tứ-Đẳng, pháp Lục-Độ, pháp Ngũ-Giới, pháp Thập-Thiện và Vạn-hạnh, nhần đến tám vạn bốn nghìn, các cửa trần lao lằng-xăng duy có một cái tâm này, vì ở trong tánh chơn-thật không sai không khác. Mặc dầu Long, Xà (rồng, rắn) hỗn tạp (lộn lạo), Phàm, Thánh giao tham (đua chen), nhưng ở trong đó, Phật pháp vẫn trụ-trì (như như) xưa sao nay vậy. (bình đẳng).

2.- CHÁNH-TÔN-PHẦN (phân ra làm 4 phần)

- A) *Tường trần y, chánh linh sanh tín nhạo : (Rõ bày g-báo, chánh-báo đều tốt sạch để cho chúng nảy lòng tin ưa).*
- B) *Chánh thị nguyện hạnh linh sanh tu chứng : (Chỉ ngay nguyện hạnh -a, khiến cho chúng biết đề mà tu chứng).*
- C) *Giao dẫn Phật ngôn linh đoan nghi hoặc : (Lăn nhau dẫn lời Phật nói, để cho chúng dứt lòng nghi lẫn).*
- D) *Hổ chương nan sự linh thiết cảm phát : (Lăn nhau rõ sự khó khăn để cho chúng nảy lòng cảm thiết).*

A.— TƯỜNG TRẦN Y CHÁNH LINH SANH TÍN NHẠO
(phân ra làm hai phần)

1.- ĐỐI-CƠ (đối với người đương cơ)

2.- THỊ-PHÁP (chỉ bảo y chánh)

1.- ĐỐI-CƠ :

Nhĩ thời Phật cáo Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất
(Bấy giờ Phật bảo Ngài Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất)

SỐ : Từ văn đây sắp xuống thuộc về phần chánh-tôn : Về trước là phần tự-dẫn, về sau là phần lưu-thông (truyền-bá). Duy có văn đây là chánh nghĩa sở-tôn trong một bộ kinh vậy.

Nhĩ thời là : Đương thời đủ sáu món thành-tự kia. Phật cáo là vì kinh này không ai phát-khởi (mở lời hỏi) Phật tự kêu ông Thân-Tử mà nói. Bởi vì kinh này cứu đời cần kíp, nên không đợi ai thỉnh.

SAO : Phạm nói chữ Nhĩ-thời, chắc trước có lời duyên khởi (mở đầu) cho nên nói đương thời vậy (6 món thành-tự) Phật tự thuyết là : Các kinh đều có Thông (chung). Biệt (riêng) hai bài tự : Thông, là bài tự Chứng-Tín. Biệt, là bài tự Phát-Khởi. Như : Kinh Pháp-Hoa thời tương Bạch-Hào của đức Phật phóng-quang là mở đầu giáo pháp nhứt thừa (nhứt thừa Thật tướng). Kinh Duy-Ma : Thì ngài Duy-Ma thị tật (giả bệnh) nơi thành Tỳ-Da là khai hiệu pháp-môn bất nhị. Còn kinh Viên-Giác, kinh Kim-Cang cho đến các kinh, phần nhiều nhưn có người hỏi trước, sau Phật mới vì đó mà diễn nói.

Nay kinh này không phải vậy ; cho nên nói : Không người phát khởi.

Cứu đời cần kíp là gì ? Chúng-sanh đời mạt pháp căn độn chương sáu, rất khó đặng hạng người tu theo 2 pháp giải-thoát và thiền-định ! Nên Phật dùng lòng đại-bi thương-xót thuyết ra một môn trì danh niệm Phật này, để cứu cấp chúng-sanh bằng cách chấm dứt đường sanh-tử vì đi tắt ngang ra khỏi 3 giới thế mà còn e không kịp, nên chẳng đợi ai thỉnh cầu.

Vì như có người, xảy mắc chứng bệnh quá ngặt, sanh mạng chỉ còn trong hơi hơi-hóp dù ta sẵn có phương thuốc hay đối chứng, mà còn y đó bảo-chế, thì e trễ nải ngay giờ, thuốc chưa làm xong, mạng đã chết trước.

Chi bằng, đã sẵn có thuốc làm rồi, đồ vô miệng là tức thì tỉnh sống ngay, nếu người có lòng nhơn, phải cho lập tức, đâu lẽ còn đợi người kia sắm lễ ăn-cần vậy sau mới là cho thuốc! ? Phật cứu chúng-sanh ý cũng như thế.

SỞ: Hỏi : Với các kinh khác thì không luận ; chỉ như Bồn-giáo hai kinh đều có người phát khởi ; sao riêng kinh này chẳng như thế có ? **Đáp :** Vì ý-chỉ càng thiết, cũng là có phát khởi bằng cách không phát khởi đó thôi.

SAO : Bồn-giáo hai kinh là : Kinh Thập-lục-Quán, và kinh Đại-bồn, đồng bộ với kinh này, cả hai đều chuyên nói về pháp tu Tịnh-độ, cho nên gọi là bồn-giáo.

Quán-Kinh : Thời do Bà Vi-Đề-Hi bị đui con ác-nghiệt (vua A-xà-Thế) làm hại, nên Bà chán cõi đời ngũ-trục, mà cầu sanh nước thanh-tịnh. Bà bạch đức Phật rằng : Con nguyện sanh về thế-giới thanh-tịnh, không muốn ở thế-giới ác-trục cõi Diêm-phù-đề này.

Đấy là do mẹ con vua A-xà-Thế làm người phát khởi.

Kinh Đại-Bồn nói : Một bữa nọ dung-nhan đức Thế-tôn khác thường, Thị-giả là ông A-Nan thấy vậy, Bạch hỏi : Từ khi con theo hầu Phật, chưa từng có lúc nào được thấy dung nhan Phật như ngày hôm nay. Phải chăng Phật nghĩ nhớ các đức Phật đời quá khứ, hay là chư Phật kiếp vị-lai, cho nên có sự khác thường như thế?!

Phật bảo : Quí quá thay A-Nan! Có các vị chư-thiên mượn đệ-tử đến hỏi hay đệ-tử tự hỏi như thế?

Này A-Nan! Câu hỏi của đệ-tử, đó nó có phước đức hơn gấp : trăm lần, nghìn lần, muôn lần đối với kẻ đã trải qua nhiều kiếp đem của bố-thí cho các thánh-nhơn như

Thịnh-Văn, Duyên-Giác, chư-thiên, nhơn-dân, nhần đến các loài bò bay máy cựa ở đây một châu trong 4 châu thiên hạ, cũng chẳng bì kịp câu hỏi của đệ-tử !

Sở dĩ vì sao ? Bởi Chư-thiên, nhơn-dân, cho đến loài bò bay máy cựa đều nhờ câu hỏi của đệ-tử mà được độ thoát.

Đây là do vì lấy dung-nhan vui vẻ của Như-lai, là nhơn-duyên phát khởi của kinh Đại-bồ.

Nay có người hỏi nạn rằng : Các kinh có người phát khởi, thời xin gát lại khoan luận. Chỉ như hai kinh này bồ-giáo Tịnh-độ (gốc dạy tu Tịnh-độ) đều có người phát khởi. Kinh đây (Di-Đà) cũng chẳng khác gì hai kinh kia, vì lẽ gì lại riêng không nói ? Cho nên lập lời đây để giải rõ : Nghĩa là Phật thuyết hai kinh, tuy cũng là một tâm đại-bi thiết-yếu, riêng dạy pháp vãng-sanh. Song mà pháp Quán tinh-vi, môn nguyện rộng lớn, như đã nói trong bài tự văn trước, chưa bằng kinh này, chỉ chuyên sự trì danh, liễn sanh nước kia, rất là cần yếu mà lại cần yếu cho nên ý Phật đối với đây cũng đã thiết yếu, mà lại càng thiết yếu, vì các chúng-sanh làm bạn bất thỉnh vạy.

Không phát mà phát là : Vì chúng-sanh hiện-tiền ưa đắm sanh-tử không cầu ra khỏi ; tự hay phát khởi lòng đại bi của Phật, nên Ngài mới thuyết kinh này không đợi ai thỉnh.

SỐ : Phật chỉ kêu một mình ông Xá-lợi-Phất để bảo là : Lệ như văn trước nói duy người có trí mới tin nổi kinh này. Lại bảo một mình ông tức là bảo tất cả chúng. Ngài Tịnh-Giác nói : Vì pháp hiệp bốn món Tất-đàn vậy.

SAO : Lệ như văn trước là : Tức là ý nghĩa bắt đầu nói ông Thân-tử. Do vì ông có trí-huệ thâm-thâm. Xét thấu các cơ tịnh và uế, dung-thông tột ngành sự và lý, mới hay tin thọ không nghi. Như trên hội Bát-Nhã, bắt đầu nói ông Tu-Bồ-Đề, do kinh Bát-Nhã luận lý chơn-không mà ông Tu-bồ-Đề là người hiểu lý chơn-không đệ nhất trong chúng.

Bảo tất cả là : Phật bảo một mình ông Thân-tử, tức là bảo tất cả hàng Thanh-văn, Bồ-tát, nhơn, thiên, đại-chúng hiện-tiền, và bảo tất cả các chúng-sanh đời vị-lai nữa...

Bốn món Tất-đàn là : 1.- Ông Thân-tử là đệ-tử hầu bên tả, các kinh phần nhiều đề ông ở trước hết là phép như thế. Đây là phép Tất-đàn Thế-giới. 2.- Ông Thân tử là bậc trí-huệ đệ nhứt, trong chúng đều tôn-ngưỡng, nếu ông tin Tịnh-độ, thời chúng cũng tin theo. Đây là phép Tất-đàn Vị-nhơn. 3.- Vì người không tin cõi Tịnh-độ, tự hồ mình không bằng ông, liền đổi bỏ tà chấp. Đây là phép Tất-đàn Đối trị. 4.- Vì khiến kẻ quen tập pháp Tiểu-thừa, bắt chước hướng tới Đại-thừa cầu sanh Tịnh-độ, cứu-cánh thành Phật. Đây là pháp Tất-đàn đệ-nhứt nghĩa.

SỞ : Lại chẳng những Trí là năng Tín, mà được thành tựu quả Phật, cũng đều do Trí.

SAO : Kinh Hoa-nghiêm, quyền thứ 22 nói : Tất cả các đức Phật Trang-nghiêm thanh-tịnh, đâu chẳng phải tất cả đều do Trí. Thế thì biết đức Phật A-Di-Đà cũng do Trí này, thành tựu công đức Tịnh-độ, mà các chúng-sanh tu phép Tịnh-độ ấy, do Trí mà sanh Tín, thời Tín mới là chánh Tín, do Trí mà phát nguyện, thời nguyện mới được rộng lớn, do Trí mà khởi hạnh, thời hạnh mới mẫu-nhiệm, cho đến thành Phật, thường phải do đấy.

Bởi Trí nó là cái lý mẫu đề suốt hơn thần quả, thành thì thành chung nữa, chứ chẳng những chỉ làm môn tín giải mà thôi.

SỞ : Xứng lý, thời tự-tánh nó có trí tự nhiên, là nghĩa Phật tự kêu ông Xá-lợi-Phất đề bảo pháp tri-danh.

SAO : Không hơn mà chiếu, không nghĩ mà biết, tánh mẫu sẵn sàng chẳng tự đâu màặng. Thế cho nên tiếng kiên-chùy chưa động, không ai thưa thỉnh, mà Phật thoát nhiên tự nói, nói mãi không gián đoạn.



2- THỊ PHÁP (phân ra làm hai phần)

a) TÔNG-TIÊU (nêu chung)

b) BIỆT-THÍCH (giải riêng)

a) TÔNG-TIÊU (phân ra làm hai phần)

1) Tiêu-độ hiền y (nêu cội đề rõ y-báo)

2) Tiêu-chủ hiền chánh (nêu chủ đề rõ chánh báo)

1. - TIÊU-ĐỘ HIỀN-Y

Từ đây qua phương Tây mười muôn ức cõi Phật, có một thế-giới tên là Cực-lạc.

SỞ : Độ là cảnh sở-y, gọi là y-báo. Phật là người năng-y, gọi là chánh báo. Bây giờ trước nói cảnh sở-y (cảnh nương-tựa).

Chữ Thị là đây, là chỉ cõi này mà nói; nghĩa là: Từ thế-giới Ta-Bà đây cứ nhắm hướng Tây đi tới, gọi là qua.

Cõi Phật là: Một thế-giới đại Thiên gọi là một cõi Phật, qua cõi Phật như vậy, tới mười muôn ức; nghĩa là: Cách phương này xa lại càng xa càng xa chẳng phải như cái cõi cách mười muôn tám nghìn dặm (10.800) nói trong kinh Pháp-Bửu-Đàn vậy.

Nếu cứ sự cứ lý, cũng chưa lấy làm xa. Chữ Thế là Đồi. Chữ Giới là Xứ, Cực-Lạc tiếng Phạm (Sumati) Tu-ma-Đề, Tàu dịch: An-Lạc cũng dịch An-drông, cũng dịch: Thánh-Thái, cũng dịch: Diệu-Ý; tên tuy có khác một chút, chớ cũng là một nghĩa Cực-Lạc.

Song cõi có nhiều nghĩa: Với trong 4 cõi, ở đây nó cõi Cực-Lạc là cõi Đồng-Cur; mà cũng luôn ba cõi trước. Lại với cõi Thọ-Dụng, cõi Pháp-Tánh, và cõi Biến-Hóa, cả ba cõi đồng ý đây.

Lại: Mười cõi, cũng đồng ý đây. Lại Phật dù không cõi, nhưng vì hóa-độ chúng-sanh tại đâu nói cõi cũng chẳng ngại gì.

SAO : Y-báo là : Thân nương cỗi để ở, cho nên kêu cảnh giới là sở y, tùy theo nghiệp mình gây tạo cảnh sở y (cảnh ở) có tốt và xấu cho nên kêu là báo ; Câu : Từ cỗi Ta-đây là : Cỗi Ta-Bà và Cực-Lạc cũng ở trong cỗi Hoa-Tạng, hai cỗi trông nhau như ngang hàng.

Nay nói chữ « Quá » là : Qua, là từ cỗi đây nhằm hướng Tây mà đi ngang suốt qua. Một cỗi đại-thiên : Cỗi tam thiên đại thiên thế-giới vậy ; trong bài Lục-phương ở sau có nói.

Mười muôn ức là : Con đường từ đây qua Tây-phương, lấy số ức tính đó sẽ có 10 muôn : Nghĩa là : Qua một cỗi Phật, mười cỗi Phật, nhần đến một ức cỗi Phật.

Lại từ một ức cỗi Phật, mười ức cỗi Phật, nhần đến mười muôn ức cỗi Phật, cho nên nói xa đó lại càng xa vậy. Song, số ức có 4 thứ : Mười muôn, trăm muôn, nghìn muôn và muôn muôn, cũng đều dặng kêu là số ức, nay chưa được biết chỉ về số ức nào vậy.

Trong Đàn-Kinh nói : Mười muôn tám nghìn dặm là lăm chỉ cỗi Tây-vực là Ấn-Độ đây vậy : cũng trong bài lục-phương sau có giải rõ.

Câu nói xa cũng chưa lấy làm xa, đủ có hai nghĩa : 1.- Cứ theo sự, kinh Pháp-Hoa nói : Thế-giới phương Đông rất nhiều, lấy đất nghiền thành bụi, mỗi hột bụi, kể một thế-giới, thời mười muôn ức cỗi, cũng chỉ là phần rất ít vậy thôi.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : Một thứ thế-giới, vậy là ngoài cỗi Ta-Bà còn có 13 số sát trần thế-giới để vây giáp vòng. Nay cỗi Cực-Lạc chỉ qua mười muôn ức cỗi đâu đủ làm xa.

2.- Cứ theo lý, thời câu nói « mười muôn ức » ấy, đối với tâm lượng sanh tử của phàm phu mà nói vậy thôi. Nếu Tịnh-nghiệp thành, khi lâm chung, tâm ở trong định, tức cái tâm ấy thọ sanh cỗi Tịnh-Độ, như câu : « Phân minh tại mục tiền ». (Tịnh-Độ rõ ràng ở trước mắt) là vậy, cũng nào từng xa ?

Chữ Thời là : Đời quá khứ, hiện tại, và vị-lai. Chữ Xứ là : Bốn góc và trên dưới... Riêng một mình chữ thời, riêng

một mình chữ xứ, thời nghĩa thế-giới chẳng thành, thời và xứ hiệp, mới kêu là thế-giới.

Chữ Cực-Lạc dịch có nhiều tên, mà nói chữ Cực, là nói rõ cái nghĩa vui tốt bậc, chẳng phải tất cả những cái vui cõi Nhơn-thiên bì kịp ; cho nên riêng nêu chữ Cực vậy.

Bốn cõi là : 1.- Cõi Thường-Tịch-Quang. Kinh nói : Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, Pháp thân Ngài khắp tất cả xứ, chỗ ở của Ngài, gọi là cõi Thường-Tịch-Quang. Đây là chỗ người chứng quả tốt bậc ở.

2.- Cõi Thiệt-Bảo Trang-Nghiêm. Vì do tu pháp chơn thật, cảm đặng phước báo tốt đẹp, bầy báu trang-nghiêm, đủ năm món trần tịnh-diệu, cũng nói là cảnh vô-chương ngại ; do tâm tức cảnh (sắc), cảnh tức tâm, vì tâm cảnh không hai, nên lỗ chơn lông và cõi Phật dung chứa lẫn. Đây là cõi của bậc Pháp thân đại-sĩ ở.

3.- Cõi Phương-tiện Hữu-Dư mới dứt 4 cái trụ hoặc thuộc về đường phương tiện, chưa hết vô-minh, nên gọi là hữu dư. Đây là cõi của bậc Thánh-nhơn Tam-thừa ở.

4.- Cõi Phàm, Thánh Đồng-Cur : Đây là cõi chung của tứ-thánh, và lục phàm ở lẫn lộn nhau mà phàm không thấy thánh !

Bốn cõi tuy hơn thua chẳng đồng, nhưng cũng có phân riêng cõi tịnh và cõi uế. Nay nước Cực-Lạc đã nói rằng có Bồ-Tát, Thánh-Văn, Chư-Thiên và nhơn-dân, thì cùng với Ta-Bà đều gọi là cõi Đồng-Cur.

Nhưng mà ở cõi này thì đất đá gai chông, bốn thú lằng-xăng, nước kia thời bát-đức, thất-trần, chúng nhơn-thiên rõ rõ, đây cũng là cõi Đồng-Cur mà thanh-tịnh vậy.

Cũng luôn ba cõi trước là : Tùy theo căn-cơ mỗi người có khác nên chỗ cảm thấy cũng lạ nhau. Như : Có người ở cõi Đồng-Cur, mà thấy cõi Thiệt-Bảo, có người ở cõi Đồng-Cur mà thấy cõi Tịch-Quang, có người ở cõi Đồng-Cur mà thấy cõi Phương-Tiện, có người ở cõi Đồng-Cur mà chỉ thấy cõi của Minh (Đồng-Cur).

Như kinh Pháp-Hoa, đức Phật nói : Ta vẫn an ổn ở cõi này (Đồng-cư) chúng nhơn thiên thường đông đủ. Kinh Tượng-Pháp Quyết-nghị, Phật dạy : Trong pháp hội bữa nay, số chúng đông không xiết kể. Hoặc người thấy cõi này bằng núi, rừng, đất, cát, sỏi, sạn ; hoặc có người thấy bằng cõi Thất-bảo, hoặc có người thấy bằng Phật đi kinh hành ; hoặc có người thấy bằng cảnh giới Bát-tư-Nghị của chư Phật. Đây là đều theo căn-cơ cao thấp của mỗi người mà cảm thấy có khác vậy thôi (gọi bằng kể có nhơn thấy ra nhơn, người có trí thấy ra trí...) (dụ như xem sách, mắt tỏ thấy chữ to, mắt mờ thấy chữ nhỏ).

Ba cõi đồng như trước là : 1.- Cõi Pháp-tánh ; tức là cõi Thường-tịch-Quang ; 2.- Cõi Thọ-dụng ; tức đồng cõi Thiệt-báo, nhưng có phân : Tự-thọ-Dụng ; và Tha-thọ-Dụng ; 3.- Cõi Biến-hóa ; đồng với cõi thứ ba thứ tư trước, tức cõi Phương-tiện và cõi Đồng-cư.

Thế thời cõi Cực-lạc đây tuy đang ở cõi Biến-hóa nhưng cũng có thể ở vào cõi Thọ-dụng và cõi Pháp-tánh được vậy.

Mười cõi là : Ngài Táo-Bá phân 10 thứ Quyền và Thiệt. Tuy thiệt cõi Cực-lạc là quyền chứ chẳng phải thiệt. Song đây là cứ quyền đối đãi phân-biệt mà nói vậy thôi.

Nếu luận theo lối tùy cơ, thời quyền thiệt không như định ; sở dĩ vì sao ? Ngài Táo-Bá đã nói : Cõi Phật Di-Đà vì một phần kẻ phàm-phu chấp tướng, chưa tin nổi lý thật-tướng của pháp chơn-không do đấy chuyên tâm nhớ niệm, được phần tịnh kia, thời được sanh về cõi Tịnh-độ, ấy là quyền chứ chẳng phải thiệt.

Thế thì biết, đây là tại người chấp tướng mà nói, chứ chẳng phải tại người đã nhập lý như tâm. Nếu đăng lý như tâm, thời tức, quyền tức thiệt, nên nói không như định.

Lại với bốn cõi nói trên, cũng là lẽ dĩ nhiên có đủ, chứ chẳng nên chỉ chấp cõi Thường-Tịch-Quang ; vì nếu chứng được cõi Tịch-quang, thời đối với ba cõi dưới cũng phải tùy tâm nương gá, chứ chẳng nên bác bỏ mà cho rằng không.

Người mà chưa chứng đăng cõi Tịch quang, vội bác bỏ mà cho rằng không có ba cõi dưới, thời không còn cõi để ở

(cảnh nương ở) là lầm lẫn vậy. Cho nên kinh Lăng-nghiêm. Phật rất quở kẻ không tin phương kia (Tây-phương) có thế-giới kim sắc (nếu ai chưa phá được cái tướng ngũ ấm).

« Phật không có cõi » là : Trong bộ : Thập-tứ Khoa Tịnh-độ, lời sao nói : Bực Bát-đại Bồ-tát sắp lên mới là khỏi hẳn cái khổ lụy của sắc trần, chiếu bản thể độc-lập, phép mẫu khôn cùng, còn dùng cõi làm chi nữa. Huống hồ chư Phật ! Phật thiết không cõi, nhưng mà nói có cũng được, là vì do chúng-sanh chỗ hiểu biết ít, mà chỗ lầm thì nhiều, cho nên lấy cõi phước lạc để dẫn dắt nó, khiến cho làm lành. Số là vị Thánh-nhân dùng tích gần đặng tiếp vật đẩy thối. Cho nên nói có cũng chẳng ngại gì.

SỐ : Riêng chỉ Tây-phương, là vì định cảnh xu-hướng. Tây-phương riêng chỉ nước Cực-lạc là : Như bài : Vô-khở Hữu-lạc san, và trong kinh Vãng-sanh có nói.

SAO : E có người nạn hỏi : Thế-giới trong mười phương, đều có cõi Tịnh-độ có sao cứ riêng có cảnh Tây-phương bảo người cầu sanh về nước kia ? Bởi cũng như đường lớn có nhiều ngã rẽ, nên mất đề ; bản do chuyên chú mới trúng chim học (27). Không dụng hai tâm, công làm chẳng bề bộn. Bộ Thượng-đồ-Nghi nói : Qui mạng về ngôi Tam-bảo, cốt phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm lấy một cảnh, chừa phạm phu phải buộc tâm như thế còn e chưa được, huống nữa bỏ tướng mà được hay sao ?

Nếu luận đi cùng-dường chư Phật khắp trong 10 phương, rồi trở về nước còn trong bữa ăn sớm, thì việc đó là việc sau khi sanh về Tây-phương Tịnh-độ rồi. Chỗ gọi rằng : Mới thấy trứng, mà muốn được con gà liền, tính chi sớm thế ?

Lại hỏi : Thế thì kinh Hoa-nghiêm sao lại dạy phải phò lễ nhiều đức Như-lai mới được ? — Đáp kinh Hoa-nghiêm nói : Một tức là nhiều, nhiều tức là một, nếu biết nghĩa đây. Hoặc phò-lễ (nhiều đức Như-lai) hoặc thiên lễ (lấy một đức Như-lai). Vẫn khác vẫn đồng không đủ nghi vậy.

Vô-khổ Hữu-lạc : Rõ thấy trong văn sau. Lại kinh : Tùy-nguyên vãng-sanh nói : Biết bao cõi nước Phật, thế sao cứ riêng câu về nước Cực-lạc ? — Đáp : 1.- Do nhơn tốt vì mười niệm làm nhơn tức đặng vãng-sanh vậy. 2.- Do duyên tốt vì 48 lời nguyện Phổ-độ chúng-sanh vậy.

SỐ : Hỏi : Quán-kinh nói : Nước Cực-lạc cách đây chẳng xa. Kinh Di-Đà đây nói : Mười muôn ức cõi. Thế thì hai kinh nói chỗ gần xa vì sao chẳng đồng vậy ?

Đáp : Bởi vì là : Gần mà tức xa, xa mà tức gần. Nếu y theo Luận Phật-địa, thời cõi Tịnh-độ xa hay gần gì cũng đều bất-khả tư-nghì.

SAO : Cách đây chẳng xa là : Trong Quán-kinh nói : Bấy giờ đức Phật Thích-Ca, bảo bà Vi-đề-Hy rằng : « Hoàng-hậu nay có biết chẳng ? Nước Phật A-Di-Đà cách đây chẳng xa ». Kinh đây nói tức xa, tức gần. Bởi do cách đây chẳng xa, là nói đối với nước Cực-lạc, chỉ qua 10 muôn ức cõi, nên cách đây chẳng xa vậy.

Qua mười muôn ức là nói đối với nước Cực-lạc cách đây chẳng xa vì chỉ qua mười muôn ức cõi. Tâm bao trùm cả pháp-giới, thì cái gần nào mà chẳng phải là xa ? Mười phương pháp giới chỉ trong một Tâm duy nhứt, thì cái xa nào mà chẳng phải là gần, lẫn nhau để nói, vốn không ngại gì.

Câu « Bất khả tư-nghì » là : Luận Phật-địa nêu câu hỏi :

Cõi Tịnh-độ vượt qua chỗ đi của Tam-giới như thế, là nó cũng đồng một xứ sở với tam-giới, hay là tam-giới với nó đều riêng khác ư ?

Đáp : Có thuyết nói : Ở cõi trời Tịnh-cư. Có thuyết nói : Ở cõi Tây-phương v.v... Song giáp vòng tròn của nó cũng không biết bao cùng tốt. Vì khắp cả mười phương pháp giới, không thể nói rằng : Ở ngoài ba cõi, hay ở trong ba cõi, cứ tùy theo chỗ hợp của ông Bồ-tát mà hiện (Tịnh-độ) hoặc hiện ở cõi Tịnh-cư, hoặc ở Tây-phương v.v...

Thời biết nước Cực-lạc Tịnh-độ, vượt khỏi thường tình ; không phương sở nào chẳng phải là phương sở, không ở đâu

mà không đầu chẳng ở, không nên chấp cho như cội Đồng-Cur mà làm chỗ luận nhưt định.

SỞ : Xưng lý, thời tự tánh kiên cố thanh-tịnh, là nghĩa Tây-phương. Tự tánh không chương, hết lỗi, là nghĩa qua mười muôn ; tự tánh ngang trùm dọc suốt là nghĩa thế-giới.

SAO : Kiên cố là : Vì phương Tây thể thuộc kim, có nghĩa kiên-cố, tức tự-tánh chơn thường bất dịch (chẳng đổi) vì muôn đời như-như vậy. Thanh-tịnh là : Lại có hai nghĩa : Vì phương tây đương không khi nghiêm-tịnh, có nghĩa trừng thanh (lóng trong). Tức tự-tánh các vọng vốn không. Vì thể nó lộ ra gió Tây. Vì phương Tây đương sắc bạch, có nghĩa trong sạch, tức tự-tánh các nhiễm không sanh, xưa nay một sắc.

Không chương hết lỗi là : Tự-tánh vốn không phiền-não, như thập khổ, thập ác, thập triền và thập sử v.v... đều vượt khỏi cả ; nên có cái nghĩa quá xa ; thế thì biết kiên-cố thanh-tịnh là phương Tây mới là tốt hết phương Tây, không phải cứ nêu chỗ mặt trời lặn xa ngút mới gọi là qua, còn đầu đầu chẳng phải là không qua vậy, ai có thể tính kể số đường dặm, vì là ngang suốt 10 phương, dọc tốt ba đời, chẳng phải gần chẳng phải xa, chẳng phải giữa, chẳng phải bìa !

Thế thời, từ đây qua cội Phật số vi-trần, bất khả thuyết, bất khả thuyết, không thế-giới nào mà chẳng phải cội Cực-Lạc, đầu lại chỉ có một thế-giới mới gọi là Cực-lạc ru ?

2.- TIÊU CHỦ HIỆN CHÁNH

Cõi kia có Phật hiệu A-Di-Đà,
hiện nay đang thuyết pháp

SỞ : Nghĩa chữ kỳ : Kia, là chỉ văn trên : Có cõi ắt có người, chỉ Phật là người năng y, Phật ; ắt có hiệu ; đề chỉ ra hiệu (tên) của đức Phật đó là A-Di-Đà. Ba đời đều có Phật lạ khác ông Phật quá-khứ và vị-lai, nên nói là ông Phật hiện-tại. Mỗi vị Phật nào cũng đều độ sanh ; chỉ pháp độ sanh là thuyết-pháp.

Hiện-tại thuyết-pháp : Như kinh Đại-bồ-n và trong kinh Đại-vân đã nói.

SAO : Kinh Đại-Bồ-n nói : Ông Phật kia, chẳng phải ông Phật quá-khứ, chẳng phải ông Phật hiện-tại và cũng chẳng phải ông Phật vị-lai. Bởi do Ngài đáp lại cái chí nguyện của Ngài, nên hiện ở Tây-phương thời, thế-giới Ngài tên là Cực-Lạc, hiệu ngài là A-Di-Đà.

Chữ Đại-Vân là kinh Đại-phương-Đẳng. Đại-Vân nói : Bấy giờ đức Thế-Tôn Thích-Ca hơn hở mỉm cười, từ trên gương mặt của Ngài, phóng vô-lượng hào-quang. Ngài Đại-Vân-Mật-Tạng Bồ-tát hỏi duyên cớ.

Phật dạy : Thế-giới bên Tây-phương, có nước tên là An-lạc, ông Phật hiệu là Vô-lượng-Thọ, hiện tại thuyết-pháp, và bảo một vị Bồ-tát rằng : Bên thế-giới Ta-bà có Phật Thích-Ca Mâu-Ni, hiện nay đang thuyết-pháp về kinh Đại-Vân, người nên qua đó mà nghe. Nay vị Bồ-tát đó, sắp qua đến đây.

Thế thì chính đương khi bên này đức Thích-Ca thuyết-pháp, thì bên kia Phật A-Di-Đà cũng đương thuyết-pháp, cho nên biết chẳng phải quá-khứ, chẳng phải vị-lai mà là hiện tại thuyết-pháp.

SỞ : Phàm nói hiện tại, cũng có hai nghĩa như : Đức Thích-Ca, đức Di-Đà đều gọi là hiện tại, nhưng có một chút chẳng đồng.

SAO : Một chút chẳng đồng là : Đức Thích-Ca là vị Phật thứ tư trong hiền-kiếp (kiếp hiện-tại) nên kêu là ông Phật hiện tại, nhưng đã Thị-tịch nơi chốn Song-lâm khó thấy tương-hảo, chỉ nghe danh tốt, và còn để lại ba tạng kinh giáo và ảnh-tượng Ngài mà thôi !

Còn đức Phật A-Di-Đà thời trong ngày này giờ này, chính ở nước kia hiện đang thuyết-pháp. Thế thì đức Thích-Ca hiện tại mà đã quá-khứ. Di-Đà hiện tại vẫn hiện tại vậy.

Người xưa nói : Khi Phật còn tại thế, ta bị trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt-độ mất rồi. Ôi buồn cho tấm thân nhiều nghiệp-chướng không thấy được Kim-thân của đức Như-Lai, cảm mộ thương than đến nỗi thế này !

Nay đức Thích-Ca tuy diệt-độ, nhưng đức Di-Đà đang còn, miễn sao vắng-sanh liền đặng gần-gũi, thế mà không tin, không nguyện lưỡng ưỡng thương than cũng là vô-ích, thật rất lắm.

SỞ : Lại với hiện tại đây là cứ theo đương thời đức Thích-Ca còn ở đời mà nói, chứ thiệt ra thời suốt đến đời trước đời sau, cũng còn đời sau và đời sau vô-tận đều kêu đời hiện-tại.

SAO : Đời trước đời sau là : Đức Thích-Ca trước khi chưa ra đời, đức Di-Đà cũng hiện tại thuyết-pháp. Đức Thích-Ca đã diệt-độ mất rồi, đức Di-Đà cũng hiện tại thuyết-pháp, nhân đến ngày nay cũng vẫn còn hiện tại.

Đời sau đời sau vô-tận là : Do đức Phật Thích-Ca thuyết pháp, chỉ ở trong 49 năm từ đức Ca-Điếp sắp về trước, đến Phật Di-Lặc về sau đầu số năm nhiều đi nữa, cũng có hạng lượng, chưa bằng đức Di-Đà thuyết-pháp rất là lâu xa, chư Phật chẳng bằng, thế cho nên chẳng những trong thi giờ này, còn gọi hiện tại, mà đời sau đời sau đến vô-tận đời sau cũng vẫn còn kêu là hiện tại thuyết-pháp.

Hỏi : Sau khi đức Di-Đà, kế bỏ xứ Quán-Âm, đâu đặng nói đức Di-Đà vô-tận ? **Đáp :** Đức Di-Đà tru thế mấy kiếp ? Mới bỏ đức Quán-Âm có tăng biết số chẳng ? Kia, đức Quán-Âm còn nói : trụ vô-ương số kiếp vô-ương số kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế Kiếp, mới trao lại cho đức Thế-Chí, (28) thời với đức Di-Đà ở lâu đời khá biết ; đâu chẳng phải cũng hữu-tận bằng vô-tận đó ư ? Huống đức Thế-Chí mà bỏ cho đức Quán-Âm, hẳng không thời kỳ bát-nê-hoàn (vào Niết-bàn). Tuy nói rằng : Đức Thế-Chí nhưng thiệt ra thì cũng như đức Di-Đà thuyết-pháp không khác vậy. Đây gọi là đời sau và đời sau vô-tận ; thế nào mà chẳng được ?

SỞ : Lại, hiện tại đây, là cứ nơi đức Thích-Ca đối với đức Di-Đà mà nói, chứ thiệt thời hiện tại của đức Di-Đà tức là hiện tại của đức Thích-Ca.

SAO : Ngài Tri-Giác nói : Trong kinh Giáo-Tổng-Tri nói : 37 vị Phật. Đều là một bản-thân Phật Tỳ-Lô Giá-Na hiện ra. Nghĩa là : Trong tâm đức Phật Giá-Na chứng cỗi Tự-thọ-dung.

thành ra năm trí. Trước dùng trí : Pháp giới thanh-tịnh tự ở giữa trung-ương, kể dùng bốn trí tỏa ra bốn phương thành bốn đức Như-Lai, và trí Diệu-quan-sát kia tỏa ra phương Tây, thành ông Phật Vô-lượng-Thọ ở thế-giới Cực-Lạc thời một vị Phật mà hiện ra hai cõi, cho nên Ngài Thanh-Lương nói : tức đức Bồn-sur vậy.

SỞ : Song chư Phật thuyết-pháp nhiều cách chẳng đồng. Nay đây y-báo chánh-báo đều thuyết, rõ như kinh này và kinh Đại-bồn cùng trong Quán-kinh đã nói.

SAO : Nhiều cách chẳng đồng là : Như thuyết-pháp bằng : Tiếng nói, bằng mắt xem, nhắm đến bằng cơm thơm v.v... cho nên thế-giới Cực-Lạc chẳng những thuyết-pháp bằng lời nói của Phật, mà y, chánh cũng đều thuyết-pháp, như kinh Đại-bồn nói : đức Phật A-Di-Đà vì các hàng Bồ-tát, Thanh-văn, Chư-thiên, Thế-nhơn rộng nói đại-giáo (đại-thừa) diễn đủ pháp-mẫu, ai nghe chẳng mừng rỡ vui thích, tâm được tỏ ngộ, mỗi người đều có chỗ sở-đắc.

Lại nói, phương Đông có hằng-hà sa-số chư Phật, đều khiến vô-lượng Bồ-tát, Thanh-văn, đi đến chỗ đức Phật A-Di-Đà, nghe thuyết diệu-pháp. Bốn góc trên dưới, chư Phật cũng sai Bồ-Tát đi nghe thuyết diệu-pháp. Như thế đây là : Chánh-báo thuyết-pháp.

Kinh đây chép nước, chim, cây, rừng diễn ra diệu pháp, cùng kinh Đại-bồn và Quán-kinh, như trong bài văn sau dẫn rõ ; đây là : Y-báo thuyết-pháp.

Lại kinh Đại-Bồn nói : Hoa sen ở nước kia, phóng ra vô lượng hào-quang, trong hào-quang, phóng ra vô-lượng đức Phật, mỗi mỗi chư Phật, đến thuyết diệu-pháp. Đây là Y, Chánh đồng thời thuyết vậy.

SỞ : Có chỗ nói thuyết pháp là ứng-thân và báo-thân. Lại có chỗ khác nói : Ba thân đồng thuyết, tùy cơ mỗi người thấy chẳng đồng.

SAO : Ứng thân Phật thuyết là : Có chỗ nói : Pháp-thân Phật một mực không thuyết. Báo thân Phật đủ thuyết mà không thuyết, còn ứng-thân Phật như định thuyết ; thế thời

sự thuyết pháp của đức Phật kia, chính là ứng-thân. Song cũng gồm báo-thân nữa ; như kinh Đại-bồ-ni nói : Thân Phật cao hơn tất cả thân của người thế-gian. Quán-kinh nói : Thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na-do-hàng-sa do-tuần. Thế thời đầu phải như định là thân một trượng sáu thước !

Song trong kinh nói : Báo-thân và Hóa-thân đều chẳng phải là Phật hiện thật, cũng chẳng có thuyết pháp, thì đầu dựng như định rằng Pháp-thân không thuyết, đó là tùy cơ mỗi người ngộ thấy, chỗ thấy chẳng đồng thời (chớ kỳ thật ba thân đồng thuyết).

SỞ : Rất đáng tiếc thay muôn dặm trăm thành, vì cầu ông Tri-Thức, trèo non vượt bể, mới nói rằng lẽ chốn Đạo-Tràng há nên với Phật Vạn đức Như-Lai, hiện tại thuyết pháp, làm ngơ chẳng đoái hoài, đành đọa chốn Đông-thành ! Thế thời gọi là đáng thương xót lắm !

SAO : Vạn lý (muôn dặm) là : Ông thầy hỏi ngài Đại-Tùy : Chừng kiếp hỏa tai nổi dậy, đốt cháy, chưa biết cái ấy (thức tâm) hoại hay là không hoại ? Đại-Tùy đáp : Hoại.

Ông thầy hỏi : Như thế thì nó đi theo kiếp hoại sao ? Đáp : Đi theo. Ông thầy hồ nghi mãi, không giải quyết, phải qua lại muôn dặm, khắp cầu ông Tri-Thức cất nghĩa, mới dựng đại ngộ.

Trăm thành là : Ngài Thiện-Tài trải qua phương Nam một trăm một cái thành tham cầu 53 ông Thiện-tri-thức.

Dẫn lời đây, đề so sánh đức Phật A-Di-Đà là ông Tri-Thức tối cao vậy. Trèo non vượt bể là : Non Nga-My và non Phồ-Đã v.v...

Dẫn lời đây, đề so sánh thế-giới Cực-Lạc Tây-phương là, chốn Đạo-Tràng tối thắng. Song người xưa lặn suối, trèo non ; ấy là vì muốn gần gũi bậc hiền thánh.

Ngày nay giống ruồi Đông Tây chỉ là xa xem ảnh tượng mà lại trải đủ con đường hiểm trở gian truân, chẳng nài sự lao khổ ! Đầu dựng với đức Từ-Tôn hiện tại, bỏ qua không đến, khác nào bà Lão-Mẫu ở Đông-thành đồng sanh một ngày giờ với đức Phật, mà không thấy chơn dung của Ngài. Há chẳng phải đồng bạn đó chớ chi ?

Vời ông Phật quá khứ và vị-lai thế tất khó gặp, còn ông Phật hiện tại cũng bỏ qua, cho nên nói đáng thương xót.

SỞ : Xứng lý, thời sự tánh thể vẫn linh-tri, là nghĩa cõi kia có Phật. Tự-tánh chính nay vẫn hiện-hiện, là nghĩa hiện tại thuyết pháp.

SAO : Mãn buổi hầu bên Phật, mà chẳng thấy kim-dung Ngài, trọn ngày ngồi trong pháp hội, mà chẳng nghe được đạo màu, thành thử đề Ma-vương lộn vào cõi Phật ; Tà pháp chen với lý chơn-tòn ! Nếu hay quày rõ nguồn tâm Phật Pháp đồng thời đều đủ !

b) BIỆT-THÍCH (phân ra làm hai phần)

1.-Y-BÁO (cõi y báo)

2.-CHÁNH-BÁO (thân chính báo)

Y-BÁO (phân ra làm hai phần)

1.- Tổng danh Cực-Lạc (chung gọi nước Cực-Lạc)

2.- Biệt thị trang nghiêm (riêng chỉ vật tốt-đẹp)

TỔNG DANH CỰC-LẠC

Này Xá-Lợi-Phất ! Vì sao nước kia gọi là Cực-Lạc ? Bởi chúng-sanh nước kia chỉ hưởng những điều vui, không có các việc khổ, nên gọi là Cực-Lạc.

SỞ : Trước giải y-báo là : Vì thuận theo văn trên, cũng vì khiến cho chúng-sanh, sanh tâm ưa vui.

Khô : Là nghĩa ép ngặt khốn hại. Khô là một món đầu trong bốn món Tứ-Đế. Các khô là : Trong các kinh, luận phân ra có : 3 khô, 8 khô, 10 khô, 110 khô.

Lại so giữa hai món sanh tử : Phân-đoạn và Biến-dịch, thì Biến-dịch sanh tử cũng lo khô rồi ; huống chỉ các cái khô khác nữa : Do sự khô chẳng phải một, cho nên nói các khô vậy.

Các vui là : Như trong kinh kê hai món thanh-tịnh trang-nghiêm cũng do sự vui chẳng phải một, cho nên nói rằng các vui vậy.

Nước Cực-Lạc là : Do các nước khổ vui có bốn món : Có nước khổ nhiều vui ít, có nước vui khổ bằng nhau ; có nước khổ ít vui nhiều, có nước không khổ, toàn vui. Nay nước Cực-Lạc nhằm nước thứ tư (không khổ toàn vui).

SAO : Tứ-Đế là : Khổ, tập, diệt, đạo, mà khổ thì ở trước hết. Vì biết khổ mới Đoạn Tập và tu Đạo mới chứng Diệt (tịch diệt Niết-Bàn). Ba khổ là :

1.- Khổ-khổ. Nghĩa là : mang thân hữu lậu này đã là khổ rồi, mà lại chịu các khổ ép bức của hoàn-cảnh nữa, cho nên nói khổ mà lại thêm khổ vậy. Đây là cái khổ cõi Dục-giới.

2.- Hoại-khổ : Nghĩa là : Đang khi vui đã hoại rồi, thời không xiết bao sự lo buồn vậy. Đây là cái khổ cõi Sắc-giới.

3.- Hành-khổ : Cái khổ này nó ở giữa chừng, tức là bất khổ bất lạc, vì mỗi niệm mỗi dời đổi trong bánh vi. Đây là cái khổ cõi Vô-sắc-giới.

Lại cõi Dục-giới đủ cả ba món khổ ấy, cõi Sắc-giới gồm hai món khổ sau. Còn cõi Vô-sắc-giới chỉ có món Hành-khổ, là ba khổ vậy. Mà người ở nước Cực-Lạc kia là người đã ly dục, được thanh-tịnh ; thời không có cái khổ-khổ, y báo, chánh báo vẫn thường còn và vui, thời không có cái hoại-khổ. Vượt khỏi ngoài ba cõi, thời không có cái Hành-khổ.

Tám khổ là : Khi sanh thời ở trong ngục thai của mẹ ; Khi già bị cái điều lóng công ; Khi bệnh chịu các sự dớn dầy ; Khi chết lại thảm buồn phân tử ; Khi thương muốn hội-hiệp, mà hoàn cảnh bắt phải chia lìa ; Khi oán ghét ý muốn lánh xa, mà bắt phải gặp gỡ ; Khi cầu một vật gì ưa thích muốn cho được, mà lại phải thất bại ; Cho đến cái thân này cả ngũ-ấm nó lấy lừng gồm hiệp với bảy khổ trên, thành ra 8 khổ vậy.

Nhưng nước Cực-Lạc kia, khi sanh là bằng liên hoa hóa sanh thời không có cái khổ bằng thai sanh như cõi này ; khí hậu không mưa lạnh lắm, không nắng nực lắm, thời không có cái khổ già nua lóng công. Thân là không phải cái thân bằng phân-đoạn sanh-tử, thời không có cái khổ bịnh đau dớn ; mạng sống lâu bằng số vô-lượng, thời không có cái khổ về chết mất ;

Không cha, mẹ, vợ, con, thời không có cái khổ về tình thương yêu mà bị phân cách ; các người bức Thượng-Thiện đồng hội hợp đoàn kết một xứ, thời không có cái khổ bằng oán ghét lại gặp nhau ; tâm muốn vật chi, vật ấy tùy tâm hiện đến, thời không có cái khổ mưu cầu mà không được như cõi này. Quán chiếu thân tứ-đại vốn không, vắng lặng, thời không có cái khổ bằng thân ngũ-âm xi thanh (lấy lừng).

Mười khổ là : Trong Bồ-Tát Kinh-Tạng nói : 1.- Khi sanh khổ ; 2.- Khi già khổ ; cho đến thứ 10 là cái khổ trôi lăn trong đường sanh-tử.

Một trăm mười khổ là : Luận Du-Già nói : 1.- Không có khổ bằng sai biệt đổi thay ; 2.- Không có khổ về tham dục, và si mê, cho đến cái khổ thứ 55. Kể có chín món khổ ; ở trong chín món ấy, lại thứ lớp chấp chồng chia ra thành 55 nữa, hiệp cộng 110 cái khổ. Nay nước Cực-Lạc kia đều không có một khổ nào cả (cho nên gọi là Cực-Lạc : toàn vui).

Song ước lược mà nói : Chẳng ra ngoài 3 khổ, với 8 khổ, nó đã gồm thâu các món khổ. Vậy hai món sanh tử là : Phân-đoạn sanh-tử, và Biến-dịch sanh-tử.

Phân-đoạn là do bốn đại thành thân, nên thân có ngắn, chừng từng phần, từng đoạn, như trong bài văn : Tám khổ. (trên đã nói).

Biến dịch là cõi đầy dẫy bức Nhị-thừa Bồ-tát, tuy đã lìa cái thân phần-đoạn, nhưng mà chưa khỏi tướng (sanh, trụ, dị, diệt) đổi dời, nhơn, dơ, quả đời, cũng gọi là khổ. Còn nước kia ở trong hoa sen hóa sanh ra ; một phen sanh về không hề lui sụt, nào phải lo hai món khổ vậy.

Kinh Đại-Bồ-đề nói : Nước kia không nghe cái tên khổ, huống chi có khổ thiệt ; cho nên nói không có các khổ.

Hai món thanh-tịnh là : Trong Luận nói : 1.- Khi thế-gian cõi vô-tình thanh-tịnh ; 2.- Chúng sanh thế-gian cõi hữu-tình thanh-tịnh. Tức y-báo và chánh-báo, hai báo đều là công-đức trang-nghiêm, như trong bài văn sau, và kinh Đại-Bồ-đề cùng Quán-kinh đã biện rành,

Hỏi : Kinh Tịnh-Danh nói : Tất cả chúng-sanh tức tướng tịch diệt không cần diệt gì nữa ? Thời tất cả cõi nước, tức là tướng Cực-Lạc, lại nào còn có Cực Lạc gì nữa ? Mà kinh này phân ra có khổ có vui, tưởng như trái với kinh kia ?

Đáp : Ngài Hiền-Thủ Đại sư giải-thích kinh kia, ý Ngài nói : Chỉ do vì chúng sanh mê lầm điên đảo, quấy thấy có sanh tử, gọi là ở bờ bên này. Bực Đại-Thánh đã ngộ sanh tử vốn không, bản-lai viên-tịch. Tức gọi là đã qua bờ bên kia. Nay kinh này cũng nói : Vì chúng sanh mê đảo, vọng chấp cõi đời ngũ trước này, cho là thật tế là đại đồng, gọi là ở nước Ta-Bà. Bực tổ ngộ cõi ngũ-trước này vốn không, bản lai thanh-tịnh, tức gọi là đã về nước Cực-Lạc. Nói tóm lại, cõi nước thường-tịch, tại chúng sanh tự mê, mê nhiều ngộ ít, cho nên đức Phật Ngài mới chỉ cho cõi khổ và bày cõi lạc, không nỡ thôi được !

SỞ : Song khổ, vui đối nhau, chính dùng kia đây hai cõi, để so lường thẳng và liệ, khiến cho sanh tâm ưa và nhàm, như mười món khó dễ v.v...

SAO : Tương đối là : Lấy cái hết sức khổ ở cõi này, đối với cái rất vui tốt bực ở nước kia, một thẳng, một liệ, sánh xa như trời với đất, để tự sanh tâm ưa vui, chán khổ, lấy bỏ tự-quyết.

Mười món là : Ngài Từ-Vân Sâm-chủ : Chia cõi này cõi kia khó và dễ có mười món, nay đối với khổ vui mà nói :

1.- Cõi này có cái khổ chẳng thường gặp Phật ; cõi kia không điều đó, mà chỉ có cái vui hoa nở thấy Phật và thường gần gũi Ngài.

2.- Cõi này có cái khổ không được thường nghe thuyết pháp, cõi kia không điều đó. Mà chỉ có cái vui : Nước, chim, cây, rừng đều rao pháp mầu.

3.- Cõi kia không có cái khổ : Bị ác hữu ràng buộc kéo lôi, mà chỉ có cái vui cùng các người bực Thượng-Thiện đồng cu-hội một xứ.

4.- Cõi kia không có cái khổ bị quần ma nhiễu loạn ; mà chỉ có cái vui chư Phật hộ niệm, xa lìa việc ma chướng.

5.- Cõi kia không có cái khổ, luân hồi chẳng dứt mà chỉ có cái vui bất hủ đường sanh tử, hằng khỏi nẻo luân hồi.

6.- Cõi kia không có cái khổ, khó khỏi tam đồ ; mà chỉ có cái vui xa lìa ác đạo, và chẳng nghe tên ác.

7.- Cõi kia không có cái khổ, bận vì việc lo làm ăn, trở ngại việc hành đạo, mà chỉ có cái vui vật thọ dụng sẵn sàng, chẳng đợi kinh dinh (sắm sửa).

8.- Cõi kia không có cái khổ, mạng ngắn chết non, mà chỉ có cái vui sống lâu bằng Phật không có hạn lượng.

9. Cõi kia không có cái khổ tu hành thối thất mà chỉ có cái vui vào ngôi chánh định hẳn không thối chuyển.

10.- Cõi kia không có cái khổ, nhiều kiếp khó thành mà chỉ có cái vui một đời tu chứng, chỗ làm đặng xong.

Chữ Đẳng v.v... là : Như lời Sao Ngài An-Quốc : Phân làm 24 việc vui, và trong Luận Quần-Nghi : Chia rộng ra làm 30 việc lợi ích, đều nói cõi vui để cho rõ cõi khổ ; nói việc ích để cho rõ việc hại, đại ý đồng như văn trước, đây không chép nhiều.

SỞ : Với bốn cõi khổ vui, lược như trong giáo pháp Ngài Thiên-Thai nói :

SAO : Nghĩa là : Lầm về sự thấy, lầm về sự nghĩ, nhẹ hay nặng, đó là khổ lạc của cõi Đồng-Cư. Thê-không và tích-không, khéo hay vụng đó là khổ lạc của cõi Phương-tiện. Thứ lớp nhứt tâm, đó là khổ lạc của cõi Thiết-Bảo. Phần chứng, hay cứu cánh chứng, đó là khổ lạc của cõi Tịch-Quang, v.v... Văn nhiều đây không kể.

SỞ : Hỏi : Ông Bồ-Tát hy-sinh bỏ ngũ dục lạc. Dầu ngôi vua Luân-Vương cũng chẳng lấy làm vui, thương tưởng chúng-sanh vẫn ở dưới Địa-ngục, thay thế cái khổ kia ! Nào đặng bỏ chúng-sanh đương thời mà tìm lấy cõi Tịnh-Độ, để an hưởng cái vui một mình ?

Đáp : Trong bộ Thập-Nghi-Luận của Ngài Trí-Giả đã tường thuật ; và cũng có nhiều thuyết thủ xả chẳng khá chẳng biện.

SAO : Trong Luận nói : Ông Bồ-Tát chưa đăng quả Vô-Sanh Pháp-Nhãn, không đủ sức độ sanh, dù như đem ghe bè vớt người đắm nước, mình và người đều bị chết chìm luôn ; cầu sanh về Tịnh-Độ, chứng đăng Vô-Sanh-Nhãn rồi, trở lại cõi này, cứu khổ cho chúng-sanh, mới là có phần giúp ích được, cũng như cứu cái dốt của người, trước mình cần phải biết chữ. Cho nên ông Bồ-Tát mới phát tâm cũng thế, trước phải bỏ cõi khổ này, sanh về cõi kia. Căn cứ theo đây, thời xả cõi khổ, chính là muốn cứu khổ cho chúng-sanh ; thủ lấy cõi vui, chính là muốn sẽ đem lại cái vui cho chúng-sanh vậy. Tự-lợi lợi-tha, là bản-phận của ông Bồ-tát, há bức nhứt thừa độc thiện mà khá sánh được sao ?

Lại có nhiều thuyết là : Tồ Khuê-Phong giải thích bộ kinh Viên-Giác nói : Các món thủ-xả đều là bị luân hồi-cả. Như nói : Xả cõi Ta-Bà này. Thủ cõi Tịnh-Độ kia. Mà Ngài Đại-Mai cũng-nói : Xả cấu thủ tịnh, là nghiệp sanh tử. Cho nên nay biện rằng : Những lời nói đây chẳng phải là chẳng trúng đích. Nhưng mà đăng ý-chỉ thì gọi là vị Đề-Hồ, mà thất ý-chỉ trở lại thành thuốc độc. Cốt muốn mỗi người đều tu tịnh-nghiệp, để cho nhơn-loại đều đăng thanh-tịnh, chứ nào chỉ bỏ cái cấu của Ta-Bà, riêng lấy cái tịnh của Cực-Lạc, mới là thủ xả ? Dầu nói : Cõi của Ta-Bà duy tâm, mà xả thủ tâm, cũng còn ở trong vòng thủ với xả vậy. Dù rằng Ta không thủ xả, mà xả cái thủ xả đây để thủ lấy cái không thủ xả kia, cũng là còn thủ xả, cũng là nghiệp sanh tử luân hồi vậy.

Đâu có biết rằng : Lý thì nó không phần hạn, còn sự thì nó có sai khác. Hễ Lý mà tùy Sự để biện đối ra, thời chỗ không thủ xả, nó thủ xả rõ ràng ; còn Sự đăng Lý để lẫn thông, thời chính khi thủ xả đó, toàn là không thủ xả. Cho nên ông Bồ-Tát tuy biết tất cả các Pháp, bình đẳng không hai, mà chỉ cảnh khổ, vui, khai môn thủ xả, quyền thiết đều làm, lý sự vô ngại.

Lời luận đây xin gát lại. Bây giờ các ông tự xét lại mình coi : Hẳn có thể đối với vị hãm hút, hơi thiêu, vừa rồi, dùng làm đồ ăn uống không khác như ăn vật cao lương mỹ vị chẳng ? Với chỗ cầu xi, hãm-hố lấy làm giường, chống

chẳng khác như nhà lầu tốt đẹp chẳng ? Vỏ cây lá cỏ, dùng làm y-phục chẳng khác lụa là gấm nhiều chẳng ? Hồ, Tây, Hùm, Gấu lấy làm bạn bạn, chẳng khác cha, mẹ, anh, em chẳng ? Mùa đông ngồi trong giá tuyết, chẳng khác ngồi trong nệm bông chẳng ? Mùa hạ bữa nắng gắt chẳng khác gì gió mát chẳng ? Nhấn đến trong Địa-ngục-bầm, thiêu, đâm, xay, chẳng khác nào vào cối Thiền thứ ba chẳng ? Đi trong dị-loại, chẳng khác nào như đi dạo chơi chẳng ?

Bằng chưa được như vậy (vì còn phân biệt) rõ ràng là phạm phu, đâu đáng lấy cảnh giới quá lượng của vị Đại-thánh-nhơn, mà làm cảnh giới sở hữu của mình, thủ lấy cái nói cho khoái khẩu một thời, để cái hại nhiều đời vô-tận. Nên nghe lời đây, sanh tâm đại hối hận, khởi tâm đại-giác-ngộ, rơi lụy thương khóc với cái nghiệp mình, mà cầu sanh về Tịnh-Độ mới là phải. Cho nên ông Thiệu-Thủy phê-bình lời Sở ngài Khuê-Phong rằng : Phân ư, nhằm, thủ, xả. Tuy rằng : Mè chơn khởi vọng, nhưng cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công. Phải biết : toàn tu tức tánh, thời tâm ư nhằm vốn không. Hưởng một pháp môn (niệm Phật) An-Dưỡng (Tịnh-Độ), chư Phật đồng khám khen, qua lại trong pháp giới, càng rõ lý duy tâm ; mượn duyên lành kia, mau lên cối Bửu giác. Thật là đường chánh của người đời về nương, chánh là phép huyền diệu của Thánh-Nhơn để dắt chúng.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh không nhiễm, là nghĩa không có các khổ. Tự-tánh thường-tịch, là nghĩa chỉ hưởng các sự vui.

SAO : Nhiễm : là nghĩa khổ. Tịnh : là nghĩa vui. Tự-tánh không nhiễm thường tịnh, là nghĩa không khổ thường vui vậy. Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Lục-Địa quán xét vô-minh ; Do từ vô-minh cho đến thứ 6 là lục-nhập, ấy là Hành-Khổ. Xúc, Thọ, ấy là Khổ-khổ, còn các cái kia là Hoại-khổ.

Nay nói tâm ta đây, từ không cái vô-minh, cho đến không cái Lão, Tử, là nghĩa không Khổ-khổ. Không 12 món đây, tức là bực chơn Giải-thoát, là nghĩa hưởng sự vui. Kinh nói : Quả Vô-thượng Bồ-Đề là cái vui : Giác-Pháp cõi Vô-

thượng Niết-bàn là cái vui : Tịch-Tĩnh. Thế đều là nghĩa vui vậy. Do trên, vả thuận theo kinh văn, khổ vui đối đãi. Như thật mà luận : Nhiễm đã không lập (không có) tịnh lại đâu còn. Tịnh uế đều vong, khổ vui bình đẳng. Cái vui như thế, mới đúng với cái nghĩa Cực-Lạc. Bằng chấp là Thánh giải (chấp mình chứng bực thánh) trở thành cảnh-giới của Ma-Chấp Phật kiến (chấp chỗ thấy mình bằng Phật) liền dọa ngục Thiết-vi. Thế cho nên ta quán xét nước Cực-Lạc, thiết không đáng vui. Vì nếu chấp có đáng vui, thì khác gì với đáng khổ, bởi vì còn tương đối.



BIỆT THỊ TRANG NGHIÊM (phân làm bốn phần)

- 1.- LANG VŨNG HÀNG THỌ (lan can, lưới cây)
- 2.- TRÌ CÁC LIÊN HOA (ao, lầu, hoa sen)
- 3.- THIÊN NHẠC VŨ HOA (nhạc trời, rải bóng)
- 4.- HÓA CẦM PHONG THỌ (hóa chim gió cây)

LANG VŨNG HÀNG THỌ (phân ra làm hai phần)

- 1.- Tường-trần (rõ bày)
- 2.- Tổng-kết (chung kết)

TƯỜNG-TRẦN

Lại nữa, này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng ; bảy lớp hàng cây, đều làm bằng bốn món báu, doanh vây giáp vòng.

SỐ : Văn đây chính nói rõ ra các sự vật rất vui. Lan-can quanh ở ngoài hàng cây, lưới giăng phủ ở trên cây, xen lẫn với nhau, đều có 7 lớp. Bốn món báu là : Bốn món trước, trong 7 món báu vậy. Châu tráp là : Giáp vòng khắp đủ. Doanh-vây là : Doanh-quanh bao bọc, nghĩa là : Mỗi lớp đều là bằng bốn món báu trang-sức.

SAO : Lan-can : Bề ngang là Lan, bề đứng là Can (song can). Phương đây, với những vườn hoa cây kiểng cũng có làm lan-can : 1.- Ngăn rào trâu, dê làm hư hại. 2.- Đề coi cho

tốt. Cối kia tuy khỏi giữ trâu, dê, và không cố-ý để xem cho tốt, mà là do vạn hạnh công-đức trang-nghiêm, tự nhiên nó đều thật hiện thành tựu. Nghĩa lưới giảng cũng đồng như đây.

Hàng cây là : Thứ lớp thành hàng, không lộn lạo. Thế nào là bảy lớp : Một lớp lan-can một lớp lưới, vây phủ một lớp hàng cây ; cho nên nói rằng : Lớp lớp xen nhau. Với ba việc này mặc dầu cối ta đây cũng có, nhưng mà chất nó chỉ bằng cây với đá. Cối kia thì ròng là dùng các thứ ngọc báu làm thành.

Bốn món báu trước trong 7 món báu là : Kim, Ngân, Lưu-ly, Pha-lê vậy. Giáp vòng đoanh-vây là : Như kinh Thoại-Tướng nói : Vô-lượng lưới báu, đều dùng chỉ vàng, châu ngọc, trăm nghìn món tạp bảo trau dồi rực rỡ, giáp vòng bốn phía, treo những cái bảo linh, hào quang màu sắc chói lòa, phủ trùm trên rừng cây. Kinh Đại-Bồ-n nói : Lưới kia mềm dịu, như bông Đâu-la-miên (bông vải) chẳng phải như món báu trong thế giới này, phải đợi chạm trở uốn nắn mới là nghiêm sức. Lan-can bằng ngọc trang sức, cũng lệ theo đây nên biết.

Kinh Đại-Bồ-n nói : Trên bờ đường bằng các món báu, có vô số cây chiên-đàn-hương, cây kiết-tường-quả, mỗi hàng mỗi hàng ngang nhau, mỗi gốc mỗi gốc đối nhau, mỗi cành mỗi cành nương nhau, mỗi lá mỗi lá ngay nhau, mỗi hoa mỗi hoa chiu nhau, mỗi trái mỗi trái xúng nhau. Như vậy hàng ngũ, mấy trăm nghìn lớp, nên gọi là hàng. Kinh lại nói : Các cây bằng Thất-Bảo, đầy nhầy trong thế-giới, chỗ gọi rằng : Gốc vàng, cây vàng nhánh lá hoa trái cũng đều bằng vàng, thời gọi là một món báu.

Gốc vàng, cây bạc, nhánh lá hoa trái, cũng phân ra vàng và bạc, thời gọi là hai món báu. Như vậy ba món báu, bốn món báu kia xen lộn, lẫn lộn thêm nhiều, nhần đến 7 món báu. Lại nói : Cối Tịnh-Độ chư Phật xinh tốt trang nghiêm, ở trong cây báu thấy đều hiện ra, cũng như gương sáng. Quán Kinh nói : Bảy hàng cây báu, mỗi mỗi cây, cao 8 nghìn, do-tuần mỗi mỗi hoa lá, ứng ra màu sắc báu lạ, trong sắc lưu-ly phóng ra hào-quang sắc vàng ; trong sắc pha-lê chiếu ra tia sáng sắc hồng v.v...

Lại nói : Lưới bằng ngọc chơn-châu tốt giảng phủ trên cây báu, mỗi mỗi cây có bảy lớp lưới ngọc, mỗi lớp lưới, có năm trăm ức cung điện tốt đẹp, như cung điện trời Phạm-vương, chư-thiên, đồng tử tự nhiên ở trong đó. Lại nói : Mỗi mỗi cây lá, dài rộng vừa chừng 25 do tuần ; lá kia ngàn sắc, có các hoa đẹp, như sắc vàng cây Diêm-phù-Đàn. Như vòng lửa quây, lằng-xăng trong lá, sanh ra các trái, như cái bình của trời Đế-thích, có hào-quang lớn, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái, trong bảo cái ấy, ánh hiện cõi tam-thiên, đại-thiên thế-giới, tất cả Phật sự, cũng hiện ở trong đó. Lại kinh Đại-Bồ-nhi nói : Nhà giảng đường của Phật, nhà cửa các vị A-la-Hán, mỗi mỗi trong có ao Thất-bảo, ngoài có cây Thất-bảo, mấy nghìn trăm lớp. Căn cứ theo đây, thời ba kinh : Kinh thì nói nhiều, kinh lại nói ít, có khác, như kinh này : Chỉ nói có 7 lớp ; mà kinh kia lại nói tới trăm nghìn lớp. Kinh này chỉ nói lưới giảng, kinh kia nói trong lưới giảng hiện ra cung điện chư thiên. Kinh này chỉ nói hàng cây, kinh kia nói trong hàng cây hiện ra thế-giới đại-thiên : và kinh này nói bốn món báu ; kinh kia lại nói 7 món báu. Số là kinh này nói lược, ít. Kinh kia nói rộng, nhiều. Lấy ít gồm nhiều, vì dùng văn bớt cho gọn. Văn tuy chẳng đủ, nhưng nghĩa thiệt không thiếu.

Như ngài Linh-Chi nói : Bảy lớp lan-can. Phạm chỗ ở của Phật và Bồ-Tát, đều như vậy cả, chứ chẳng phải cả một nước mà chỉ có 7 lớp vậy đâu. Thời biết nhiều đến mấy trăm nghìn lớp, vì nhiều thứ 7 lớp, chất chứa mà thành, cứ 7 lớp này, kể 7 lớp khác, lớp lớp vô cùng. Còn nữa so đây nên thấy.

SỐ : Lại đều nói số 7 là : Nêu 7 giác-chi, 7 Thánh-tài v.v...

SAO : Với Giác-chi, sẽ thấy văn sau. Còn 7 Thánh-tài là : 1.- Tín ; 2.- Giới ; 3.- Văn ; 4.- Xả ; 5.- Huệ ; 6.- Tâm ; 7.- Quí. Năm món trước như của báu, hai món sau như người biết cách giữ của báu.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-nói : Cây Bồ-đề nơi Đạo-Tràng của Phật A-Di-Đà cao 16 ức do-tuần, bốn phía cành lá 8 ức do-tuần, gốc cây cao lên 5 nghìn do-tuần, tất cả các báu tự nhiên hiệp thành, lại xủ các ngọc báu dùng làm chuỗi Anh-Lạc ; lại có lưới báu, giăng phủ trên cây. Căn cứ theo đây, thời ngoài hàng cây. Riêng có cây Đạo-Tràng của Phật, mà văn này bớt gọn, tức là gồm trong hàng cây.

Lại trong luận nói : Cỏ công đức, cũng nhiếp trong hàng cây. Kinh Đại-Bồ-nói : Cây kia có mùi hương, cũng nhiếp trong món báu.

SAO : Cây Đạo-tràng tức là cây Bồ-Đề, như Phật Thích-Ca, cũng ngồi dưới gốc cây này, mà thành ngôi chánh-giác, phải vậy. Mười sáu ức do-tuần là : Kinh Đại-Bồ-Ngài Vương-Thị nói : Một nghìn sáu trăm do-tuần. Vả Luân ; hàng cây còn được 8 nghìn thay. Hưởng cây của Phật đâu lại kém ư ? Lời Sở đây gốc dẫn trong kinh Bảo-Tích vậy. Tức nhiếp trong hàng cây là : Do cây Đạo-tràng. Cũng là : Gốc, chồi, cành, lá, bông, trái, mỗi hàng mỗi hàng kế nhau, cho nên nói hàng cây đủ dùng nhiếp hết.

Thế nào là cỏ công-đức ? Trong Luận nói : Cỏ Bảo-Tánh công đức, nhu nhuyễn quanh chịu theo hai bên, hễ ai đụng nhằm thì sanh tâm vui sướng hơn cái thích ý ôm chim Ca-chiên-lân-đa(29). Văn đây không nói đến cỏ, là do vì nói cây gồm cỏ.

Mùi hương của cây ấy là : Kinh Đại-Bồ-Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi ta thành Phật, hoa cây trong nước, đều dùng vô-lượng các món tạp bảo, trăm nghìn món hương, mà cộng hiệp thành. Hương kia phổ-huân cả 10 phương thế-giới, chúng-sanh nào có duyên được nghe đến, đều nhớ tu đạo Phật : văn đây không nói đến là vì hễ nói các thứ báu lạ thì lẽ cố nhiên, ắt có mùi hương lạ. Do vì nói báu lạ nó gồm hương lạ.



TỔNG KẾT

Thế cho nên nước kia, gọi là nước Cực-Lạc.

SỞ : Kết văn trước đề sánh văn sau.

SAO : Kết văn trước là gì ? Do Lan-can, lưới giăng hàng cây mỗi mỗi đều thanh tịnh trang nghiêm ấy. Sở dĩ cõi địa cầu bằng vàng ròng, nó khác với địa cầu hùn cát, cây ngọc báu khác với cây chông gai. Không tất cả sự khổ, có tất cả sự vui, nên gọi là nước Cực-Lạc.

Đề sánh văn sau là gì ? Văn sau dưới mỗi câu : công đức trang nghiêm, tuy không câu : Danh vi Cực-lạc, nhưng nghĩa thời có đó. Trong văn đây, dưới câu : Danh vi Cực-lạc, tuy không câu : Công-deức trang-nghiêm, nhưng nghĩa cũng có ; vì lối hành văn bằng cách bày thấy lẫn nhau.

SỞ : Xứng lý, thời tự-tánh đủ muôn đức dọc ngang, là nghĩa lan-can. Tự-tánh rộng rang bao-la pháp giới, là nghĩa lưới báu. Tự-tánh nuôi lớn các căn lành, là nghĩa hàng cây.

SAO : Dọc và ngang là gì ? Cả pháp lục độ vạn hạnh không là tự-tánh như : Tự-tánh vốn không xan tham, ấy gọi là Bồ-thí-độ, lấy Bồ-thí làm bề dọc, Bồ-thí mà tâm không nhiễm trước, thời bề ngang thành pháp-giới độ (tri-giới). Bồ-thí mà tâm không kiêu ngạo, thời bề ngang thành pháp-nhẫn-độ (nhẫn-nhục). Bồ-thí mà tâm không nhàm mỏi, thời bề ngang thành pháp-tấn-độ (tinh tấn). Với pháp Thiền-định, Trí-huệ, cũng lại như vậy. Năm độ kia, so như trên nên biết. Các món nhiệm mầu trọn đủ, tức là nghĩa xem cho tốt. Các vọng không phạm (nhiễm), tức là nghĩa ngăn trâu, dê làm hư hại.

Bao la là gì ? Tự-tánh khắp đầy, thanh-tịnh, vì trùm bao cả pháp giới. Nuôi lớn các căn lành là chi ? Như kinh Hoa-Nghiêm phẩm Ly-thế-gian nói : Cây Diệu-pháp, của ông Bồ-Tát sanh nơi đất Trục-Tâm, hột giống bằng Đức-tín, gốc bằng Từ-bi, Trí-huệ làm thân cây, Phương-tiện làm nhánh cội, năm độ làm rùm rả, lá bằng định, hoa bằng Thần-thông. Nhứt thể Trí là trái hột.

Lại kinh Tịnh-Danh phẩm Phật Đạo nói: Pháp vô-lậu là rừng cây, Giác-Ý Tịnh-Diệu là hoa giải thoát, Trí-huệ là trái, đều là cội gốc ở nơi đất Trục-Tâm mà phát sanh ra vô tận ấy vậy. Ngặt vì lan-can đã hư mà lại va riu búa vào ; lưới giăng đã lủng mà lại bóng che mát thừa ! Còn khô héo đến cả gốc nhánh là khác, hướng mong gì nở nang hoa trái ? ! Song mà rừng Giác (lánh giác) vẫn như xưa, hột giống đạo (Phật-tánh) chẳng xa, sao chẳng mau vun bồi, lại thêm sửa soạn, liền thấy cây Bá ở trước sân hoa Được lan ngoài rào, mỗi hàng mỗi hàng đều là Bát-nhã chơn như, mỗi phía mỗi phía toàn là Bồ-Đề Phật tánh !



TRÌ CÁC LIÊN HOA (phân ra làm bốn phần)

- 1.- TRÌ-THỦY (ao nước)
- 2.- GIAI-CÁC (thềm lầu)
- 3.- LIÊN-HOA (hoa sen)
- 4.- TÒNG-KẾT (chung kết)

TRÌ - THỦY

Lại nữa, Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Cực-Lạc có ao bằng Thất-Bảo, 8 thứ nước công-đức, đầy đầy trong đó ; dưới đáy ao, dùng ròng thứ cát bằng vàng lót đất.

SỜ : Lại nữa là : Noi theo văn trên, chẳng những trên đất liền trang-nghiêm có những lan-can, lưới giăng, hàng cây như thế, mà dưới ao nước cũng trang-nghiêm, cũng lại thẳng diệp không chi kịp vậy. Ao Thất-bảo là gì ? Do bảy món ngọc báu làm thành ; chất nước trong ao, cũng dùng 7 thứ ngọc báu.

SAO : Bảy món ngọc báu làm thành là : Vì lụa khác với phương này, dùng đất đá làm thành. Kinh Đại-Bồ-n nói : Trong ngoài đôi bên có những ao tắm, hoặc 10 do-tuần, hoặc 20, 30, nhân đến trăm nghìn do-tuần cũng như biển lớn. Hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhân đến 7 món báu, hiệp cộng làm thành.

Lại nói : Như cái ao của đức Phật kia, tư vương bội hơn cái ao bằng trăm ngàn do-tuần ấy, toàn dùng 7 món báu làm nên. Nay kinh này (Di-Đà tiểu bản) không nói ao của Phật, là vì gồm chung trong cái nghĩa ao rồi.

Nước cũng dùng các món báu, như kinh Thập-Lục-Quán nói : Nước trong mỗi ao, do 7 món báu làm thành, báu kia nhu nhuyễn từ ngọc Như-Ý-Châu Vương (thanh tịnh tâm) sanh ra. Phân ra 14 dòng nước, ngời ra màu tốt của 7 món báu, vàng ròng làm bờ ao.

Lại nói : Nước bằng chất ngọc Ma-Ni (tâm chánh định) kia, chảy rót trong hoa, nước chảy chuyển theo cây lên, xuống. Nay kinh này chỉ nói ao báu, không nói nước cũng do ngọc báu làm thành, và chảy rót lên xuống, là vì chung gồm trong nghĩa nước vậy.

Nước, bản tánh nó thì chảy xuống, mà trái lại từ dưới thấp chảy lên trên cây cao. Vì phương ta đây không có, (dù có cũng mắc công bơm). Như kinh Hạ-Sanh nói : Cõi trời Đâu-Suất Đà-thiên của Phật Di-Lặc ở, có thứ nước chảy đi trong rường cột, tức là đồng loại nước đây vậy.

SỚ : Nước có tám thứ công-đức là : Bản kinh dịch đời nhà Đường nói : 1.- Lóng trong ; 2.- Mát mẻ ; 3.- Ngọt ngon ; 4.- Nhẹ mềm ; 5.- Nhuyễn lãng ; 6.- An-hòa ; 7.- Trừ đói khát ; 8.- Nuôi lớn các căn lành. Đủ tám món công-đức đây đề lợi ích cho chúng-sanh vậy. Lời Sớ kinh Thập-Lục-Quán nói : Phân tích tám món công-đức, với kinh này có khác một chút.

Dưới đáy ao cát vàng là : Do lấy cát vàng làm đáy ao, cho khỏi bùn cặn vậy.

SAO : Lóng trong là : 1.- Lóng trong sạch sẽ không ô-trược ; 2.- Mát mẻ : Trong trẻo mát mẻ, không nóng nẩy ; 3.- Ngọt ngon : ngọt ngào ngon đẹp, đủ chất vị rất quý ; 4.- Nhẹ êm : Nhẹ nhàng, êm ái, chảy lên xuống đều vừa ý ; 5.- Nhuyễn lãng : được nhuần trơn lãng, không khô rít ; 6.- An-hòa : An-tĩnh hòa huân, không gập tràn ; 7.- Trừ đói khát : Nước này

đã đỡ khát mà nay lại thêm đỡ đói, có sức thù thắng ; 8.- Nuôi lớn các căn lành : Nuôi dưỡng thêm lớn cho cả trong tâm ngoài thân vậy.

Trong Quán-Kinh lời Sớ nói : Tám món công-đức là : 1.- Nhẹ. 2.- Trong. 3.- Mát. 4.- Êm. 5.- Ngon. 6.- Không hôi. 7.- Khi uống hòa đẹp. 8.- Uống rồi không bệnh. — Đối với trên, chỗ đại-khái thì đồng, nhưng có khác một chút.

Vì sao ? Do kinh đây, nhẹ và êm hiệp một ; còn kinh kia lại chia làm hai. Kinh đây, không nói : Không hôi. Kinh kia lại thiếu : Nhuận láng và Hòa-an. Song nghĩa lẫn nhau thấy đủ. Vì hễ lóng trong mát-mẻ, thời ắt không hôi-hám ; đã nhẹ lại dịu-êm, đâu chẳng An-hòa, lược bớt nghĩa Nhuận-láng ; cho nên nói : Có khác một chút.

Lại kinh kia phối với nghĩa Lục-Nhập, Kinh đây thời lóng trong là căn Sắc-nhập. Ngọt ngon là căn Vị-nhập, cho đến nói : Nuôi lớn các căn lành, là : Nhĩ-nhập, Tỷ-nhập, Thân-nhập và Ý-nhập, đều thấu nhiếp cả.

Lại kinh Đại-Bồ-đề nói : Dưới sông lớn, cát vàng lớt đất, có hương chư Thiên, hương đời không sánh được, theo nước tan ra bát-ngát, hòa với nước trời thơm đều là chứng rõ có căn hương nhập vậy.

Vấn sau nói thuyết-pháp ấy là chứng rõ : Căn Thỉnh-nhập và căn Pháp-nhập. Hỏi : Với ngọt, ngon, nhẹ, êm, trừ đói, nuôi lớn căn lành. Phương đây không hẳn, thiết đúng như vậy, nhưng mà phạm nước thì thấy đều mát-mẻ, thấy đều nhuận-láng, nay vì sao nước cõi kia cũng có đủ hai tánh đó, mà lại riêng xưng là nước công-đức ?

Đáp : Nước ở phương ta, mặc dầu cũng mát-mẻ, nhưng gặp nắng thì nóng, gặp lửa thì sôi, còn nước cõi kia dầu kiếp lửa đến nó cũng mát-mẻ tự như, trọn không nóng và sôi.

Nước ở phương ta, tuy cũng nhuận-láng, nhưng nắng quá thời khô, lửa đốt thời cạn. Còn nước cõi kia, dầu kiếp lửa đốt đó, nó cũng vẫn nhuận-láng tự như, không khô và cạn.

Kim-sa (cát vàng), trong Quán-Kinh nói : Vàng ròng làm bờ ao, dưới bờ ao, có những thứ ngọc Kim-Cang làm cát dưới đáy ao. Kinh Đại-Bồ-đề nói : Ao, ròng một món báu, cát dưới đáy, cũng dùng ròng một món báu.

Ao vàng ròng là : Cát dưới đáy ao bằng chất bạc trắng, như ao thủy-tinh, cát dưới bằng ngọc Lưu-ly. Hai món báu làm ao, thời cát dưới đáy, cũng hai món, cho đến 7 món báu làm ao, cũng lại như vậy.

Nay kinh này chỉ nói một thứ cát vàng, là vì bớt văn gọn lại.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồ-đề nói : Ao nước, các món báu đã kể rồi, nay lại phân ra ba món diện-dụng thù-thắng : 1.- Nước hay tùy-ý ; 2.- Nước hay thuyết-pháp ; 3.- Tắm rồi tấn tu đạo nghiệp.

SAO : Tùy ý là gì ? — Kinh Đại-Bồ-đề nói : Các người bậc Thượng-Thiện, vào trong ao Thất-Bảo, tắm sạch thân thể, ý muốn cho nước ngập chùn, nước liền ngập tới chùn, muốn cho tới gối, nước liền ngập tới gối, muốn cho tới lưng, tới nách, tới cổ, và xối lên trên thân thể, đều được như ý muốn. Muốn cho nó trở lại, nước liền trở lại, điều hòa ấm, mát, không chút nào mà chẳng thuận thích. Nói thân sướng vóc, rửa sạch tinh lự (30), trong ngần lông sạch, tịnh như vô-hình. Nước ấy thiết là vô tâm mà hay tùy tâm ý người muốn vậy (không như nước máy cối này, cần người ra sức bơm, vặn, nhận nút trong khi tắm).

Thuyết pháp là gì ? — Kinh Đại-Bồ-đề nói : Pháy dợn xoay vòng, chuyển nhau rộn rền, không chậm không mau, êm dềm rí-rả. Sóng xao vô-lượng, tự nhiên kêu ra những tiếng nhiệm màu. Hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, tiếng tịnh, tiếng không, tiếng vô ngã, tiếng đại từ-bi, tiếng Ba-la-mật, tiếng thập-lục, tiếng vô-úy, tiếng bất-cộng-pháp, tiếng chư-thông-huệ, tiếng vô-sở-tác, tiếng bất-khởi-diệt, tiếng vô-sanh-nhãn, cho đến tiếng cam-lồ, quán-đảnh, tiếng chúng diệu-pháp, xứng tâm sở dục (vừa theo ý muốn). Không phút nào chẳng nghe, phát-tâm thanh-tịnh, thành thực

các căn, hằng không lui sụt đạo vô-thượng BỒ-ĐỀ. Thiết là nước ấy vốn vô-tinh, nhưng có thể nói được các diệu-pháp vậy.

Tắm rồi tấn tu đạo nghiệp là : Kinh Đại-Bồ-nói : Cùng nhau tắm rồi, hoặc mỗi người ngồi trên hoa sen. Lại nói : Có người ở dưới đất giăng kinh ; người tụng kinh ; người tự thuyết kinh ; người dạy kinh ; người nghe kinh ; người niệm kinh ; người nghĩ đạo ; người tọa thiền nhứt tâm ; người đi kinh hành ; có người ở giữa hư không giăng kinh ; nhứt đến người tọa thiền rồi đi kinh hành ; mỗi người đều tùy theo tánh của mình muốn mà có đặt chỗ sở đắc.

Người chưa chứng tứ-quả, như tắm rồi đặt tứ-quả ; chưa đặt bực Bất-thối-chuyên-địa BỒ-tát, thời đặt bực Bất-thối-chuyên. Nước ấy chẳng những chỉ có cái công-năng dùng để tắm được, mà lại sau khi tắm rồi, được nhiều lợi ích quý lạ.

Sắp về trước ba món thù-thắng, đều nhiếp về trong nước Bát-công-đức, và ao Thất-Bảo. Lại Hậu-Xuất-Kinh lời Kệ nói : Chỉ có nước sông chảy, tiếng vang như thuyết-pháp thật vậy.

SỞ : Xưng lý, thời tự tánh sâu rộng thăm thẳm, là nghĩa ao báu. Tự-tánh đều đủ tất cả công-đức ; là nghĩa nước Bát-công-đức.

SAO : Sâu rộng thăm thẳm là gì ? Chữ : Uông : là dạng thăm sâu, là vì tự-tánh sâu mầu vô-tận, như đáy ao vậy. Chữ Dương là : Dạng rộng khơi, là vì tự-tánh rộng xa không tốt, như lượng lớn của ao vậy. **Đắm thăm** là : Dạng trung hòa ; vì tự-tánh chẳng phải chơn, chẳng phải tục, thuần-tùy chí-thiện, như ao thuần dùng ngọc báu làm thành.

Đủ các món công-đức là : Tự-tánh không nhiễm, tức đức lông sạch. Tự-tánh không phiền-não, tức đức mát-mẻ. Tự-tánh không hung ác, tức đức ngọt ngon. Tự-tánh vô-ngã, tức là đức nhẹ êm. Tự-tánh không dứt mất tức là đức nhuần-láng. Tự-

tánh không bạo tàn, tức là đức an-hòa. Tự-tánh không thiếu thốn, tức là đức trừ đói khát. Tự-tánh sanh ra tất cả muôn điều lành, tức là đức nuôi lớn.

Lại tự-tánh thuận muôn vật mà vô-tình, đi lên thời vào bậc Thánh, nhưng bậc Thánh cũng không tăng, đi xuống thời làm bậc phàm, nhưng bậc phàm cũng chẳng giảm. Bất biến mà tùy duyên, khắp cùng cả pháp giới. Cho nên nói chảy rót thấm trong các thứ hoa, và chảy lên trên những cột rường ấy vậy.

Ngài Vĩnh-Minh nói : Vì nước có 10 đức, đồng với chơn tánh. Chính ý như đây. Nước định lặng vậy nhầy đầu, người tắm nước đây không như cũng không sạch, ấy là nước Bát-công-đức.

GIAI CÁC

Đường đi bốn bên thêm ao thành bằng bốn chất báu là : Kim-ngân, Lưu-ly, Pha-lê, trên có lầu các, cũng dùng Kim-ngân, Lưu-ly, Pha-lê, Xà-cừ, Xích-châu, Mã-nã, để kiến trúc diềm tô nhà lầu ấy.

SỜ : Bốn bên là : Giữa là ao nước, giáp vòng bốn bên là thêm đường vậy. **Kim** : Tiếng Phạm (suvarna) Tô-Phật-la. **Ngân** : Tiếng Phạm (Rupya) A-lộ-Ba. **Lưu-ly** đây dịch : Thanh-sắc-bảo (viên ngọc màu xanh). **Pha-lê** đây dịch : Thủy-ngọc (ngọc thủy-tinh). **Xà-cừ** đây dịch : Đại-Bối (con ốc lớn). **Xích-châu**, tiếng Phạm : Bát-Ma-La-Già. **Mã-nã** tiếng Phạm : Bát-ma-la-già-lê; dùng 7 món báu đây để trang nghiêm trau dồi.

SAO : Giai-đạo (thềm đường) là : Cao khỏi mặt đất gọi chữ : Giai (thềm). Đường bằng phẳng gọi chữ : Đạo. Chữ Lầu-các là : Chồng nóc gọi là Lầu, lầu cao nói là Các. Như trong Quán-Kinh nói : Trên đất vàng ròng, trong mỗi mỗi món báu, năm trăm sắc hào-quang, hào-quang như hoa, thành dải quang minh, nghìn muôn lầu các, trăm món báu hiệp thành.

Kinh Đại-Bồ-n nói : Nhà giảng đường Tinh và cung điện lầu các của Phật A-Di-Đà, đều dùng 7 món báu. Tốt

hơn gấp trăm ngàn muôn bội chỗ của trời thứ 6 trong thế-giới này và chỗ ở của các vị Bồ-tát, cũng hơn như vậy. Còn cung điện, lầu các của các vị chư-thiên, và người, thi xứng theo hình sắc cao, thấp, lớn, nhỏ, hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhần đến vô-lượng món báu.

Lại luận Phật-Địa nói : Vả nói 7 món báu, nhưng kỳ thực cõi Tịnh-Độ, vô-lượng món báu nhiệm-mầu. Cho nên biết rằng nói bốn báu là bớt vắn.

Lại kinh Hoa-Nghiêm phạm Nhập-pháp-giới nói : Lầu cao đầy dọc, đường đi quanh trên gác gie ra hai bên, cột nhà liên tiếp, song, cửa lẫn nhau ánh chói, thềm sân, hiên rào, món món đầy đủ, tất cả đều dùng ngọc tốt trang-nghiêm, tức là nghĩa đầy vậy.

Lại kinh Đại-Bồ-đề nói : Các nhà lầu nhà gác đây, có cái tùy ý người mà nổi lên cao lớn ở giữa hư-không, như vùng mây vậy. Có cái chẳng tùy ý người thời chỉ cao lớn ở trên mặt đất. Do người khi cầu đạo, đức có dày, mỏng, chỗ tự mình gây tạo. Lại nói : Lầu quán, lan-can, có ngọc anh-lạc phủ lên trên, đều trở lên tiếng nhạc ngũ-âm.

Lại trong Quán-Kinh nói : Hai bên lầu-các, đều có những cái tràng hoa, vô-lượng đồ âm-nhạc, dùng làm trang-nghiêm, 8 món gió trong khua đồ âm-nhạc ấy, diễn reo những tiếng pháp : Khô, khô, vô-thường, vô-ngã; lấy đây nghiệm xét, thời kinh chỉ nói lầu các, không phân của Phật và Bồ-tát, trời, người, cũng chẳng phân ở trên không, ở dưới đất cũng chẳng nói âm-nhạc diễn pháp, đều là bớt vắn vậy.

Kim (vàng) có 4 nghĩa : 1.- Sắc không biến đổi ; 2.- Thê không nhơ-bẩn ; 3.- Chuyển làm vô ngã ; 4.- Hay khiến người giàu — Ngân (bạc) có 4 nghĩa đồng với đây, nhưng công-dụng nó có thua một chút Lưu-ly chính dịch là sắc xanh, lại có tên là Bất-Viễn. Bất-Viễn là cái tên một hòn núi, vì cái núi sanh ra ngọc báu này (lưu-ly) ở gần thành Ba-la-nại.

Thủy-ngọc là : Ngọc Thủy-Tinh bấy giờ. Xà-cừ mà nói con ốc lớn là vì con ốc này là loài ốc có vỏ, ở trong biển, thứ

lớn gọi là bảo (báu). Một thuyết nói, không phải tiếng Phạm (xà-cừ). Do vì nó giống vành bánh xe, chữ Cừ là vành bánh xe vậy. Chữ xích-châu là : Luận Phật-Địa nói : Loài trùng đỏ sanh ra ngọc này (xích-châu). Song có ngọc xích-châu trên trời, tên là : Nhơn-Đà-La, chẳng phải vật sở-hữu ở dưới thế này. Trong Đại-Luận gọi ngọc Trân Châu, hoặc trong bụng con cá sanh ra, hoặc trong óc con rắn sanh ra, hoặc trong thai con Trai sanh ra, hoặc trong cây tre sanh ra, thời sắc nó cũng chẳng nhứt định là đỏ ; cho nên theo bản dịch trước là đúng hơn. Ngọc Mã-nã : Hoặc có thuyết nói : Chết máu con quỷ ở ngoài đồng nội xứ Đôn-Kỳ hóa ra, có một thuyết khác nói : Vì như cái sọ con ngựa.

Chữ Trang-nghiêm có nghĩa là chỉnh-tề. Chữ Giáo-sức có nghĩa là rực-rỡ ; do những loại nghiêm sức đây, như văn trước, hoặc dùng một món báu, hai món báu, nhấn đến bảy món báu.

Lại bảy món báu đây, chỉ mượn cái tên đồng với phương này, chứ thật ra chất nó chẳng giống, như vàng trời và bạc trời, như người đời không có thể có được. Huống chi cõi Tịnh-Độ kia.

SỐ : Lại bảy món báu là thường dụ : Dùng nghĩa quý trọng, như trong kinh Phạm-Võng nói.

SAO : Quý trọng là kinh Phạm-Võng phạm Bồ-tát Tàm-Địa nói : Xả bỏ kinh luật Đại-thừa chẳng học, mà lại học sách vở của ngoại-đạo, Nhị-thừa tà-kiến v.v.. Khác nào như bỏ của bảy báu, trở lại dùng ngói sạn. Đối ngói sạn mà nói ; nên biết chữ bảo ấy là lấy nghĩa quý trọng. Chính là nói hai cõi, uế và tịnh chẳng đồng, vì khiến cho người đời sanh ưa cõi Tịnh nhàm cõi Uế.

Hỏi : Vua Nghiêu ở nhà tranh, ông Cơ-Tử can vua Trụ dùng chén ngọc đũa ngà, những bực vua tôi trong đời còn chuộng điều chắc thiết ; vị Bồ-tát cõi Tịnh-Độ, sao lại còn quý vật báu để làm trang nghiêm ?

Đáp : Đây có hai nghĩa : 1.- Những người bực thượng tri, biết tâm mình tịnh, thời cỡi tự tịnh, chánh-báo thù thắng, thời y-báo ắt hùng cường lẽ cố nhiên vậy, nhưng tâm thiết không nhiễm. Dụ như : Vua Thuấn ở chốn ruộng nương, mình vác cây bừa : một khi chịu vua Nghiêu truyền ngôi thì với cảnh cửa nghiêm ra vào, mảo ngọc tua thả, chẳng cầu mà tự đủ, Vua Thuấn nào ham vui ư ? Cho nên nói : Có Thiên-Hạ mà chẳng màng vậy.

2.-Chiều theo kẻ phạm-phu dộn căn, phải chỉ cỡi khổ cỡi vui, khiến cho sanh tâm ưa và nhàm. Trước lấy sự ưa muốn mà kéo dắt, sau khiến tỏ vào được trí Phật.

Dụ nước đang gặp nạn đói rét, chợt nghe có xứ no cơm ấm áo ; đang rớt dưới đầm đen tối, thoát thấy cảnh quang minh, há chẳng thân tâm chăm hăm, bỏ cũ theo mới, miễn đứng vững-sanh, quyết thành người giải-thoát ; phương-tiện tiếp dẫn, lẽ phải như vậy.

SỚ : Xưng lý, thời sự tánh bằng thẳng, là nghĩa thêm đường. Tự-tánh cao xa, là nghĩa lâu các. Tự-tánh cụ túc cả công-đức tài, pháp, là nghĩa bảy món báu.

SAO : Bằng thẳng là gì ? Tự-tánh giải-thoát tự tại, lia các cấu ô, rộng rãi thẳng bằng, không có thiên lệch, ấy gọi là thêm đường. Cao xa là gì ? Tự-tánh vượt khỏi cảnh lục trần, xét soi không sót, bao quát chốn hư không thình thoang vô-tận, ấy gọi là lâu các. Công-đức tài và pháp là chi ? Tự-tánh thường mà không đổi : Tịnh mà không nhiễm ; Ngã mà tùy duyên không ngại ; Lạc mà giàu có không thiếu ; ấy gọi là Kim-ngân. Tự-tánh trong ngoài sáng suốt, không chướng không ngại, ấy gọi là Lưu-ly ; Tự-tánh bản thể trong sạch lia Tứ-quả, tuyệt Bách-phi, ấy gọi là Xà-cử. Tự-tánh quang-minh chói lợi, ấy gọi là Xích-châu. Tự-tánh chắc thật không đổi, ấy gọi là Mã-nã.

Các vẻ đẹp đều đủ giúp thành pháp thân ; ấy gọi là nghiêm sức vậy. Vả chẳng Ngái Thiện-Tài khắp trải nhiều

thành, rồng cầu các thánh, rớt sau đến lầu các đức Di-Lặc, đờn chỉ mà lên.

Nay kinh này : Chỉ tri danh, không lặn lội đường quanh, liền được ở cảnh tốt. Kia như trốn ngày đi trên thềm báu, mà tự nói là đũa lạc đường ! Khá gọi rằng : Dựa cửa khảy móng, chẳng biết thân mình ở trong lầu ngọc, tiếc thay !

LIÊN - HOA

Hoa sen trong ao, lớn bằng bánh xe, sắc xanh, hào-quang xanh, sắc vàng hào-quang vàng, màu đỏ chiếu ánh đỏ, màu trắng tia sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

SỚ : Văn trước nói vật tốt ở ngoài ao. Văn đây nêu vật tốt trong ao. Hoa sen tiếng Phạm : Phân-Đà-Lợi, cũng nói Ưu-Bát-La, hay Bát Đặc-Ma, hoặc Câu-Vật-Đầu.

SAO : Tiếng Phạm Phân-Đà-Lợi, Tàu dịch : Bạch-Liên-Hoa (hoa sen trắng). Khi chưa nở tên là : Quật-Ma-La. Khi sắp rụng tên là : Ca-Ma-La. Khi đang nở tên là : Phân-Đà-Lợi.

Ưu-Bát-La là : Hoa sen xanh. Bát-Đặc-Ma là : Hoa sen hồng. Câu-Vật-Đầu là : Hoa sen vàng vấy.

SỚ : Bánh xe là nói cái hình của nó, lớn nhỏ không nhứt định. Luận Bà-Sa và các thuyết nói : Nhiều thứ chẳng đồng, mỗi mỗi đều tùy cơ mà thấy.

SAO : Bánh xe lớn nhỏ là : Luận Bà-Sa nói Bánh xe vàng của vị Luân-Vương nghìn bức, vòng tròn 15 dặm.

Kinh Hoa-Nghiêm lời sao nói : Bánh xe vàng lớn một do-tuần, trong Quán-Kinh nói : Mỗi mỗi trong ao, có 60 ức hoa sen bằng thất-bảo, tròn vìn vừa đúng 12 do-tuần. Kinh Đại-Bồ-ni nói : Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần, nhần đến 100 do-tuần, nghìn do-tuần, mà bánh xe của người đời, lớn chẳng quá một trượng ; không nên chấp đấy, mà cho là mực chắc,

Lại nói : Hoa sen bằng các chất báu, châu biến cả pháp giới, mỗi mỗi hoa báu, có vô-lượng trăm nghìn ức cánh, xét trong kinh phân biệt hoa sen có thẳng có liệt, ba thứ : 10 cánh, 100 cánh, 1000 cánh.

Nay kinh này nói : Vô-lượng trăm nghìn ức cánh, cánh đã vô-lượng thời hoa kia sức lớn, cũng vô-lượng vậy. Lại kinh Như-Lai Tạng nói : Bây giờ đức Thế-Tôn ở trong nhà Chiên-Đàn Lầu-Các, đang ngồi chốn Đạo-Tràng, mà hiện pháp thân biến ra có hoa sen nghìn cánh, lớn như bánh xe, trong sen, hóa các vị Phật, mỗi Phật phóng vô số trăm nghìn hào-quang. Cho nên biết bánh xe không thể nghĩ bàn. Đâu đáng chấp theo bánh xe của người ở đời thường đi, mà làm hạn lượng.

Tùy cơ là : Hoặc nhỏ, hoặc lớn, do chỗ tu nhơn mỗi người, công phu niệm Phật, có thẳng có liệt, cơ cảm tự nên như thế. Có người chấp hoa bằng bánh xe, chê kinh này là tán thien, ấy là người chưa xét được nghĩa bánh xe.

SỐ : Lớn như bánh xe, và dụ hình thè, lấy bánh xe dụ đức, cũng có nhiều nghĩa.

SAO : Hình thè là : thè bánh xe bao tròn, có giống hình hoa sen vậy : Nhiều nghĩa là : Lại bánh xe, có nghĩa xoay chuyển : Là Hoa sen này chúng-sanh gá thai, đổi phàm thành Thánh, tức là nghĩa xoay chuyển. Lại bánh xe, có nghĩa lăn nghiêng là : Hoa sen này, không nhiễm sự ô-trược phá trừ phiền não, tức là nghĩa nghiêng lăn. Lại bánh xe có nghĩa bay đi là : Bánh xe vàng của vị Thánh-Vương, trong một ngày bay giáp bốn châu thiên hạ, là ý nói : Hoa sen này, khắp đến 10 phương, tiếp những chúng-sanh niệm Phật kia, về đến nước Cực-Lạc, tức là nghĩa bay đi. Còn nhiều nghĩa nữa đây không nói.

SỐ : Xanh, vàng, đỏ, trắng là nói màu sắc của nó vậy ; chẳng những nói màu sắc, mà nói hào-quang nữa. Vì hoa sen cõi này, vẫn có màu sắc, nhưng không hào-quang. Chỉ nói bốn sắc là rút văn gọn lại.

SAO : Bốn sắc, giải thấy lời sơ văn trước, Hào-quang ấy, từ sắc mà chiếu ra, như viên ngọc trong bóng, thời hay chói ánh-sáng. Hoa sen cõi kia, rất là thanh-tịnh, cho nên có hào-quang sáng chiếu.

Kinh Đại-Bồ-n nói : Sắc xanh hào-quang xanh, sắc trắng hào-quang trắng, sắc đen, sắc vàng, sắc đỏ, sắc tía, hào-quang kia cũng vậy, rực rỡ ánh ngời, xán lạn như mặt trời mặt trăng, trong mỗi mỗi cái hoa, chiếu ra 36 nghìn ức tia sáng, trong mỗi mỗi tia sáng, hiện ra 36 trăm nghìn ức đức Phật. Mỗi mỗi đức Phật, lại phóng ra trăm nghìn hào-quang sáng để khắp vì chúng-sanh trong 10 phương mà thuyết-pháp vi-diệu.

Cứ theo đây thời xanh, trắng, đen, vàng, đỏ, tía, đã thành 6 sắc mà Luận Phật-địa lại nói : Bảy báu, cho nên biết bốn sắc, là vi bất văn

Kỳ thật hoa sen đủ vô-lượng sắc, đủ vô-lượng hào-quang vậy. Lại không nói hoa sen thuyết-pháp, cũng vì bất văn.

SƠ : Vi diệu hương khiết là nói cái đức kia vậy. Nói bốn đức là cũng vì bất văn.

SAO : Bốn đức là : Ly-cầu, lấ nghĩa chánh của hoa sen. Suy rộng nghĩa kia, lược nói có bốn :

1.- Nói chữ : Vi, là cũng có bốn nghĩa ; hai nghĩa đồng và hai nghĩa biệt : 1.- Rể nó ngầm dưới đáy ao, không ngó thấy được, ấy là nghĩa u vi. 2.- Không sanh nơi gò cao đất cồn. Cùng các thứ hoa sánh nhụy, mà tranh phần tốt xinh tốt, ấy là nghĩa ẩn-vi. 3.- Trong Quán-Kinh nói : Trên mỗi mỗi cành hoa có tám vạn bốn nghìn gân mạch, cũng như thợ trời khéo vẽ, ấy là nghĩa tế-vi. 4.- Bảy báu làm thành, quý lạ ròng tốt, ấy là nghĩa tinh-vi. Hai nghĩa trước chung với phương này ; hai nghĩa sau nước kia riêng có, cho nên hai nghĩa đồng, hai nghĩa biệt.

II.- Nói chữ: Diệu, là cũng có 12 nghĩa: Bốn nghĩa đồng, tám nghĩa biệt: 1.- Mới có hoa liền có quả, chẳng đợi hoa rụng, ấy là nghĩa: Nhơn-Quả Đồng Thời Diệu; 2.- Nhiễm mà không nhiễm, không nhiễm mà nhiễm, ấy là nghĩa: Cầu tịnh Song-Phi Diệu; 3.- Một hoa khắp vòng ở ngoài hột, các hột sắp hàng ở trong hoa; ấy là nghĩa: Tổng-biệt tề-chương Diệu; 4.- Ngày thời nở đủ, đêm thì búp lại, ấy là nghĩa: An hiên tùy-nghi Diệu; 5.- Hoa lớn ở giữa, có trăm nghìn vạn ức hoa sen, dùng làm quyến thuộc, ấy là nghĩa: Chủ bạn tương tham Diệu; 6.- Thượng, Trung, Hạ phẩm, mỗi phẩm phân ba thành chín, chín nhân chín, cho đến vô-lượng tùy theo nhơn trước của mỗi người tu, không lẫn lộn nhau, ấy là nghĩa: Thắng liệt phân minh Diệu; 7.- Lớn một do-tuần, cho đến trăm nghìn vạn ức do-tuần, ấy là nghĩa: Đại Tiểu vô-định Diệu; 8.- Chẳng do mùa xuân sanh, chẳng vì mùa thu héo, luôn luôn thường mới, ấy là nghĩa: Hằng thử bất thiên Diệu; 9.- Đỏ, tía, đen, vàng hoặc là thuần trắng, bay tạp sắc, tạp quang, cũng lại như vậy, ấy là nghĩa: Thễ-tổ giao-huy Diệu; 10.- Sanh ở nước kia, mà từ hư-không bay đến cõi này, để rước người đáng sanh, ấy là nghĩa: Động-tĩnh nhưt nguyên Diệu; 11.- Chư Phật Bồ-tát, ngồi kiết già trong đó, những chúng-sanh niệm Phật, cũng gá thai ở trong đó, ấy là nghĩa: Phàm-thánh kiêm thành Diệu; 12.- Người phươg này niệm Phật, hoa liền nêu danh (tên người đó trong hoa sen) siêng, biếng, vừa phân, thời tươi khô liền khác, ấy là nghĩa: Cảm-ứng minh-phù Diệu.

Bốn nghĩa trước, 8 nghĩa sau, đồng và thua khá biết.

III.- Nói chữ: Hương, là phương đây (Ta-Bà) nước kia (Cực-Lạc) sánh nhau thắng và liệt, cũng có hai nghĩa: 1.- Phương đây thời từ trong bùn mọc ra, tuy là chỗ nhơ, nhưng vẫn thơm tho ngào ngạt, ấy là nghĩa: Ở giữa uế mà vẫn thơm; 2.- Nước kia thời, như kinh Đại-Bồn nói Hào-quang màu sắc đã khác, thì mùi hương cũng khác, thơm tho bát-ngát, không thể kể xiết, cho nên bài kệ: Thanh-liên hoa hương, Bạch-liên hoa hương. Người tụng bài kệ đây, còn được trong miệng bay ra mùi hương hoa sen (31), hơn tất cả các

hương khác không sánh kịp, ấy là nghĩa Hương thơm hơn hết giữa các món hương. Thờ Liệt hương sen ở phương này, đã hơn các hoa khác. Hương nước kia, đã hơn mà lại hơn ấy vậy.

IV.- Nói chữ Khiết, là phương này, nước kia, trắng và liệt cũng có hai nghĩa : 1.- Phương này thờ từ trong bùn lầy mọc ra, thì đáng lẽ bị lấm nhơ, nhưng mà lại sáng sạch thanh tịnh, ấy là nghĩa : Giữa nhơ riêng sạch. 2.- Vì nước kia, thờ gốc nó từ nơi cát vàng mọc lên, khác với cội trước này. Vì sanh từ nước công-đức, khác với nước thường, bởi chất do các bán hiệp thành, khác với hoa sen ở cội phàm ; cho nên sạch hơn tất cả món sạch, sạch không chỉ sánh bằng, ấy là nghĩa : sạch hơn hết ở giữa các món sạch.

Hơn mà lại càng hơn, lệ theo trên nên biết, nhần về trước từ chỗ thiết cận, lược nêu bốn đức, nếu rộng diễn đó, cũng đến vô-lượng. Hỏi : Có người bảo : Sanh về hạ phẩm hạ-sanh, là sanh trong hoa sen bằng sắt, thuyết ấy phải không ?

Đáp : Chưa thấy Phật nói. Như trên đã nói, sắc nó chẳng những bốn, mà có hoa sen bằng bảy báu nữa. Thờ biết hoa sen vàng là : Nhiếp trong sắc vàng. Hoa sen bằng pha-lê, xà-cừ, với hoa sen bằng bạc, nhiếp trong sắc trắng. Hoa sen bằng xích-châu, mã-nã, nhiếp trong sắc hồng. Nhần đến hoa sen bằng lưu-ly cũng nhiếp trong sắc xanh. Suy cho rộng ra thờ hoa sen xanh như ngọc xanh của Thiên-đế cũng nhiếp về trong sắc xanh, như hoa sen bằng chân-châu v.v... cũng nhiếp về trong sắc trắng.

Lấy đây sánh hiệp, chắc không có hoa sen bằng sắt. Và chẳng sắt cũng thuộc về trong 5 loại kim khí, mà là loại kim khí rất hèn, hưởng sắt đối với bảy món báu ấy, không có thứ sắt này.

Sanh trong 9 phẩm, về phẩm hạ nước kia, còn hơn cung trời. Mà cung trời đều dùng 7 báu làm thành, chớ chưa nghe có sắt. Hương ở Tây-phương nào đâu có thứ đó !!

SỐ : Loại hoa sen là : Chỗ gá thai cho người vãng-sanh về nước kia. Vậy người niệm Phật, chỉ phải biết đó.

SAO : Gá thai là người chưa chứng quả vô sanh, hễ sanh về đó,ắt có chỗ gá. Chúng-sanh trong sáu đường, thời thân trung-âm, tự tìm cha mẹ bực Thiện-sĩ vãng-sanh, thời trong một khảy móng tay hoa sen hóa sanh. Văn sau nói : Nhứt tâm bất loạn, liền đặng sanh về cõi nước Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà, tức là sanh trong hoa sen đây vậy.

Hoa sen đây: Chính là cung màu cội xác phàm, nhà thân an Huệ mạng. Với nước đề về đến, gọi là nước Liên-Bang. Bạn đồng tu, gọi là bạn Liên-xã. Với phân giờ thiền-tụng, gọi là đồng-hồ Liên-lậu. Định chỗ tốt xu hướng gọi là phái Liên-tóng, trọng về sự kia vậy.

Người tu Tịnh-Độ, hoặc khi lễ Phật, phải tưởng mình ở trong hoa sen làm lễ, Phật cũng ở trong hoa sen chịu mình kính lễ. Hoặc khi niệm Phật, phải tưởng mình ở trong hoa sen, ngồi kiết-già, Phật cũng ở trong hoa sen tiếp dẫn mình, như vậy rồi sau mới nhứt tâm tri danh.

Xưa có hai ông Thầy chỉ tưởng hoa sen nở ra rồi tưởng hoa sen búp lại; mà còn đặng vãng-sanh thay. Hướng lại thêm nhứt tâm tri danh mà chẳng đặng vãng-sanh sao?

Hỏi : Kinh đây; chẳng gồm sự quán-tưởng sắc tượng, vì lẽ gì nay lại nói thế?

Đáp : Vì có chỗ chuyên chú, gồm cũng không ngại. Vì sao? Kia như vị Bồ-tát, khi tu đủ lục độ, nhưng như riêng lấy bố-thí độ làm chỗ chuyên chú. Các độ kia không phải là không tu, miễn tùy sức tùy phận.

Nay pháp niệm Phật cũng thế. Người chuyên chú pháp quán-tưởng, ít tri danh, người chuyên chú pháp tri danh, thời ít quán-tưởng, cũng là nói tùy sức tùy phận vậy.

Câu nói : Không gồm sắc tướng ấy. Số là, e nhứt tâm chấp tri danh hiệu, lại nhứt tâm quán-tưởng sắc tượng. Chẳng những tâm không hai tác dụng, mà hai sự đồng thời đều làm, khinh trọng chẳng phân, đều không thành-tựu đó thôi.

Nếu rõ đặng nghĩa chánh và trợ, thời nhứt tâm tri danh, lấy làm chỗ chánh, ít quán-tưởng làm trợ, trợ cũng qui

SỐ : Xưng lý, thời tự-tánh thanh-tịnh quang-minh là nghĩa hoa sen.

SAO : Thanh-tịnh là nêu sắc, và tự-tánh mảy trần chẳng dính. Quang-minh là nêu hào-quang, vì tự-tánh có muôn pháp đánh-rành vậy. Luận Phật Địa nói : Các sắc giả và thật như thế, đều chẳng ngoài tâm-tịnh của Phật. Tức tâm-tịnh ấy, hay hiển hiện các sắc giả và thật.

Cho nên trong kinh nói : Sắc xanh hào-quang xanh, sắc vàng hào-quang vàng v.v... Sắc nào hào-quang nấy chẳng hai, tịch đầu chiếu-đó đều dung thông vậy. Lại tự-tánh tịch là nghĩa hoa búp, tự-tánh chiếu là nghĩa hoa nở, tự-tánh cụ-túc tất cả thiện pháp, ấy là nghĩa vi-diệu hương-khiết.

Thế thời chẳng lìa cảnh trần, chưa tắm ao báu, mà thường ở trong hoa sen, đi kinh-hành và tọa ngọa.

TÔNG-KẾT

Xá-Lợi-Phất : Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.

SỐ : Như văn trước : Lan-can, lưới giăng, hàng cây, ao, lầu, hoa sen, món món trang-nghiêm, đều là do đức Phật A-Di-Đà, trong nhân Ngài phát Đại-nguyện, và nguyện rồi lại tu Đại-hạnh, vô-lượng công-đức mới được thành-tựu như vậy ? Như lời nguyện-hạnh trong kinh Hoa-Nghiêm cũng đồng ý đây.

SAO : Do Đại-Nguyện, khởi ra Đại-Hạnh. Nhờ có Đại-Hạnh, mới đúng lời Đại-Nguyện, chỗ tu-nhơn của ông Bồ-tát, đâu chẳng phải thế ? Hạnh đủ nguyện xong, kêu là thành-tựu. Trong chỗ tu-nhơn là : Khi Phật Di-Đà còn làm ông Tỷ-kheo tên Pháp-Tạng. Lời Đại-Nguyện là : Ngài phát 48 lời nguyện. Có lời nguyện Ngài nói rằng : Khi Ta thành Phật, những người sanh về cõi Ta, đều ở trong ao Thất-Bảo, nước Bát-công-đức ở trong hoa sen hóa sanh. Lại nguyện rằng : Khi Ta thành Phật, trong cõi Ta, từ dưới đất sắp lên, đến hư-không, đều có cung-diện lầu các, ao, suối, hoa, cây, đều dùng vô-lượng các ngọc báu, trăm nghìn món hương mà hiệp cộng thành. Lại nguyện rằng :

Nếu khi Ta thành Phật khắp cùng nước đủ các món trang-nghiêm không có chúng-sanh (người nào) mà có thể diễn-tả cho hết được. Thế gọi là lời Đại-Nguyện.

Nói Đại-Hạnh là : Kinh Đại-Bồ-n nói : Ngài Tỳ-kheo Pháp-Tạng, đối chỗ Phật Thế Tự-Tại-Vương, nhiếp thủ các hạnh thanh-tịnh 21 ức cõi Phật, y như hạnh đó mà tu trì.

Lại nói : Ngài Tỳ-kheo Pháp-Tạng phát 48 lời nguyện rồi, trụ nơi trí-huệ chơn-thiết, dùng mãnh tinh-tấn, cả kiếp A-tăng-kỳ, tu hạnh Bồ-tát, giữ thân, miệng và ý, tu hành lục độ, rõ đặng lý không, vô-tướng, vô-tác, thi hành giáo-hóa, đến vô-lượng chúng-sanh, phát tâm Bồ-đề. Thế gọi là lời Đại-Hạnh.

Nói công-đức ấy : Tức là Đại-Hạnh, Đại-Nguyện, đây gọi là : Công-đức. Kinh Đại-Bồ-n nói : Tích công bởi đức như thế, vô-lượng nghìn muôn ức kiếp, công-đức trọn đủ, mới đặng thành-tựu lời Đại-Nguyện ấy mà vào ngôi vị Phật. Lời Đại-Nguyện Đại-Hạnh trong kinh Hoa-Nghiêm là : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm thế-giới nói : Cõi Hoa-Tạng trang-nghiêm Thế-Giới-Hải đây, là do Phật Tỳ-Lô Giá-Na thuở trước, ở chỗ vi-trần số Phật tu vi-trần số Đại-Nguyện, mới đặng thành-tựu cõi nghiêm tịnh đây vậy ;

Lời văn nói : Đều thành-tựu Trí-Địa và Hạnh của đức Phồ-Hiền thời tất cả cõi trang-nghiêm, từ đây mà sanh ra. Lẽ như lời Nguyện Hạnh của Ngài Pháp-Tạng, cũng in như vậy.

SỞ : Lại công-đức là : Công-đức tánh vô-lậu, lại có thắng và liệt, nay đây là công-đức thắng.

SAO : Công-đức vô-lậu là : Đức Sơ-Tồ nói : Gây làm phước trong đời là cái nhơn hữu lậu (32), chẳng gọi là công-đức. Lại nói : Công-đức ở trong pháp thân, thời đại-hạnh, đại-nguyện đây, đều là công-đức vô-lậu trong tánh minh, chẳng phải sự nhơn hữu lậu tiêu-quả cõi nhơn Thiên nói trên vậy.

Thắng liệt là : Hàng Thanh-Văn, bậc Bồ-tát, nhần đến bậc Phật đều có công-đức, nhưng lớn nhỏ khác nhau.

Nay là nhơn địa của Phật kia (Di-Đà) tu vô-lượng nguyện hạnh mới đặng thành-tựu, công cao đức tốt không thể nghĩ bàn, cho nên nói Thắng.

SỞ : Hỏi : Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Trang-nghiêm cõi Phật ấy, thiết chẳng phải trang-nghiêm, thế mới gọi là trang-nghiêm. Nay kinh này rộng bày y chánh, vì sao hai kinh, ý nghĩa trái nhau ?

Đáp : Vì tánh và tướng chẳng riêng, nhưng vì chỗ lập tôn có khác.

SAO : Tánh và Tướng chẳng riêng là : Toàn tánh khởi ra tướng, toàn tướng qui về tánh. Tánh Tướng vốn chẳng phải hai vật, nhưng chỗ lập tôn của mỗi kinh chẳng đồng.

Như kinh kia (Kim-cang) lấy lý vô tướng lập Tôn, cho nên chỉ nói tướng đệ-nhứt-nghĩa, không dùng hình tướng, thiết thời trong tâm thanh-tịnh, thân cõi đều hiện, dụ như lau gương, bụi hết, hình tượng bày ra. Còn những kinh mà chuyên nói về tánh đó, số là tánh tức tướng chẳng phải bỏ tướng riêng dùng tánh.

Nay kinh này, do khuyên cầu sanh tịnh-độ làm Tôn cho nên với cõi Cực-Lạc y chánh, mỗi món trang-nghiêm tráo trở phân ranh, khiến người khởi ham mộ ; thực ra thời tướng vốn tự không, chỉ là duy tâm, duy-thức mà thôi.

Kinh này (Di-Đà) rộng bày tướng đó, số là cái tướng tức tánh, chứ chẳng phải lìa tánh ra mà chỉ nói tướng đầu. Vì chỗ lập tôn của mỗi kinh có khác, chớ chỗ cứu cánh cũng vẫn đồng, cho nên biết hai kinh, nghĩa chẳng trái nhau.

SỞ : Hỏi : Cung-diện, vườn hoa của chư-thiên cũng dùng bảy báu trang-nghiêm, thì sánh với cõi Phật kia có khác gì ?

Đáp : Vì xấu và tốt có khác nhau.

SAO : Xấu và tốt là : Như châu ngọc trong đời, tuy đồng tên là ngọc báu, nhưng mà chất nó có thứ xấu có thứ tốt, giá có khinh có trọng, cho nên các cõi trời, từ cõi thấp đến cõi cao, y-báo, chánh báo trang-nghiêm của mỗi cõi, từ xấu lẫn đến tốt, có thắng có liệt khác xa. Huống gì nước Cực-Lạc, vượt ngoài ba cõi, đâu chẳng phải với trong bảy báu trang-nghiêm, riêng cõi Phật là tốt hơn hết ; Trong kinh nói :

Vị Luân-Vương, cũng có 32 tướng tốt, nhưng không bằng Phật, tức là ý đây vậy.

SỐ : Lại công-đức đây, tuy là do nguyện-lực đức Phật thành-tựu, nhưng cũng gồm nhờ chúng-sanh. Do tâm kia tịnh, thời cõi mới tịnh.

SAO : Gồm nhờ chúng-sanh là: Kinh Duy-Ma nói: Trục tâm là Tịnh-độ của ông Bồ-tát; Bồ-tát khi thành Phật, những chúng-sanh không đua vạy, mới sanh về trong nước Ngài. Thâm tâm là Tịnh-độ của ông Bồ-tát. Bồ-tát khi thành Phật những chúng-sanh cụ túc công-đức, mới sanh về trong nước Ngài, nhần đến muôn hạnh cũng đều như vậy.

Cho nên người ở phương này niệm Phật, cõi kia hoa sen thành, thời nước Cực-Lạc món món thanh-tịnh trang-nghiêm. Tuy rằng Phật kia (Di-Đà) khi làm Bồ-tát chỗ tu thành-tựu, nhưng mà nói chúng-sanh cần tu tịnh-nghiệp chung cộng thành-tựu, cũng được. Cho nên nói: tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh.

SỐ : Xứng lý, thời tự-tánh hay sanh ra muôn pháp, là nghĩa trang-nghiêm.

SAO : Đức Lục-Tổ nói: Nào dè tự-tánh hay sanh ra muôn pháp. Kinh Hoa-Nguyên nói: Tất cả những cái bảo linh, lưới báu, do tâm hiền « Nhứt Thế Pháp Như Huyền » sanh ra. Tất cả lầu các bằng bảy báu, cũng do « Thiện căn vô-trước, Thiện căn vô-sanh » sanh ra, nhần đến y-phục, bảo cái, tràng-phan, bửu tòa v.v..., đâu chẳng từ nơi ấy sanh ra vậy?

Kinh Hoa-Nghiêm lại nói: Trong cõi Hoa-Tạng trang-nghiêm Thế-giới Hải đây, hoặc từ sơn-hà, nhần đến cây rừng, bụi-bặm mảy lông các xứ, mỗi mỗi đều là xứng cõi Chơn-Như pháp-giới đủ đức vô-biên, cho nên phải biết: Tịnh-độ tại trong tâm, ngoài tâm không có cảnh.

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ HAI

(1) « **Chẳng phải số chúng sanh** » : Nghĩa gồm hai thế gian :

1.- Bốn bậc Thánh : Thánh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát, Phật, là những vị đã tiến lên cảnh-giới trí-huệ giác-ngộ, nên không ở trong số chúng-sanh.

2.- Bốn Châu thế-giới : Đông-thắng-thần, Nam-thiệm-bộ, Tây-ngưu-hóa, Bắc-cu-lô, và núi, sông, cây, cỏ... là những vật vô tri-giác, nên cũng gọi không trong số chúng-sanh, vì cái danh-từ chúng-sanh tức là « Hữu-tình » nghĩa là có cái tình-thức, bởi biết cảm-tình về vui cười, khổ khóc v.v...

« **Thường và vô-thường** » : Giữa 3 thế-gian, cái thế-tánh mà có cái lý bất-sanh, bất-diệt gọi là thường ; còn cái hiện-tượng mà có sanh trụ ; dị, diệt, gọi là vô-thường.

(2) « **Căn-bản-trí** » : là cái trí do Chơn-trí mới phát sanh tỏ hợp với Chơn-lý ; chúng được cái thực-trí của Chơn-lý ấy, nó làm gốc cho tục-trí để biết sự này tướng nọ giữa pháp hữu-vi, nên gọi nó là Căn-bản-trí.

(3) « **Hậu-Đắc-trí** » : là cái tục-trí do sau khi đắc Chơn-trí rồi nó soi rõ được cả muôn sự vật của pháp hữu-vi ; vì cái trí này nó sanh ở sau cái trí căn-bản, nên gọi là Hậu-đắc-trí.

(4) « **Phiền-não chướng** » : Các điều tham, sân, si... làm rối loạn trong thâm-tâm của chúng hữu-tình, nên gọi là phiền-não nó hay làm chướng-ngại cho tâm-trí giác-đạo, nên nói là chướng, phiền-não chướng nó do cái bệnh « Ngã-chấp » sanh ra. Đoạn chướng này chúng Niết-Bàn nhị thừa.

- (5) « **Sở tri-chương** » : Cũng gọi **trí-chương** : Bởi ngu-si mê-ám, không hiểu thấu được sự-tướng và thực-tánh của các Pháp, nên bảo là **Trí-chương**. Cái chương này do bệnh « **Pháp chấp** » sanh ra. Đoạn luận cái chương này, **Bồ-Tát** cũng chưa đặc **Bồ-Đề**, vì hai chương có rộng hẹp.
- (6) « **Chơn-đế** » : Do trí của bậc Thánh xét thấy được cái lý-tĩnh chơn-thật, vì lìa bỏ điều hư-vọng, nên gọi là **chơn**, lẽ nó quyết định chẳng còn bị lay-động, nên bảo là **Đế**. Lại, cái lý tánh đây, với Thánh là thật, nên nói là **Đế** : **Chắc-thực**.
- (7) « **Tục-đế** » : Tánh-tĩnh còn mê-muội nhận thấy những sự tướng giữa cõi đời, vì thuận theo cái phương-pháp của phàm-tục, mê-tinh, nên gọi là **Tục**. Nó là cái đạo-lý về phàm-tục, nên bảo là **Đế**, vì người đời cho là quyết-định không lay-động. Lại sự-tướng ấy, với thế-tục nhận làm thật, nên bảo là **Đế** : cho là **thực**.
- (8) « **6 nghĩa tức Phật** » : 1.- **Lý tức Phật** ; vì tất cả chúng-sanh đều có tánh Phật. 2.- **Danh tự tức Phật** : vì hiểu biết kinh điển, nghe tiếng biết chữ. 3.- **Quán hạnh tức Phật** : vì y theo giáo-pháp để tu, tức là các vị ở trong ngôi ngũ-phàm. 4.- **Tương-tợ tức Phật** ; vì phát cái huệ giải tương-tợ tức là các vị ở trong ngôi thập tín. 5.- **Phần chứng tức Phật** : vì phá được một phần vô-minh, thì chứng được phần pháp-thân, trí-giác, tức là các vị ở trong bậc sơ-trụ nhứt đến ngôi Đẳng-giác. 6.- **Cứu-cánh tức Phật**, vì đoạn vô-minh, chứng trí-giác đều đã viên-mãn rồi, tức là ngôi Diệt-giác.
- (9) « **Phật có 10 thân** » : 1.- **Chánh-giác-Phật** ; 2.- **Nguyện Phật**. 3.- **Nghiệp-báo Phật** ; 4.- **Trụ-trì Phật** ; 5.- **Niết-bàn Phật**. 6.- **Pháp-giới Phật** ; 7.- **Tâm Phật** ; 8.- **Tam-muội Phật** ; 9.- **Bổn-tánh Phật** ; và 10.- **Tùy-nhạo Phật**.

1.- **Bồ-Đề thân** (chánh-giác Phật) : thân Phật bằng cách thị hiện ra 8 cái tướng để hành đạo chánh-giác. 2.- **Nguyện thân** (nguyện Phật) : cái thân Phật bằng khi mà nguyện sanh ở cung trời Đâu-xuất. 3.- **Hóa-thân** (hóa Phật) : cái thân Phật bằng cách ứng hóa sanh ở nơi cung vua lại : có hiện hóa thân, ẩn hiện diệt thân, nên gọi **Niết-bàn Phật**. 4.- **Trụ-trì thân** (trụ-trì

Phật) cái thân bằng cách sau khi nhập-diệt, để Xá-lợi của tu thân lại, dựng trụ-trì Phật Pháp. 5.- Tướng hảo trang nghiêm-thân (nghiệp báo Phật) ; cái thân Phật trang-nghiêm bằng vô-biên tướng hảo ; để trả lại cho những công-đức bởi tu-nhơn đủ muôn hạnh nghiệp nhơn lành, nên gọi là nghiệp báo Phật. 6.- Thễ-lực thân (Tâm Phật) : dùng từ tâm của Phật, để thấu phục tất cả, nên nói thễ-lực thân. 7.- Như-ý thân (ý sanh thân) : đối với các vị Bồ-Tát trước thập-địa, và trên thập-địa, để hiện ra cái Phật thân bằng như-ý. 8.- Phước-đức thân (tam-muội Phật) : cái thân thường ở trong tam-muội, vì tam-muội là cực-điểm của phước, nên gọi là phước-đức. 9.- Trí-thân (tánh Phật) : là cả 4 trí, như Đại-viên cảnh-trí v.v... 4 trí đều là tánh-đức bôn-hữu, nên gọi là tánh Phật. 10.- Pháp-thân (pháp-giới Phật) là bôn-tánh để cho trí thân hiểu rõ.

(10) « Lia tứ-quá » : 1.- Có ; 2.- Không ; 3.- Cũng có cũng không ; 4.- Phi có phi không. Với 4 điều trên vì chấp là thật, nên thành, quá thất ;

(11) « Tuyệt bách-phi » : Cả 4 câu trên, đều có : gốc, ngọn, 3 đời, đã sanh khởi, chưa sanh khởi, cộng thành 100 câu, đều phi chân-thiệt nên nói là phi. Vả như :

« Có » có 4 câu là : 1.- Có có ; 2.- Không không ; 3.- Có cùng có cũng không ; 4.- Có phi có phi không.

« Không » có 4 câu là : 1.- Không có ; 2.- Không không ; 3.- Không cùng có cũng không ; 4.- Không phi có phi không.

« Cũng có cũng không » có 4 câu là : 1.- Cũng có cũng không có ; 2.- Cũng có cũng không không ; 3.- Cũng có cũng không có cũng không ; 4.- Cũng có cũng không phi có phi không.

« Phi có không » có 4 câu là : 1.- Phi có phi không có ; 2.- Phi có phi không không ; 3.- Phi có phi không cùng có cũng không ; 4.- Phi có phi không phi có phi không.

Nghĩa là : với cái lẽ chơn-thật của nó, nếu bảo rằng (có) là phạm về cái lỗi tăng thêm ; còn bảo rằng (không) là phạm điều lỗi giảm bớt ; hoặc cho là (cũng có cũng không) là phạm cái lỗi

trương-vi (trái nhau, mâu-thuẫn) cho là (phỉ có phỉ không) là phạm điều lỗi Hi-luận. Bởi lẽ chơn thật nó là ngữ-ngôn văn-tự, nên hễ nói ra bằng cách nào cũng đều phạm lỗi cả, gọi là ngôn sanh lý tán, thuyết tắc đầu giác sanh (sanh vọng).

- (12) « Đọc lời người xưa » : Sách Trang-Tử chép rằng : Vua Tề-Hoàn-Công đọc sách trên nhà, thợ dẻo bánh xe tên là Biền, đương dẻo bánh xe nhà dưới, buông dùi-đục và đồ nghề, lên nhà trên tàu hỏi :

— Xin tàu Bệ-Hạ : Bệ-Hạ đọc sách gì đó ?

— Sách của người xưa.

— Người xưa còn sống không ?

— Qua đời rồi.

— Thế thì sách bị đọc đó nó là cận-bà của người xưa thời ?

— Quả nhân đọc sách, quan Luân-Nhơn sao dựng phép lên nghị-luận ư ? Vậy Quả-nhân giao rằng : Hễ nói có lý-do thì được sống, còn nói mà chẳng lý-do là phải tội chết ?

— Tàu Bệ-Hạ : Xin lấy cái nghề-nghiệp của thần-hạ để xét thử như thế này : Với việc dẻo bánh xe đây, nếu quá chậm, thì nó non lỏng mà chẳng chắc, còn quá mau, thì nó già gãy mà không lọt vào. Vậy không mau không chậm, vừa đặc nơi tâm, vừa hiện nơi tay, có cái lý số' còn mãi. Với nghề hay ấy, hạ-thần không thể dạy truyền cho con mình được, mà con của hạ-thần nó cũng không thể nối truyền được cái tài nghệ của hạ-thần. Thế nên năm nay đã 70 tuổi, mà lui-đời rồi đây, cái nghề hay dẻo bánh xe này nó cũng chỉ đồng lão hủ theo với hạ-thần mà thôi, chả còn mấy ai nữa ! ? Ôi ! Cái điều mà người xưa chẳng thể truyền được đó nó đã theo người xưa qua rồi ! Thế thì cái mà bị Bệ-Hạ đọc đó, nó bất quá là bã xác của Cỗ-nhơn vậy thôi, chứ nào phải sốt-dẻo ngon lành gì ?

— Quan Luân-Nhơn nói đúng lắm ; Quả-Nhơn nầy chỉ gián-tiếp với văn-tự của cỗ-nhơn, chứ phỉ trực-tiếp với cỗ-nhơn bằng đạo-lý hay đạo-vị gì cả,

- (13) « **Tứ-vô-lượng-tâm** » : 1.- Từ vô lượng tâm : cái tâm ban vui cho vô lượng chúng-sanh ; 2.- Bi vô lượng tâm : cái tâm cứu khổ cho vô lượng chúng-sanh ; 3.- Hi vô lượng tâm : cái tâm thấy chúng-sanh lìa khổ được vui mà mừng rỡ tán-thành ; 4.- Xả vô-lượng tâm ; với 3 cái tâm trên đều xả hết, mà lòng không chấp trước.

Với kẻ thân người thù, lòng vẫn bình-đẳng, là hi xả cho kẻ ân người oán, lòng công-bình làm lợi cho chúng-sanh, thì gọi là « tứ đẳng tâm », lòng không phân biệt mà phổ-độ tất cả chúng-sanh, thì gọi là « Tứ vô-lượng tâm ». Với 4 tâm ấy nương theo 4 thiền-định đề tu, hễ tu được là được sanh lên cõi Phạm-thiên, nên cũng gọi là « tứ phạm-hạnh ».

- (14) « **Vô học** » Trong ngôi tu-hành, người đã chứng đến quả vị thứ 4, tức là A-la-Hán, vì đã dứt hết rồi những vọng hoặc trong tâm, chứng đủ cả chân-đế của thánh-trí, nên gọi là vô học, bởi không còn vọng-tâm đâu nữa để dứt, không còn thánh-trí đâu nữa để chứng. Đã giải-thoát ra ngoài tâm-vọng-hoặc của chúng sanh trong 3 giới. Còn 3 quả thánh-nhân kia là hữu học, vì còn đoạn-hoặc chứng-chân.

- (15) « **Tam-minh** » : Ở Phật là tam-đạt ; ở La-Hán là tam-minh : Có cái trí hiểu các pháp (sự-vật rõ được cả, nên gọi là Minh). 1.- Túc-mạng minh : Biết cả sự sanh-tử từ đời trước của thân ta với thân chúng-sanh ; 2.- Thiên-nhân minh : Hiểu cả tướng sanh-tử về kiếp sau của thân ta với thân chúng-sanh ; 3.- Rõ cả cái khổ tướng sanh-tử hiện đời này của thân ta và thân của chúng-sanh : nhờ có cái trí đó mà ta tự dứt được tất cả phiền-não. Chữ Lậu là phiền-não, lậu-tận là hết phiền-não rồi. Phiền-não là : tham, sân, si, thất-tình, lục-dục.

- (16) « **Lục-thông** » : Các thánh trong tam-thừa tu đắc thần thông có sáu phép, là : thiên-nhân thông, thiên-nhi thông, tha-tâm thông, túc-mạng thông, thần-túc thông, và lậu-tận thông. 1.- Đắc nhân-căn như con mắt trời sắc-giới ; ngó lâu không mỏi nháy, thấy suốt không chỉ làm chướng ngại, nên gọi thiên-nhân thông. 2.- Đắc-nhi-căn như lỗ tai của trời vô sắc-giới : nghe rõ biết tiếng cả chúng-sanh không chỉ làm chướng ngại nên gọi là thiên-nhi-thông. 3.- Chứng đắc cái trí sáng-suốt biết cả tâm niệm

của chúng-sanh, nên gọi tha-tâm thông. 4.- Đắc cái trí tự biết cả sanh-mạng từ đời này suốt nhiều kiếp trước của mình và của chúng-sanh lục-đạo, nên gọi túc-mạng thông. 5.- Đắc cái thần lực đạo đi qua lại rất nhanh tự-tại, không chỉ làm trở ngại, nên gọi thần-túc thông. 6.- Lậu-tận-thông tức là lậu-tận-minh đã nói ở tam-minh trên.

Chỉ có người tu Phật, chúng La-Hán mới đắc cái lậu-tận thông ; còn 5 thông trước : những kẻ ngoại đạo tu tiên, kẻ tu pháp thiên hữu-lậu, kẻ tu luyện thuốc, luyện chú, luyện bùa, luyện ngãi, cho đến các ông trời ở tam giới, các thần linh, các yêu quỉ... đều chứng được : hoặc 5 thông, 4 thông, 3 thông, 2 thông và 1 thông. Nhưng rốt rồi đều phải luân-hồi lại phàm-nhơn, vì chưa chứng được cái lậu-tận thông. Chữ thông nghĩa là tác dụng tự-tại, không chỉ làm trở ngại.

Phật, Bồ-Tát, Ngoại-đạo tiên-nhơn tu chứng được thì gọi là « tu đắc thông lực » vì tam-thừa thánh-hiền tu tam học mà đắc lực thông, ngoại-đạo tiên-nhơn tu thiên-định mà hiện được ngũ-thông. Còn 3 giới các trời đều có ngũ-thông, nhần đến quỉ thần cũng có một vài thông, đều chung gọi « báo đắc thông lực », vì y nơi quả báo tự-nhiên có được. Lại quỉ thần Hỷ-ly-tinh sở đắc là « nghiệp-thông » vì nương nơi nghiệp lực mà đắc.

(Tu theo Phật mới được 6 thông, các đạo kia chỉ có 5 thông, còn bị luân-hồi sanh-tử, vì chưa diệt được ý-thức vi-tế vọng tưởng dù tu lên cõi trời Phi phi tưởng nhưng chỉ diệt được phần thô).

- (17) « Rồng chịu thua » : Hai anh em Rồng Nan-Đà, Bạt Nan-Đà, đều ở biển bên núi Tu-Di ; Phật thường lên cung trời Đao-Lợi, hai rồng ấy nổi giận rằng trách : có sao người trọc cù đi trên chỗ ta ở ? Lần sau, Phật lại lên Đao-Lợi nữa ; hai Rồng ấy hơi hơi khói thành mây đen làm tối mù mặt trời đất. Các thầy Tỳ-kheo xin phép đề ngăn dẹp nó, mà Phật không cho ; đến ông Mục-kiền-Liên ra xin, Phật mới chấp thuận. Con rồng ấy nó biến hiện cái thân cực kỳ dài lớn, quấn núi Tu-Di gấp 7 vòng, đuôi đập nước biển, đầu gác trên đỉnh núi. Ngài Mục-Liên hoá ra cái thân rồng lớn dài gấp hai nó quấn gấp núi 14 vòng, đuôi quây thấu đáy biển, đầu cất tới cung trời Phạm-Thiên. Hai rồng ấy lại càng giận dữ, hóa phép mưa đá sạn tuôn xuống.

Ngài Mục-Liên hóa đá sạn ấy biến ra hoa sen, mềm mại khá yêu. Rồi còn giện mãi chẳng thôi, Mục-Liên lại hóa làm những con gỏi rất nhỏ, chun vào trong mỗi cái vảy, để cắn rút lung-tung, từ mắt chun vào tai, từ tai chun vô mũi, cứ chun vô bờ ra lúc-nhúc như thế. Rồi bị đau quá phải chịu thua nguyện qui-y tam-bảo.

- (18) « **Chẳng cho dời núi** » : Có một phái ngoại-đạo cả thầy trò là 5 trăm ông Lão-Sư, dùng sức luyện thần chú, để dời núi đồi chùa tiên, chúng luyện hơn một tháng, núi đã lay động. Mục-Liên lấy làm cảm-thương vì núi ấy dời đi, tất cả nhân dân quanh vùng bị nhiều thiệt-hại.

Ngài lên đánh núi ngồi thiền-định, núi đứng yên lại như xưa. Chúng ngạc nhiên nói : Phép của chúng ta làm núi đã động, chừng vài bữa nữa là dời được, có sao cứng lại như trước ? Tất nhiên có đệ-tử Phật lòng từ khiến thế ! Chúng tự biết phép yếu, dẫn nhau đầu Phật.

- (19) « **Đem con cháu họ Thích giấu trên cung trời** » : Vua Lưu-Lý đánh giết họ Thích ; Mục-Liên muốn cứu, mà Phật cho là do cái định nghiệp khó trốn, nếu cứu là làm việc bất-bình, vì Lưu-Lý vương mất nợ ! Tuy đã biết lẽ hơn-quả báo-ứng giữa họ Thích với Lưu-Lý vua, nhưng Mục-Liên không nỡ điềm nhiên tọa thị, ông hóa phép thần-thông : đem được 500 người Thích chùng giấu trong bình bát để tẩn-cư lên cung trời Đại-phạm. Trận giặc ấy chấm dứt rồi, Mục-Liên lên đem bình-bát về để giờ nắp ra coi, thì 5 trăm người Thích chùng kia đâu mất, mà chỉ còn là một bình-bát máu vậy thôi. Thế đủ biết rằng : với nghiệp lực quả báo, Phật cũng không thể bình vực để cứu bằng cách bất-bình cho bên đời !

- (20) « **Ngăn xe đốt nhà** » : Kỳ-Vực là ông Tồ thầy thuốc của Ấn-Độ, là đệ-tử của Mục-Liên, đã mãn phần, sanh lên cung trời Đao Lợi, như một đồ-đệ đau bệnh nan y, Mục-Liên lên trời để hỏi thuốc. Gặp các trời trầy hội rong chơi, Kỳ-Vực ngồi trên xe không bước xuống, chỉ chào thầy bằng cách chấp tay mà thôi. Mục-Liên dùng thần lực ngăn không cho xe chạy. Buộc lòng Kỳ-Vực phải xuống xe để thú tội rằng : Chư thiên vì sự hưởng phước bắt buộc vui say, đến đời chẳng còn rồi rảnh để ngộ mặt nhau ! Tôn-giả ngài muốn gì mà hạn chế điều tự-do

vui sướng của đệ-tử thế này ? Ngài Mục-Liên cho biết việc đi tìm thuốc chữa bệnh ấy. Kỳ-Vực đáp rằng : Với chứng bệnh đó chỉ còn có phương-pháp thiên-y, nghĩa là nhịn đói thì tự nhiên lành bệnh, dầu không lành di nữa, thì cũng mau giải-thoát được cái xác khỗ. Bấy giờ Mục-Liên buông xe cho Kỳ-Vực mới được đi chơi với các trời. (Ông Kỳ-Vực có chỗ nói ông Kỳ-Bà).

Đức Chúa Trời Đế-Thích sau khi chiến thắng mặt trận cùng đánh với thần A-Tu-La, kiến thiết một lâu-đài bằng thất-bửu kỳ diệu trang-nghiêm, đề kỷ-niệm cuộc thắng trận, và thưởng tướng khao binh, tiệc tùng ăn lễ, biểu diễn lăm trò vui mừng thắng thưởng. Nhơn dịp Ngài Mục-Liên ghé vào ; đức Thiên-chủ đón tiếp, rước đi xem cuộc triển-lãm, và cất nghĩa giới-thiệu danh này cảnh nọ. Thấy Mục-Liên nghĩ là ông thầy tu ở nhơn-gian mới lên, các á-gái trời làm bộ e-lẹ, trên trời, lớn núp trong các bức màn-ngọc trướng-hoa, mà rì rích, vì không được tự-tiện múa hát đề hầu đức Chúa của chúng-ả : Mục-Liên biết vì thế mà đức Chúa nó không tu tỉnh được cũng bởi một có ấy Mục-Liên dùng thần-lực hóa lửa tam-muội chân hỏa ra phừng-phừng hực-hở. Cả bà con của đức Thiên-chủ đều thấy ngôi nhà thắng trận bị phát hỏa thiêu rụi ! Cả trời chúa, tôi buồn chán và than : vui nọ chưa no, buồn này đồn đến. Thừa dịp Mục-Liên an-ủi, giảng thích về điềm (tam giới vô an, du như hỏa-trạch. Lạc thị khỗ nhơn. Vô thường vô ngã...). Đức Chúa Đế-Thích nghe được hết mê, hồi đầu giác-ngộ hoan-hỉ lo tu, trả tù binh lại cho thần A-Tu-La vương. Bấy giờ Mục-Liên thâu pháp thần thông lại, thì ra bà con tôi chúa thấy nhà thắng trận vẫn còn nguyên hiện, mới biết phép thần của Tôn-Giả cảm hóa v.v...

- (21) « Hai chữ tảo chửn » : Tảo : quét ; chửn : cây chồi. Kinh Pháp-Cú chép : nước Xá-Vệ, có thầy Tỳ-kheo tên là Bàn-Đặc, sau khi xuất gia học hoài không thuộc, vì quá ư ngu-dốt, bởi tối dạ lắm ! Đến đời Phật giao cho 5 trăm thánh A-la-Hán, luân phiên mỗi ngày hai vị, để thay đổi dạy ông học, một bài kệ rằng :

« Cẩn tảo già lam địa,
Thời thời phước huệ sanh,
Tuy vô tần khách chí,
Diệc hữu thánh nhơn lành ».

NGHĨA : *Siếng quét đất vườn chùa,
Mỗi giờ sanh phước huệ,
Dù không khách khứa đến,
Cũng có thánh nhơn đi.*

Đã 3 năm qua, mà ông học chưa thuộc ! Anh của ông là Châu-Lợi quả rằng : Em không thể học thuộc được, tốt hơn là thôi, về tục, làm cư-sĩ cho xong ! Bàn-Đặc đến đứng dựa cửa Kỳ-Hoàn mà khóc và than tiếc rằng : Nếu hoàn tục thì làm sao hằng ngày được thấy đức Thê-Tôn ? Phật thấy, ra hỏi : Có gì thể ? — 5 trăm thánh tăng đã chán dạy vì con tối dạ, lại bị anh con đuổi hoàn tục, e không được thường thấy Phật nên con khóc ! Thôi đừng khóc ! Vào đây. Phật nắm tay dắt về Tịnh-Xá, bảo ở với Phật, Phật đưa cho một cây chổi, và dạy cho học hai chữ : Chổi quét. Ông đọc được « chổi », lại quên chữ « quét », mà hễ nhớ được chữ « quét » thì lại quên chữ « chổi ». Cứ như thế mãi, luôn đến mấy ngày. Đến chừng xét biết ông sắp hết nghiệp-chướng. Phật mới thừa dịp đề khai-thị rằng : Với 2 chữ « chổi quét », nó có sự và lý thế này : Sự, là cầm cây chổi vật hữu-hình, để quét sạch bụi-bặm và rác rến nơi ngoài nhà là Cư-địa, đừng trông mắt khỏe cho ta lẫn người ; Lý là gìn cây chổi pháp vô-hình để quét sạch bụi-bặm là phiền-não nơi trong nhà là tâm-địa, đừng giữ thanh-tịnh cho ta với người. Tóm lại, quét sạch cả bụi trần cấu-uế trong thân tâm ta và chúng, chớ có gì lạ lùng đâu mà không nhớ ? Phật vừa dứt lời, ông liền sáng suốt, chứng quả La-Hán, đủ 6 phép thần-thông.

Bấy giờ, bên phải Lục-Quần Bý-Xu-Ni, có Tịnh-xá riêng, đã lạy Phật thỉnh giáo giới ; Phật sắp đặt ; mỗi ngày có một Bý-Xu tăng, sớm mai đến giáo giới, rồi về kỳ-hoàn. Đến phiên ông Bàn-Đặc đi giáo giới, các Bý-Xu ni đều ngơ ngác mà hỏi với nhau : Sư huynh ấy tối dốt tận mạng đi, mà nay đến Huỷnh làm gì giáo-giới được, có lẽ Huỷnh cậy sư huynh của Huỷnh là Huỷnh Châu-Lợi thay thế cho, chớ Huỷnh mà giáo giới gì ? Đương còn dư luận, không dè ông đã reo gậy tích trước sen. Ủa ! Huỷnh đã tới ; A-Ha Huỷnh thiệt ; Bà nào cũng xàm-xì... mủm mĩm ; Có ý cười cợt bằng cách dễ người. Nhưng, giới luật bắt buộc, nên phải ra rước vào, làm lễ, dựng cơm, rồi hầu nghe thuyết-pháp. Bà nào cũng lấy vật đồ Cà-sa che miệng và sụt-sịt cười hoài, nên chẳng dám

đề trống ; Ngồi trên pháp tòa ông thầm nghĩ mình kém đức, nên mới có cái cảnh ngộ này ; Ông bố-cáo rằng : Kính cùng các pháp-tỷ ; Mặc dù tối đốt, chớ để đã học hiểu được vài nghĩa của hai chữ « chỗi quét » mà Phật chứng truyền, vậy các chị hãy đề tâm yên lặng nghe để giảng coi có hợp pháp với chương trình giáo-giới không ? Thừa các đại-tỷ ; Người tu Phật, tùy mỗi trình-độ mà học hỏi tu niệm có nhiều phương pháp ; nhưng yếu-điểm cũng không ngoài phải giữ cho sạch bụi trần cũng như đào-thải cho hết phiền não, nhứt là tẩy-thanh những chướng-ngại vật là ngã-mạn khinh ngạo, để cho thân khẩu ý 3 nghiệp đều khiết bạch, 6 căn được thanh-tịnh, như gương lau sạch bụi, cốt được như thế, mới mong minh-tâm kiến-tánh, chứng quả vô-lậu. Ấy là nghĩa của hai chữ « chỗi-quét » v.v... Vậy có thể nói : với 8 vạn 4 nghìn pháp-môn, cũng không ngoài ý-nghĩa của 2 chữ « chỗi quét », là vì quét sạch 8 vạn 4 nghìn bụi trần lao. Đó các chị xét có phải thế không ? Tôn-Giả vừa hỏi rồi, các Tỷ-kheo ni đều giật mình chứng ngộ quả A-La-Hán. Sạch lòng khinh mạn, đủ niệm kính thành, khắp-khởi hoan-nghinh, ân-cần bái-tống. — Bấy giờ vua Ba-tư-Nặc thỉnh Phật và chúng tăng vào cung thụ-trai ; Phật đưa bình-bát cho Bàn-Đặc bung, bảo đi sau chót, Phật đi trước hết, kể 1 ngàn 2 trăm 50 Tỷ-kheo, lần lượt vào cửa thành, sau rốt đến Bàn-Đặc, bị quân lính gác cửa ngõ cản lại không cho vào ! Và chỉ trích rằng : Chúng tôi là Cư-sĩ không thể học được nhiều, vì bận việc quân-chánh gia-đình, nhưng cũng thuộc được một hai bốn đề hôm sớm tụng-niệm ; còn Huynh đã làm Tỷ-kheo, một bài kệ chỉ 20 chữ, mà 3 năm rồi cũng học chưa thuộc ! Thế có tài đức gì đâu hòng vào thụ của nhà vua cúng ?

Đến giờ Phật lên trai-dàn tường bình-bát đề cơm vào, ông ở ngoài ngõ-môn dùng thần lực kéo dài cánh tay đưa bình-bát đến ngay trước Phật... ; cả vua cùng bá quan lấy làm kinh-ngạc ! Vì chỉ thấy cánh tay quá dài mà không thấy người nào đầu cổ ? ! Phật phải giới thiệu để cho vua biết rằng : Đây là cánh tay của Bàn-Đặc đó, vì quân lính không cho La-Hán ấy vào, mà bình-bát của Ta giao cho ông ấy bung, biết trong này tới giờ thụ-trai nên dùng thần biến đưa bình-bát vào. Vua sai các quan vội ra rước vào... Cuộc trai phạn rồi, vua hỏi : đức Tôn-giả đây vì sao tới đây ? Lại học cách nào được chứng quả như thế ? Phật dạy rằng : Kiếp trước

là người tu học thông lắm, chỉ vì muốn đề một mình làm thầy quán-chúng, nên bèn xén không bố thí pháp cho chúng, sợ chúng hơn mình, bởi cái tội lẩn pháp đó, thành thử đời này mắc quả tối đốt. Nhưng nhờ có lòng ham tu, và mến Ta, mà tội diệt phước sanh, chướng kia tiêu hết, huệ nọ sáng thêm, chỉ học 2 chữ, mà chứng quả như thế. Cả trái-đàn đại-hội vua quan ai nấy đều được nghe biết : cái tội (lẩn pháp) như thế kia : và không dám (khinh người) như thế. Tiếc rồi bái tạ, đưa Phật tăng về. Tôn-giả từ đây mới được chúng kính-trọng.

(22) « **Phóng ngư** » : Tiếng Phạn : (Nanda) Nan-Đà dịch : Hỷ, cũng tên là Phóng-ngư. Sách Pháp-Hoa Huyền-tán chép rằng : Nguyên là người chăn nuôi trâu bò, gặp Phật, ông hỏi thắc-mắc về cái nghề chăn nuôi, nghĩ bụng cho Phật chắc là chưa hiểu đến cái nghề hèn mọn ấy. Phật giảng về nghề chăn nuôi có 11 sự v.v... ông biết Phật là đủ trí biết tất cả. Đầu Phật xuất gia, rất thông-minh. Phật sai ông làm giáo-giới, 500 Tỳ-kheo ni nghe pháp rồi đều chứng quả La-Hán.

(23) « **Ăn lúa ngựa** » : Một trong 10 chương nạn mà Phật còn chịu dư báo hay là dư-ương, thấy trong Trung Bản-Khí kinh cuốn hạ, Đại-Phương-Tiện Phật báo-ân kinh cuốn 3, Kinh Luật dị tướng cuốn 5, Trí-độ Luận cuốn 6, và Kinh Hưng-Khởi-Hạnh đều chép rằng : Bên nước Tỳ-La-Phiến vua A-Kỳ-Đạt (Agnidatta) thân ngự đến Kỳ-Hoàn, đề rước Phật và 500 đệ-tử Tỳ-kheo về bên quốc, 3 tháng an-cư, Phật và chúng tăng kiết-hạ cấm túc rồi ; bấy giờ có ông trời Thiên-Ma-Vương giáng hạ nhập vào thân tâm của vua, làm vua mê sa tiếu sắc, ca nhạc với cung phi mỹ nữ trong nội-diện, lại nghiêm cấm cả 3 tháng không cho tâu việc lớn, nhỏ, ra, vô gì hết. Thì ra quên không cúng Phật hộ tăng ; chúng tăng xin phép đi khát thực, Phật không cho, vì đã thụ thỉnh ở đây, lại đi hóa-trai nơi khác, thì đâu trọn lời hứa với dân việt đây. Bấy giờ có người nước Ba-la-Nại lừa bày ngựa cho đi ăn đến thành Tỳ-la-Nhiên, thấy Phật và chúng tăng, vì chịu hứa cấm túc mà phải bị khốn, động lòng cảm-thiết, phát tâm thảo luận với chúng tăng rằng : Không dám nào ! Tôi chỉ có chở theo mấy xe lúa đề nuôi ngựa đây, tính muốn bớt ra một mớ, làm gạo cơm bánh đề cúng Phật hộ tăng trong vài tháng này, không biết Phật có thụ dụng chăng ? — Chúng tăng vào bạch..., Phật dạy rằng : Phải tùy

nghiệp thụ dụng chớ sao ! v.v... Còn 7 ngày nữa các nhà hào phú Cu-Si xa gần nghe biết, đem vật thực vào cúng dường. Đến ngày giải cấm (giải chễ) Phật bảo A-Nan vào cáo vua, măn hạ, từ giả về Kỳ-Hoàn Trời Ma-Vương thắng, vua được tỉnh lại, biết là bị Ma-vương ám ảnh rất ăn hận lạy Phật và đại chúng xin cho sám hối ! Chứ sự quá si điên, đã đi lơ ra rồi, ăn năn không kịp ! Phật khuyên nhủ rằng : Nhà vua chớ buồn ! Vì đây cũng là Ma-chướng quả báo, mà chúng ta hết nợ với nhau rồi ! Về đến chùa, kể thấy vua và các quan xe giá chở tới sự đến cúng dường, đề xin hỏi qua về quả báo vừa rồi. Phật bảo rằng : Đời trước rất lâu xa, có đức Phật Tỳ-Diếp-La ra đời ; trong thành Ma-Bạt, vua là Bàn-Đầu mời Phật và chúng tăng vào nội cung cúng dường.

Bấy giờ có người Bà-la-Môn, tên Nhơn-Đề Kỳ-Lợi, là một nhà đại triết học, thấu đạt được 500 đệ-tử. Thấy vua sùng bái cúng dường Phật tăng ; sanh tâm tật-đố rằng : Với bọn trọc đầu đó, có lúa ngựa mà cho chúng nó ăn, chớ đồ ngon vật quý đâu mà cho cho uống ! Cả thầy trò cũng đồng ganh ghét chễ nhạo như thế... Phật kết luận : Nay đại chúng : Có biết chăng ? Người Bà-la-Môn ấy, nay là Ta vậy, 500 đồ đệ kia, chính 500 La-Hán đây. Vì nhơn duyên đó, Ta cùng các người phải chịu khổ tam-đồ, nay đã chứng quả như thế này hãy còn dư-vương phải trả !

Kinh Lăng-Nghiêm cuốn 6 Phật cũng nói : (Chính như Ta phải ăn lúa ngựa để trả quả-báo).

- (24) « **Tháp không chịu tiền của vua** » : Vua A-Dục (Asoka) đi chiêm lễ các ngôi tháp của chư La-Hán, khi đến lạy tháp của Ngài Bạt-Câu-La, vua đọc vài câu có ý nhắc đời rằng : (Tuy tự luyện vô minh vu thế thiếu lợi ích) lúc Ngài còn ở đời, dù chơn tu bằng cách ở chỗ vắng-vẻ để rèn dũa vô-minh, thành ra ít có lợi ích cho đời. Và cúng 20 cái bửu-bối (tiền bạc bằng ốc xà-cừ), nhưng rồi tiền-bửu-bối ấy từ trong tháp bay ra theo dính nơi chơn của vua ; Các đại-thần thấy thế cả kinh, phục rằng : Lúc Tôn-giả còn ở nhơn gian, ra một mình nơi vắng, thiếu đức tri túc, nên nay ngôi tháp của Tôn-giả, cũng vẫn còn không chịu thụ-dụng tiền của thế gian. Thanh-liêm đến nỗi !

(25) « Voi mọc sáu ngà » : Khi đức Văn-Thù sanh, trong xứ hiện 10 điềm tốt : 1.- Ánh sáng hực đầy buồng ; 2.- Suong ngọt sa đầy sân ; 3.- Dưới đất nổi lên bảy báu ; 4.- Thần tài mở kho đã giấu ; 5.- Gà nở con chim phụng ; 6.- Heo đẻ con lợn rừng ; 7.- Ngựa sanh con kỳ-lân ; 8.- Bò đẻ con bạch trạch ; 9.- Kho lúa hóa thóc vàng ; 10.- Voi mọc 6 ngà.

(26) « Hội Long-Hoa » : Đức Di-Lặc Bồ-Tát, hiện nay (1953) ở nội-viện trên cung Trời thứ tư là Trời Đâu-xuất-Đà ; đương thời ông Đinh-Phước-Bảo (trước đây 20 năm) tính còn năm mươi sáu ức bảy ngàn muôn năm nữa, là Di-Lặc ra đời. Kinh Di-Lặc hạ sanh chép : đến vườn Hoa-Lâm, ngồi dưới cây Long-Hoa bồ-đề, thành Phật, mở pháp hội, thuyết pháp độ sanh, nên gọi là Long-Hoa hội. Kinh Tăng nhứt A-Hàm cuốn 44 chép : cách thành Trĩ-Đầu không xa mấy, có Đạo-thụ gọi là cây Long-Hoa, Bồ-Tát ngồi đó thành đạo quả vô thượng. Kinh Di-Lặc đại thành Phật chép : nguyên tên cây ấy là Bôn-Na-Già, nhánh nó hình như con rồng, nở bông có nhiều tia báu quý rất đẹp. Kinh Đại-Nhứt cuốn 7 chép : Bôn-na-Già là hoa cây rồng. Sách Pháp-Uyển Châu-Lâm chép : Hoa nhánh như hình đầu rồng, nên gọi Long-Hoa thụ, Bồ-tát ngồi dưới đó thành đạo, nên gọi là Long-Hoa bồ-đề thụ, xin xem bài Long-Hoa tam-hội ở cuốn trung sách Qui Nguyên Trục-Chỉ, mới rõ hơn...

(27) « Đường tẻ mắt dê... bắn trúng chim hộc » : Sách Liệt-tử biên rằng : có một người ở bên xóm thầy Dương-Tử, mất dê người ấy đã dẫn cả gia-nhơn, lại còn mượn thêm kẻ Đồng-tử của thầy Dương nữa để rượt theo kiếm dê. Thầy Dương hỏi : chỉ mất có một con dê, rượt theo chi đông lắm thế ? Người đáp : E vì nhiều đường tẻ như ngã ba, ngã tư chẳng hạn, nên phải có đông ngườiặng chia ra để kiếm theo mỗi con đường mới được. Mà rồi trở về chỗ không tìm thấy dê đâu cả bởi vì trong đường tẻ lại có nhiều đường tẻ nữa, thành thử rối rời chả biết con dê nó ở chỗ nào ? Nên nói : Với cái đạo cả tỷ như nhiều ngả mới mất dê, là để tỏ rằng kẻ học đạo bởi : lòng ham học lấy nhiều phương nên mất sống ; Kêu bằng : Đa thư loạn tâm, nghĩa lộ thái đa, lý độ quá, đa hư bất như thiếu thiệt.

— *Chim học* : Cái đích giữa tấm da đề thi bắn. Bên Tàu xưa thuở đời Đường đời Ngu dùng vãi, hoặc da, chính giữa vẽ con học, hoặc hình : gấu, cọp, beo, hươu, nai, nhưng khi chọn thi, hoặc cùng tân khách yến ẩm, dựng bức bia ấy lên, thề ai bắn trúng đích là được phần thắng, nên gọi là (xạ hậu) : bắn tên da.

(28) « **Trao lại cho Quán-Âm Thế-Chí** » : Kinh Bi-Hoa chép lời Phật Thích-Ca thuyết pháp tiền tri rằng :...

Đức Phật A-Di-Đà trao lại cho Ngài Quán-Thế-Âm lên làm Phật hiệu là Phổ-Quang Công-Đức-Son-Vương Như-Lai ; sau rồi đức Phật ấy trao lại cho Ngài Đại-Thế-Chí lên làm Phật hiệu là : Thiện-Trụ-Công-Đức-Bửu-Vương Như-Lai.

Hỏi : Di-Đà, Quán-Âm, Thế-Chí và Thanh-Tịnh Đại-Hải chúng mà thường bữa tụng công-phu tới đó, quý thầy gọi là lấy tứ-thánh hiệu ; 3 hiệu trên đã hiểu rồi, còn hiệu sau đó chưa được biết danh-tích là chi, và có trao tiếp làm Phật sau đức Thế-Chí không ?

Đáp : Không, vì là một hiệu (chung tất cả), chứ phi là hiệu riêng như Quán-Âm, Thế-Chí. Bởi rằng : Thanh-tịnh tức là Tịnh-độ ; Đại-Hải chúng : Cả biên chúng, nghĩa hơn cả biên người. Vậy biết ; Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải chúng Bồ-Tát, nghĩa là : kính lạy cả biên chúng Bồ-Tát trong cõi nước Thanh-tịnh. Vì tịnh-Độ là gọi tắt câu Thanh-Tịnh trang-nghiêm quốc-độ.

(29) « **Ca chiên lân đà** » : Sách Pháp-Uyển Châu-Lâm chép rằng : Chim Ca-Chân Lân-Đà, sanh trường ở cù-lao biên, ôm đựng đến, thân tâm sướng lạ hơn cái sướng của trời lục-dục : Kinh Chánh-Pháp niệm chép : Ca-Chiên Lân-Đà dịch : Khả ái điều (chim khá yêu) : Sanh ở trong bờ chạm đèn rất vui sướng : Tại thế giới này, đến thời kiếp tăng, mỗi người đều sống đủ 8 vạn 4 ngàn tuổi, có Chuyển-Luân-Vương ra đời, tức có thể chim ấy cũng sanh ra, vì là vật quý báu trong thất-bửu, mà do nơi hạnh-phước của Luân-Vương, mới xuất hiện. Chim ấy hình như chim oan ương cũng loài thủy điều. Tuy vậy nhưng mà không bằng đựng thứ cỏ công đức, bên cõi Tịnh-Độ, sự vui-sướng bội-thăng hơn.

(30) « **Tĩnh lực** » : *Tĩnh là tình cảm, Lực là tư-lực, là tất cả những hi-nộ, ái, ố... tư duy vọng tưởng, mà trong kinh sách Phật gọi là : kiến - hoặc, tư - hoặc, cả 8 vạn 4 nghìn phiền não chướng. Nước ở thế-giới Ta-Bà, người ta tắm chỉ sạch được cái bụi phiền não ngoài thân, nhưng chỉ được một chấp lát mà thôi, vì là uế-độ. Nước bên cội Thanh-tịnh, hễ tắm rồi là sạch luôn bụi phiền não trong tâm nữa là khác, nên gọi tâm tịnh, độ tịnh, vì là tịnh-độ, cả y-báo, chánh báo đều thanh-tịnh trang-nghiêm.*

(31) « **Miệng ra mùi thơm của sen** » : *Truyện chép : Ông Âu-Vương Vĩnh-Thúc ra làm quan Tri-Châu tại đất Đinh ; ở đó có một quan-ủy, (nghĩa là Đĩ nhà quan), vì chỉ có quan lớn nhất trong châu mới được, bởi nàng có mỹ-sắc hơn hết, lại miệng và mờ-hôi đều phưởng phất tươm ra hơi liên-hương : Có nhà tăng biết túc-mạng của Nàng : Kiếp trước cũng làm thân phụ-nữ, thường tụng kinh Pháp-Hoa suốt 30 năm, giờ rảnh lại thường ngâm luôn mấy câu : thanh liên hoa hương... Nhưng Ngài Tri-Châu cũng chưa chịu tin ; nhà tăng thí nghiệm cho biết rằng cách đọc trước vài câu, thì nàng ấy tiếp ứng khẩu đọc luôn trọn bộ bằng cách thuộc lòng ; còn đọc kinh khác thì nàng chẳng biết một chữ nào ráo : Chứng đó quan Tri-Châu mới tin chắc rồi hỏi rằng : Kiếp trước đã tu trì đến bậc đó, sao đã chẳng siêu lại đọa như vậy ? — Bởi một niệm sai lầm, nên đến nông-nổi !*

(32) « **Tu phước đời là nhơn hữu lậu** » : *Lương-vũ-Đế hỏi đức Sơ-Tồ rằng Quả-nhơn dựng chùa lên cốt Phật, tu đủ việc phước thiện, sẽ được bao công đức ? Sơ-Tồ đáp rằng : Hẳn không công đức. — Vì sao không công-đức ? — Nó chỉ là cái quả-phúc nhỏ của trời và phú-quí của nhơn gian, vì là cái nhơn hữu-lậu, như bóng theo hình, dù có nhưng không thật. Thế nào là công-đức chơn thật ? — Đẹp hết vọng-tâm, lòng không chấp trước, thí tài, thí pháp, phước huệ đều tu, người tức là ta, không phân bi thù, không nghĩ như trồng cây mong sau ăn trái, tâm cảnh như thế, mới là công-đức.*

Vũ-Đế hiểu được khen phải và than : với việc làm mà tâm được như thế, thật là khó làm. Nhưng nếu không làm, cũng chưa phải là người biết học Phật ! ?